

CÔNG TY TNHH MTV CY VINA

-----❖-----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở **NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA**
CÔNG CÁC LOẠI VALI, TÚI XÁCH



Thành phố Trà Vinh, tháng 8 năm 2024

CÔNG TY TNHH MTV CY VINA



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA
CÔNG CÁC LOẠI VALI, TÚI XÁCH

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
CÔNG TY TNHH MTV
CY VINA
GIÁM ĐỐC



CHOI BYUNG MAN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH
MÔI TRƯỜNG TỬ THIÊN
GIÁM ĐỐC



Tử Chi Thiên

Thành phố Trà Vinh, tháng 8 năm 2024

MỤC LỤC

	Trang
MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	iii
DANH MỤC BẢNG.....	iv
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1. Tên chủ cơ sở	1
2. Tên cơ sở	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	4
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước.....	7
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	9
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	9
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	9
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	13
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	13
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	24
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	27
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại (CTNH).....	31
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	35
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	37
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.....	39
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	46
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	48
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	48
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: Không.....	49

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: Không.....	49
Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	51
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	51
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí.....	52
Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	61
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	61
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật	62
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	63
CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	64
1. Các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ sở	64
2. Tình hình khắc phục những tồn tại	65
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	66

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Diễn giải
1	NĐ	Nghị định
2	TT	Thông tư
3	QĐ	Quyết định
4	CP	Chính phủ
5	TTg	Thủ tướng chính phủ
6	UBND	Ủy ban nhân dân
7	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
8	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
9	QCVN	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
10	TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
11	BTNMT	Bộ Tài nguyên – Môi trường
12	BYT	Bộ Y tế
13	QTMT	Quan trắc môi trường
14	ĐTM	Báo cáo đánh giá tác động môi trường
15	CTR	Chất thải rắn
16	CTRS	Chất thải rắn sinh hoạt
17	CTNH	Chất thải nguy hại
18	XLNT	Xử lý nước thải
19	BTCT	Bê tông cốt thép
20	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
21	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
22	TM và SX	Thương mại và sản xuất

DANH MỤC BẢNG

	Trang
Bảng 1. Tọa độ các điểm góc ranh khu đất xây dựng Nhà máy	1
Bảng 2. Quy mô các hạng mục công trình	4
Bảng 3. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất và phế liệu phát sinh	7
Bảng 4. Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý	10
Bảng 5. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí xung quanh Nhà máy	11
Bảng 6. Danh mục các điểm thoát nước mưa chảy tràn	15
Bảng 7. Danh mục hầm tự hoại	20
Bảng 8. Danh mục thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt	28
Bảng 9. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường	31
Bảng 10. Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại	35
Bảng 11. Danh mục các sự cố và biện pháp phòng ngừa, khắc phục	38
Bảng 12. Danh mục thiết bị, phương tiện PCCC	44
Bảng 13. Giá trị giới hạn nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý	48
Bảng 14. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	50
Bảng 15. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2022 ..	51
Bảng 16. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2023 ..	51
Bảng 17. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý I/2022 ..	52
Bảng 18. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý I/2022 (tt)	52
Bảng 19. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý II/2022 ..	53
Bảng 20. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý II/2022 (tt)	53
Bảng 21. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý III/2022 ..	53
Bảng 22. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý III/2022 (tt)	54
Bảng 23. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý IV/2022 ..	54
Bảng 24. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý IV/2022 (tt)	55
Bảng 25. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý I/2023 ..	56

Bảng 26. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý I/2023 (tt)	56
Bảng 27. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý II/2023	57
Bảng 28. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý II/2023 (tt)	57
Bảng 29. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý III/2023 ..	58
Bảng 30. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý III/2023 (tt)	58
Bảng 31. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý IV/2023 ..	59
Bảng 32. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý IV/2023 (tt)	59
Bảng 33. Kế hoạch vận hành thử nghiệm	61
Bảng 34. Kế hoạch quan trắc chất thải.....	61

DANH MỤC HÌNH

Trang

Hình 1. Ảnh vệ tinh vị trí Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách .	2
Hình 2. Sơ đồ quy trình sản xuất tại Công ty.....	6
Hình 3. Sơ đồ thu gom và quản lý nước mưa chảy tràn	13
Hình 4. Sơ đồ vị trí bể chứa nước mưa	14
Hình 5. Đường ống và cống thu gom, thoát nước mưa trong khu vực Nhà máy	15
Hình 6. Sơ đồ điểm thoát nước mưa chảy tràn	16
Hình 7. Hồ ga đầu nối nước mưa ra Cống thoát nước mưa Khu công nghiệp Long Đức (tuyến cống dọc trên Đường số 1)	16
Hình 8. Quy trình thu gom và thoát nước thải sinh hoạt	18
Hình 9. Tuyến cống và hồ ga thu gom nước thải.....	19
Hình 10. Quy trình xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh.....	20
Hình 11. Sơ đồ quy trình xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 450 m ³ /ngày đêm.....	22
Hình 12. Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 450 m ³ /ngày đêm.....	24
Hình 13. Thùng chứa chất thải sinh hoạt	28
Hình 14. Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường.....	30
Hình 15. Kho chứa CTNH	34
Hình 16. Các công trình, thiết bị ứng phó sự cố được bố trí tại kho hóa chất....	42
Hình 17. Thiết bị, công trình PCCC tại Nhà máy	45
Hình 18. Vị trí quan trắc nước thải	63

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: **CÔNG TY TNHH MTV CY VINA**
- Địa chỉ văn phòng: Lô N, đường số 1, Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Choi Byung Man. Chức vụ: Giám đốc
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100436097 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư - Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh chứng nhận lần đầu ngày 09/11/2010, điều chỉnh lần 4 ngày 12/02/2020.
- Mã số thuế: 2100436097

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: **NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG CÁC LOẠI VALI, TÚI XÁCH (gọi tắt Nhà máy)**
- Địa điểm cơ sở: Thửa đất số 370, tờ bản đồ số 71, tọa lạc tại Lô N, đường số 1, Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Tờ cận tiếp giáp như sau:
 - + Phía Đông Nam: giáp đường số 4, Công ty TNHH Hải sản An Lạc Trà Vinh và Công ty TNHH PCT Việt Nam;
 - + Phía Tây Bắc: giáp đường Nguyễn Tấn Liêng ;
 - + Phía Tây Nam: giáp đường số 1, Chi nhánh Công ty TNHH Yazaki Eds Việt Nam tại Trà Vinh;
 - + Phía Đông và Đông Bắc: giáp đất trống, Khu Nhà ở xã hội tại Khu Công nghiệp Long Đức thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Tọa độ các điểm góc ranh khu đất xây dựng Nhà máy (tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°) được thể hiện trong các bảng sau:

Bảng 1. Tọa độ các điểm góc ranh khu đất xây dựng Nhà máy

Mốc giới	Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)
M1	1103412	592187
M2	1103385	592184
M3	1103166	592369

Mốc giới	Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°	
	X (m)	Y (m)
M4	1103163	592409
M5	1103276	592541
M6	1103524	592308

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024



Hình 1. Ảnh vệ tinh vị trí Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:

+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Số 4386851737 đăng ký lần đầu ngày 09/11/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 16/12/2019 do Ban quản lý khu kinh tế Trà Vinh cấp.

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 22/TD.PCCC ngày 06/7/2011 của Phòng CS PCCC & CNCH

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 36/TD.PCCC ngày 21/5/2012 của Phòng CS PCCC & CNCH

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số

67/TD.PCCC ngày 24/12/2014 của Phòng CS PCCC & CNCH

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 01/TD.PCCC ngày 19/01/2015 của Phòng CS PCCC & CNCH

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 10/TD.PCCC ngày 17/3/2015 của Phòng CS PCCC & CNCH

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 49/TD.PCCC ngày 23/10/2015 của Phòng CS PCCC & CNCH

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 46/TD.PCCC ngày 13/9/2016 của Phòng CS PCCC & CNCH

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 69/TD.PCCC ngày 08/9/2017 của Phòng CS PCCC & CNCH

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 74/TD.PCCC ngày 01/6/2018 của Phòng CS PCCC & CNCH

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 126/TD.PCCC ngày 05/9/2018 của Phòng CS PCCC & CNCH

+ Giấy phép xây dựng số 124/GPXD ngày 18/6/2015 của Sở xây dựng

+ Giấy phép xây dựng số 27/GPXD ngày 03/8/2018 của Sở xây dựng

- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và các giấy phép môi trường thành phần:

+ Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Cải tạo, nâng công suất nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách”

+ Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số QLCTNH 84.000074.T ngày 17/10/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Quy mô của Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách:

+ Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách được quy định tại điểm d khoản 4 điều 8 và khoản 3 Điều 9 của Luật đầu tư công. Tổng vốn đầu tư là 577.065.820.374 đồng (*bằng chữ: Năm trăm bảy mươi bảy tỷ, không trăm sáu mươi lăm triệu, tám trăm hai mươi nghìn, ba trăm bảy mươi bốn đồng*): Thuộc nhóm B theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

+ Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách thuộc nhóm II theo quy định tại tiểu mục 2 Mục I Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Căn cứ theo Khoản 2 Điều 39 và Khoản 3 Điều 41 của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022, Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh cấp giấy phép môi trường (*cấu trúc và nội dung Báo cáo được xây dựng theo Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ*).

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Quy mô: Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích là 57.254,5 m²

Quy mô các hạng mục công trình thuộc Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách được thống kê trong bảng sau:

Bảng 2. Quy mô các hạng mục công trình

STT	Hạng mục công trình	Diện tích
1	Nhà xưởng A	8.249,4
2	Nhà xưởng B	8.250,2
3	Nhà xưởng C	8.250
4	Nhà thành phẩm và nhà kho	4.743,9
5	Nhà văn phòng	1.258,8
6	Nhà ăn (căn tin)	2.691,2
7	Xưởng cắt thớt	75
8	Nhà nghỉ chuyên gia	482,4
9	Kho chất thải công nghiệp	225
10	Kho chất thải nguy hại	75
11	Nhà cơ khí	874,9
12	Kho hóa chất	300
13	Nhà bảo vệ	72
14	Nhà máy phát điện	144
15	Nhà xe	2.947
16	Trạm biến áp	48,9
17	Tháp nước cấp sinh hoạt	30,25

STT	Hạng mục công trình	Diện tích
18	Hệ thống xử lý nước thải	136
19	Hồ chứa nước	67,77
20	Cây xanh	5.576
21	Đường nội bộ	12.736,78
Tổng cộng		57.254,5

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024

- Công suất hoạt động: Sản xuất tối đa 3.240.000 sản phẩm/năm sản phẩm/năm (tương đương 270.000 sản phẩm/tháng)

- Công nhân viên làm việc tại Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách: 3.691 người, trong đó:

+ Nhân viên văn phòng: 219 người

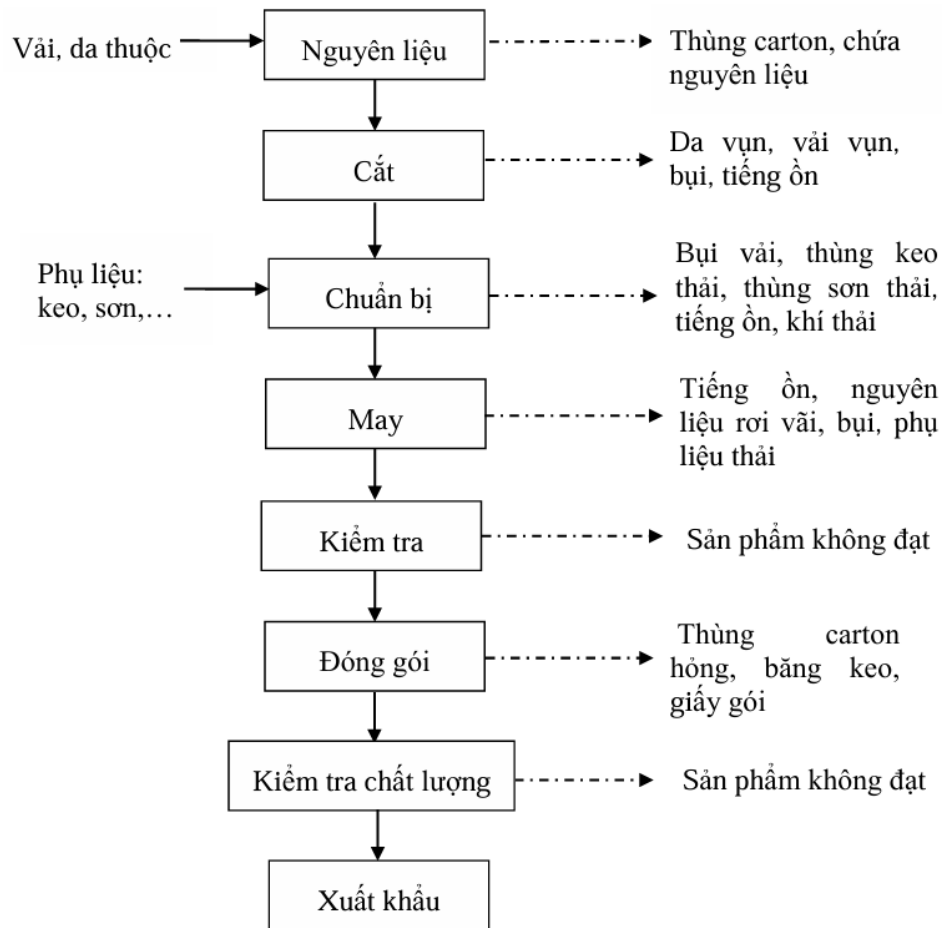
+ Công nhân: 3.464 người

+ Nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý nước thải: 02 người

+ Nhân viên phụ trách thu gom chất thải rắn: 06 người

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Quy trình sản xuất tại Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách được thể hiện trong sơ đồ sau:



Hình 2. Sơ đồ quy trình sản xuất tại Công ty

*** Thuyết minh sơ đồ**

- Da thuộc, vải, phụ liệu được nhập về bằng đường bộ (vận chuyển bằng xe container) và lưu trữ trong kho nguyên liệu của nhà máy. Nguyên liệu trong kho sẽ được nhân viên kiểm tra chất lượng, đảm bảo nguyên liệu đạt tiêu chuẩn trước khi đưa sang bộ phận sản xuất. Khi có đơn đặt hàng, các nguyên liệu sẽ được lấy ra khỏi xưởng với số lượng theo đơn đặt hàng và chuyển sang xưởng sản xuất bằng xe nâng.

- Cắt nguyên liệu: tại đây, nguyên liệu sẽ được cắt ra thành nhiều kích cỡ khác nhau phù hợp với các mục đích sản xuất khác nhau.

- Chuẩn bị: tổ chuẩn bị sẽ thực hiện việc chuẩn bị nguyên, vật liệu như dán keo, mài sơn da, lạng da, gấp da, ... phục vụ cho công đoạn may các sản phẩm.

- May: tất cả những nguyên, vật liệu cần thiết sẽ được chuyển đến chuyền may để thực hiện các công đoạn như: may, bẻ mép, dán, dán nối... Mỗi chuyền may sẽ đảm nhận may một phần của sản phẩm, tạo ra các bán thành phẩm. Tiếp đến các bán thành phẩm này sẽ được đính các nguyên vật liệu như logo, móc khóa, dây treo, khoen, nam châm, hagtag, khóa hộp, ... vào để hoàn thiện với sự hỗ trợ của các máy móc.

- Kiểm tra: các sản phẩm hoàn chỉnh sẽ được kiểm tra chất lượng để đảm bảo sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng và không có khuyết điểm.
- Đóng gói: các sản phẩm sẽ được bao gói bằng giấy gói, giấy nhồi để bảo vệ sản phẩm tránh bụi hoặc trầy xước. Sau đó sẽ được đóng vào thùng carton.
- Kiểm tra chất lượng: nhân viên kiểm tra chất lượng sẽ chọn ngẫu nhiên các thùng sản phẩm để kiểm tra chất lượng lô hàng. Đây là cơ hội cuối cùng để cải thiện hoặc giải quyết các vấn đề về chất lượng trước khi xuất hàng.
- Xuất hàng: lô hàng đạt chất lượng sẽ được xuất khẩu sang các nước đối tác.
- Nhận diện các loại chất thải phát sinh trong quy trình sản xuất của Nhà máy: Các loại chất thải rắn thông thường (tái chế và không tái chế), chất thải nguy hại, bụi vải và hoàn toàn không phát sinh nước thải sản xuất.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

- Sản phẩm của Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách: Các loại Vali, túi xách xuất khẩu, trong đó: túi xách chiếm khoảng 65,37%, túi xách nhỏ chiếm khoảng 18,09%, túi doanh nhân chiếm khoảng 1,3%, túi quà tặng chiếm khoảng 15,1% và túi SPP – Special Project chiếm khoảng 0,14%.
- Toàn bộ các sản phẩm sản xuất tại nhà máy sẽ được xuất khẩu sang nước ngoài với tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm cho các thị trường như sau: 85% đến Mỹ, 5% đến Trung Quốc, 5% đến Nhật Bản và 5% đến Châu Âu.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước

Các loại nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng trong quá trình hoạt động của Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách và các loại phế liệu phát sinh được thống kê chi tiết trong bảng sau:

Bảng 3. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất và phế liệu phát sinh

STT	Tên nguyên liệu/nhiên liệu	Đơn vị tính	Khối lượng
I	Nguyên liệu, vật liệu		
1	Chỉ nylon	cuộn/năm	59.117
2	Da bò, cừu các loại	Feet vuông/năm	6.142.391
3	Da rắn	tám/năm	48.046
4	Da tổng hợp	mét/năm	42.845
5	Dây kéo	mét/năm	902.761

STT	Tên nguyên liệu/nhiên liệu	Đơn vị tính	Khối lượng
6	Vải chính	mét/năm	276.662
7	Vải lót	mét/năm	436.530
8	Vải dệt thoi	mét/năm	218.879
9	Vải bông	mét/năm	433
II	Nhiên liệu		
1	Xăng	lít/năm	110
2	Dầu diesel	lít/năm	2.615
3	Dầu thủy lực	lít/năm	360
4	LPG	kg/năm	1.216
III	Phế liệu		
1	Lót trắng, mút trắng	kg/năm	3.952
2	Chất thải da	kg/năm	718.957
3	Sắt, nhôm, inox	kg/năm	10.619
4	Mũ, mũ đen, dăm bào thớt trắng	kg/năm	22.989
5	Thùng giấy	kg/năm	58.637
6	Pallet gỗ, gỗ vụn, mica vụn	kg/năm	9.209
IV	Điện, nước và hóa chất		
1	Điện năng	kWh/năm	4.712.000
2	Nước cung cấp sinh hoạt	m ³ /năm	116.533
3	Hóa chất trong sản xuất		
<i>a</i>	<i>Son</i>	kg/năm	62.667
<i>b</i>	<i>Keo</i>	kg/năm	183.589
4	Hóa chất cung cấp cho hệ thống xử lý nước thải, xử lý môi trường		
<i>a</i>	<i>Chlorine</i>	kg/năm	17

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024

Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

1.1. Về mục đích sử dụng đất

Công ty TNHH MTV CY Vina đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 370, tờ bản đồ số 71, mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp; thời hạn sử dụng đến ngày 15/12/2055.

Như vậy, vị trí hoạt động của Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách, do Công ty TNHH MTV CY Vina là chủ sở hữu là hoàn toàn phù hợp với các quy định của Luật Đất đai và các quy định khác có liên quan.

1.2. Về quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội

- Theo báo cáo số 233/BC-SCT ngày 13/5/2024 của Sở Công thương Báo cáo tình hình sản xuất công nghiệp, hoạt động thương mại tháng 6 và 06 tháng đầu năm 2024, túi xách các loại thuộc nhóm sản phẩm tăng trong 6 tháng đầu năm 2024, đóng góp đáng kể vào giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh Trà Vinh.

- Song song đó, sản xuất và gia công các loại vali, túi xách xuất khẩu cũng là một trong các ngành công nghiệp chủ lực của Khu công nghiệp Long Đức. Góp phần giải quyết việc làm cho lao động trong, ngoài tỉnh; thúc đẩy các hoạt động dịch vụ, giao thương, lưu trú, ăn uống, vui chơi, giải trí, trên địa bàn thành phố Trà Vinh và các vùng lân cận.

- Như vậy, hoạt động của Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.1. Đối với hoạt động xả nước thải

- Trong quá trình hoạt động của Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách có phát sinh nước thải sinh hoạt với lưu lượng tối đa là 450 m³/ngày-đêm.

- Nước thải được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 450 m³/ngày-đêm, sau đó được đầu nối và xử lý tiếp tục tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung công suất 2.000 m³/ngày-đêm của Khu công nghiệp Long Đức, trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận nước thải là sông Cổ Chiên.

- Công ty TNHH MTV CY Vina đã thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ thoát nước với Trung tâm Quản lý hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp. Nước thải sau hệ thống xử lý đạt yêu cầu quy định tại QCVN 40:2011/BTNMT (cột B,

$K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$) được đầu nối vào mạng lưới công thu gom nước thải khu công nghiệp tại vị trí đầu nối trên tuyến đường số 1.

- Ngoài ra, theo số liệu thống kê của Ban quản lý Khu kinh tế, tổng lượng nước thải công nghiệp phát sinh tại Khu công nghiệp Long Đức trung bình khoảng $700 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (tỷ lệ đạt 35 % công suất của hệ thống xử lý nước thải tập trung). Do đó, hoạt động xả nước thải của Nhà máy vào Nhà máy xử lý nước thải tập trung hoàn toàn phù hợp với khả năng tiếp nhận và xử lý của công trình này.

- Như vậy, công tác quản lý nước thải phát sinh tại Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách được thực hiện đúng theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 53 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nhằm có cơ sở đánh giá tác động của hoạt động xả thải tại Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách đến công trình thu gom, nước lý nước thải của Khu công nghiệp Long Đức, Nhà máy đã phối hợp với đơn vị tư vấn thực hiện quan trắc chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $450 \text{ m}^3/\text{ngày-đêm}$, trước khi xả thải ra công thu gom nước thải KCN, kết quả cụ thể như sau:

+ Thời gian quan trắc: lấy mẫu ngày 31/05/2024

+ Điều kiện quan trắc: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $450 \text{ m}^3/\text{ngày-đêm}$ đang được vận hành

+ Kết quả quan trắc:

Bảng 4. Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40: 2011/BTNMT (cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$)
1	pH	-	6,92	5,5-9
2	TSS	mg/L	40	99
3	BOD ₅	mg/L	9	49,5
4	COD	mg/L	19	148,5
5	Sulfua	mg/L	KPH	0,495
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	6,78	9,9
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH	9,9
8	Coliform	MPN/100mL	1.200	5.000

Ghi chú: QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$)

Nhận xét: Theo kết quả quan trắc cho thấy, nước thải sinh hoạt phát sinh tại Nhà máy đã được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, Kq = 0,9, Kf = 1,1) trước khi xả thải ra tuyến cống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Long Đức.

2.2. Đối với hoạt động xả khí thải

- Trong quá trình hoạt động của Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách không phát sinh khí thải công nghiệp, nên không phát sinh các tác động xấu đến chất lượng môi trường không khí tại khu vực Nhà máy và khu vực xung quanh.

- Tuy nhiên, trong các công đoạn sản xuất của Nhà máy có phát sinh bụi, mùi hóa chất; hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 450 m³/ngày-đêm có phát sinh các chất khí gây mùi. Do đó, sẽ gây các tác động nhất định đến sức khỏe công nhân viên làm việc tại Nhà máy; có nguy cơ gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí tại khu vực Nhà máy và khu vực xung quanh.

- Theo số liệu thống kê, tổng hợp kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí năm 2022 và 2023 cho thấy: Kết quả quan trắc tại 05 vị trí quan trắc trong khu vực sản xuất (khu vực làm việc) của Nhà máy đều có chất lượng tốt qua các đợt quan trắc trong năm, tất cả các thông số quan trắc đều đạt QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT, Quyết định số 3733/QĐ/2022/QĐ-BYT

(kết quả quan trắc được thể hiện cụ thể tại Chương V của báo cáo)

- Nhằm đánh giá được hiện trạng chất lượng môi trường không khí xung quanh khu vực Nhà máy tại thời điểm lập báo cáo, Nhà máy đã phối hợp với đơn vị tư vấn thực hiện quan trắc chất lượng môi trường không khí xung quanh Nhà máy, kết quả cụ thể như sau:

- + Thời gian quan trắc: lấy mẫu ngày 31/05/2024
- + Điều kiện quan trắc: Nhà máy đang hoạt động sản xuất
- + Kết quả quan trắc:

Bảng 5. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí xung quanh Nhà máy

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
1	Tiếng ồn	dBA	50	70*
2	Bụi	mg/m ³	0,13	0,3
3	CO	mg/m ³	1,53	30

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
4	SO ₂	mg/m ³	0,039	0,35
5	NO ₂	mg/m ³	0,028	0,2
6	H ₂ S	mg/m ³	KPH	0,042
7	NH ₃	mg/m ³	KPH	0,2

Ghi chú:

- **KPH:** Không phát hiện (< MDL)
- QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;
- Giá trị (*) áp dụng theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ);
- Kết quả thử nghiệm được tính ở nhiệt độ 25°C và áp suất tuyệt đối 760 mm thủy ngân, tương đương mg/Nm³

Nhận xét: Theo kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh khu vực Nhà máy tại thời điểm lập báo cáo cho thấy: Môi trường không khí xung quanh có chất lượng tốt, tất cả các thông số quan trắc đều có giá trị rất thấp so với giới hạn cho phép quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT

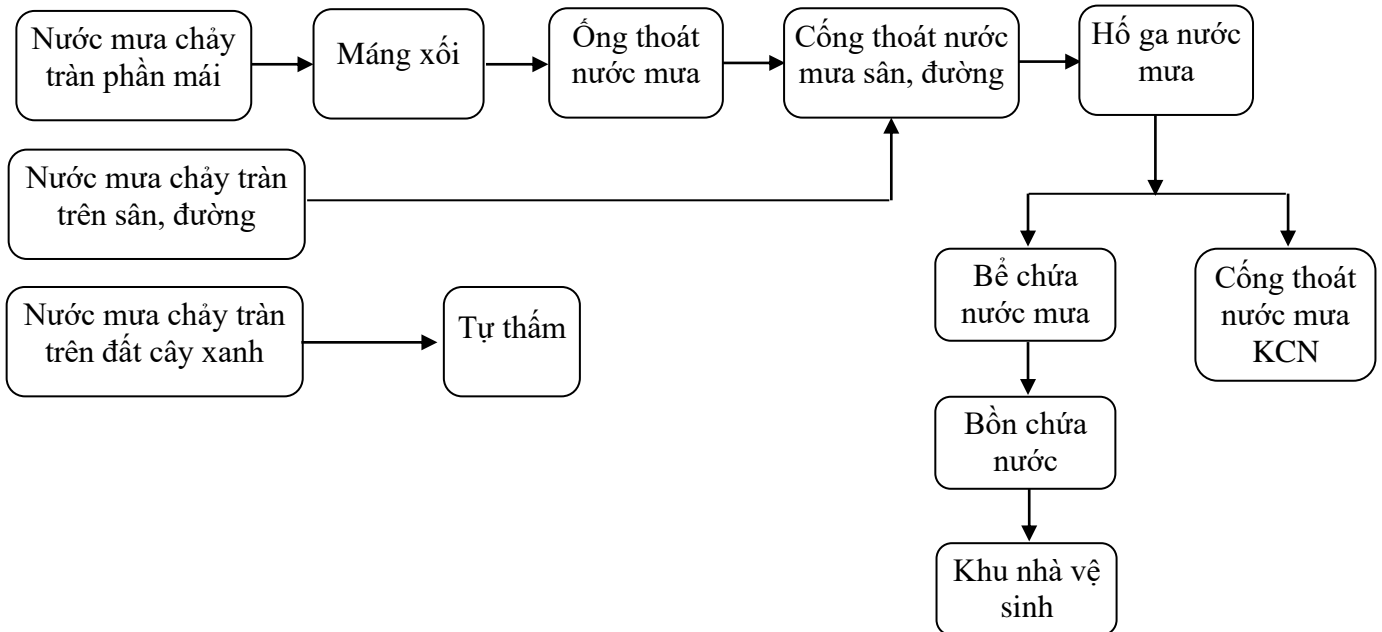
Nhìn chung, hoạt động sản xuất tại Nhà máy có phát sinh bụi, các chất khí gây mùi, Tuy nhiên, bằng các biện pháp giảm thiểu tác động với tính khả thi và hiệu quả cao, đã giảm thiểu được tối đa các tác động của bụi, mùi đến sức khỏe công nhân viên làm việc tại Nhà máy và môi trường không khí xung quanh.

Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Biện pháp thu gom và quản lý nước mưa chảy tràn tại Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách được thể hiện khái quát trong sơ đồ sau:



Hình 3. Sơ đồ thu gom và quản lý nước mưa chảy tràn

* Thuyết minh sơ đồ

a) Công trình thu gom

- Các công trình thu gom, thoát nước mưa chảy tràn hoàn toàn độc lập, riêng biệt với công trình thu gom, thoát nước thải, đảm bảo nước mưa hoàn toàn không bị ô nhiễm bởi nước thải.

- Đối với nước mưa chảy tràn trên đất trồng cây xanh: Tự thấm xuống nền đất.

- Đối với nước mưa chảy tràn phần mái: Được thu gom vào máng xối, chảy theo tuyến ống thoát nước mưa bố trí dọc theo vách/cột công trình (loại ống PVC D114) xuống tuyến cống thoát nước mưa sân đường.

- Đối với nước mưa chảy tràn trên sân, đường nội bộ: Sân, đường nội bộ được nhựa hóa với độ dốc hợp lý, hướng nghiêng về phía các cống thoát nước sân đường của Nhà máy, đảm bảo thu gom triệt để lưu lượng nước mưa vào tuyến cống này. Thông số kỹ thuật các cống thoát nước sân đường:

+ Vật liệu xây dựng: Cống bê tông, dạng cống tròn, có đường kính D300,

D400, D600, D800 và D1000.

+ Tổng chiều dài tuyến cống: 2.500 m
+ Dọc trên tuyến cống có bố trí khoảng 134 hố ga nước mưa, nhằm điều hòa lưu lượng dòng chảy, tách chất thải rắn ra khỏi dòng chảy.

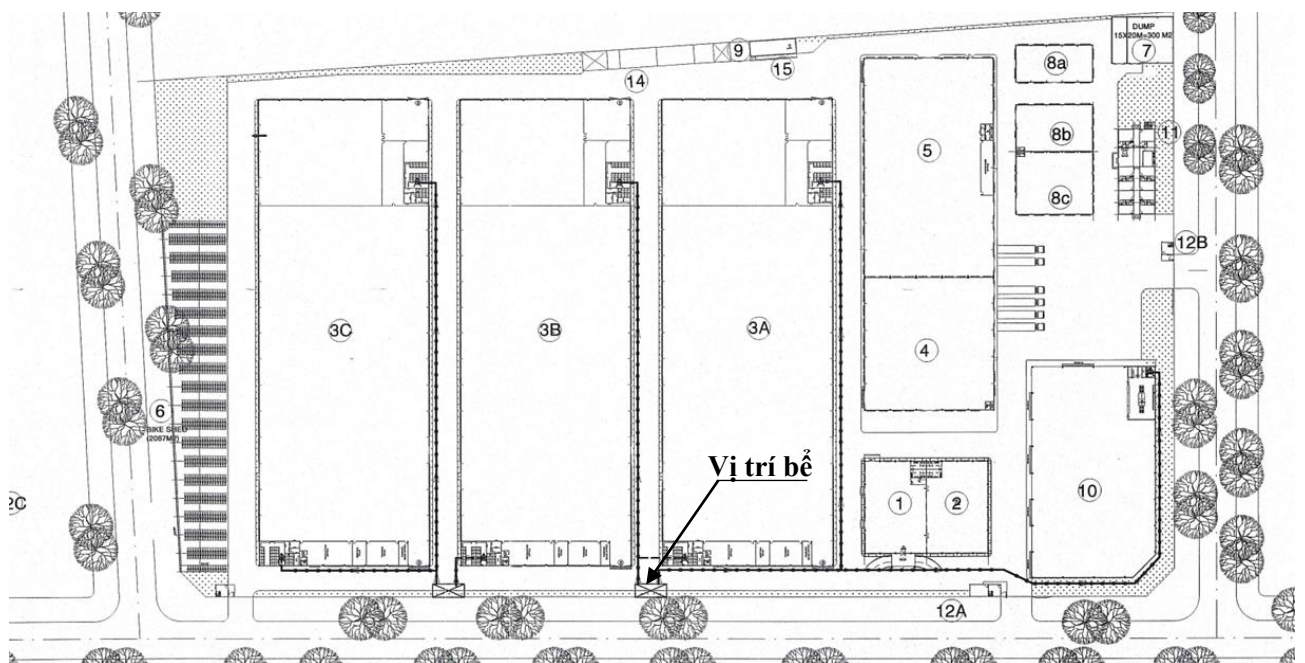
+ Kích thước hố ga nước mưa:

- Hố ga loại A (D1000): dài x rộng = 1,7m x 1,7m
- Hố ga loại B (D800): dài x rộng = 1,4m m x 1,4m
- Hố ga loại C (D600): dài x rộng = 1,2m m x 1,2m
- Hố ga loại D&E (D300 & D400): dài x rộng = 0,9m m x 0,9m
- Hố ga loại G (D800): dài x rộng = 1,2m m x 1,2m

- Nước mưa sau khi được thu gom vào các cống thoát nước sân đường sẽ được tập trung vào bể chứa nước mưa, tại đây:

+ Phần lớn nước mưa được bơm lên Bồn chứa nước và tận dụng làm nguồn nước cấp cho Nhà vệ sinh (nước dội bồn cầu). Thông số kỹ thuật của bể chứa nước mưa cụ thể như sau:

- Số lượng: 01 bể
- Vật liệu xây dựng: bê tông, bể xây ngầm
- Kích thước bể: dài x rộng x sâu = 22m x 6,82m x 2m, thể tích chứa khoảng 300 m³



Hình 4. Sơ đồ vị trí bể chứa nước mưa

+ Phần còn lại được thoát ra cống thoát nước mưa Khu công nghiệp Long Đức tại 02 vị trí đầu nổi.



Hình 5. Đường ống và cống thu gom, thoát nước mưa trong khu vực Nhà máy

b) Điểm thoát nước mưa

- Nước mưa chảy tràn trong khuôn viên Nhà máy được thoát ra cống thoát nước mưa Khu công nghiệp Long Đức tại 02 vị trí đầu nổi, cụ thể như sau:

+ Tuyến ống thoát nước: BTCT D500

+ Hồ ga đầu nổi:

▪ Hồ ga 1: dài x rộng x sâu = 1,05m x 0,83m x 1,25m

▪ Hồ ga 2: dài x rộng x sâu = 0,98m x 0,98m x 1,07m

+ Vị trí đầu nổi thoát nước mưa được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 6. Danh mục các điểm thoát nước mưa chảy tràn

Stt	Vị trí	Nguồn tiếp nhận	Hệ tọa độ VN-2000 (kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3 ^o)	
			X (m)	Y (m)
1	Điểm 1	Cống thoát nước mưa Khu	1103 264	592 308

Stt	Vị trí	Nguồn tiếp nhận	Hệ tọa độ VN-2000 (kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3 ⁰)	
			X (m)	Y (m)
	(ký hiệu: Đ1)	công nghiệp Long Đức (tuyến cống dọc trên Đường số 1)		
2	Điểm 2 (ký hiệu: Đ2)		1103 344	592 244

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024



Hình 6. Sơ đồ điểm thoát nước mưa chảy tràn



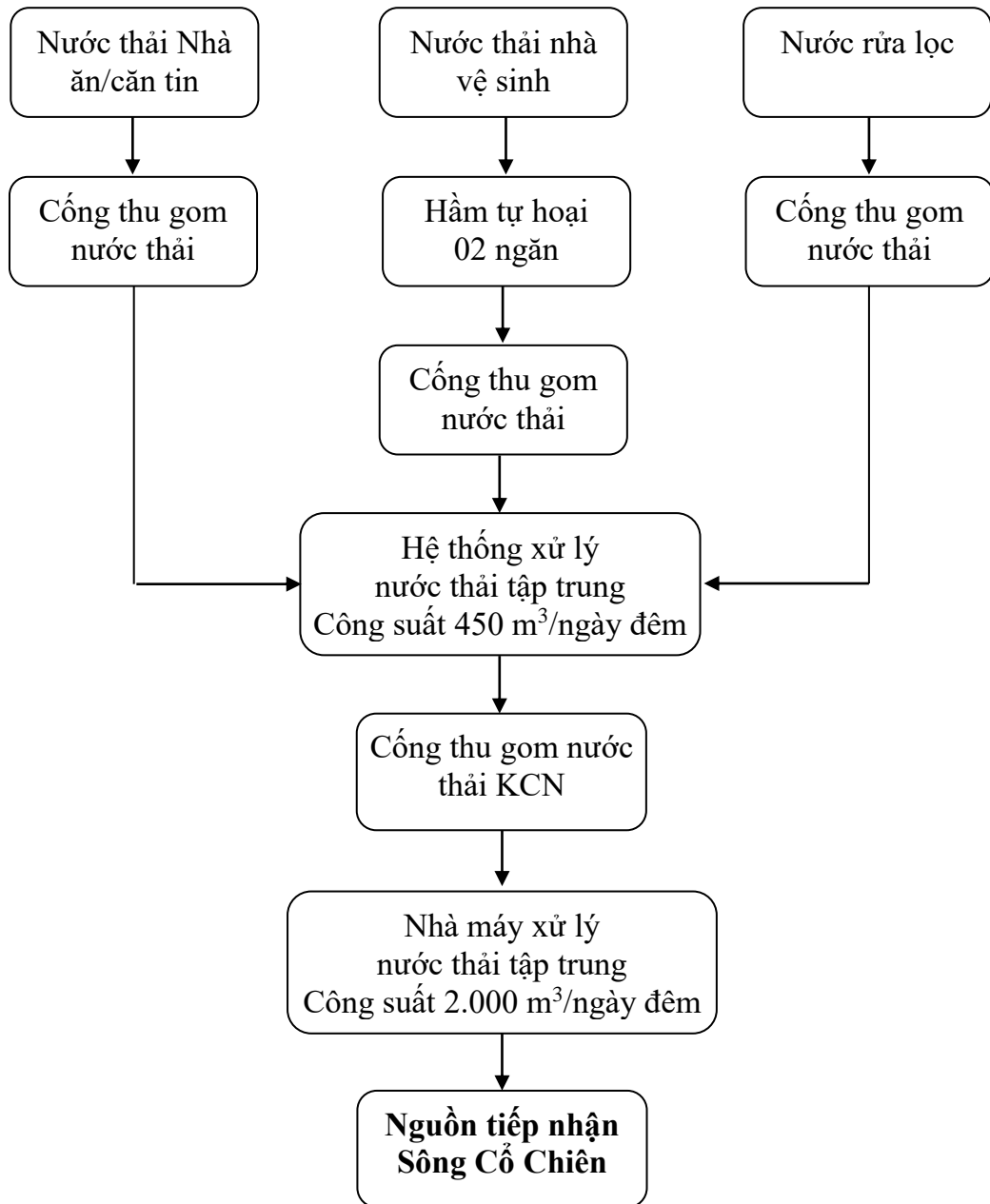
Hình 7. Hồ ga đầu nối nước mưa ra Cống thoát nước mưa Khu công nghiệp Long Đức (tuyến cống dọc trên Đường số 1)

c) Các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa ô nhiễm nước mưa chảy tràn

- Thực hiện vệ sinh sân, đường nội bộ. Tần suất tối thiểu 01 lần/ngày
- Thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt bố trí dọc trên tuyến đường nội bộ đều có nắp đậy kín, ưu tiên bố trí tại các khu vực có mái che, đảm bảo nước mưa không tiếp xúc với chất thải. Thực hiện kiểm tra, thay mới khi có hư hỏng,... lót lớp túi nilong bên trong thùng chứa, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thu gom chất thải và đảm bảo không phát sinh nước rỉ rác ra môi trường.
- Các loại chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại đều được lưu chứa trong kho chứa chuyên dụng, đảm bảo nước mưa không tiếp xúc với chất thải.
- Thực hiện vệ sinh, duy tu, nạo vét, thu gom chất thải tại hố ga nước mưa, cống thu gom thoát nước mưa sân đường.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

- Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại Nhà máy: Tối đa khoảng 350 m³/ngày đêm (*nguồn: số liệu thống kê theo 80% nhu cầu sử dụng nước, lưu lượng cao nhất vào tháng 7/2023*).
- Biện pháp thu gom các nguồn phát sinh nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung được thể hiện khái quát trong sơ đồ sau:



Hình 8. Quy trình thu gom và thoát nước thải sinh hoạt

*** Thuyết minh quy trình**

a) Công trình thu gom nước thải

- Nước thải phát sinh từ 03 nguồn (nước thải nhà vệ sinh, nước thải nhà ăn/căn tin và nước rửa lọc) được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 450 m³/ngày đêm bằng đường ống PVC D168, D200 và D300. Trong đó:

+ Nước thải nhà ăn/căn tin và nước rửa lọc được dẫn trực tiếp về hệ thống xử lý nước thải tập trung

+ Nước thải nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại, sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Tổng chiều dài tuyến ống là 910m
- Dọc trên tuyến công bố trí 39 hố ga nước thải, với kích thước mỗi hố: dài x rộng x sâu = 0,9m x 0,9m x 1,5m



Hình 9. Tuyến công và hố ga thu gom nước thải

b) Công trình thoát nước thải sau xử lý

- Nước thải sau hệ thống XLNT được đầu nối vào công thu gom nước thải KCN (tuyến công dọc trên tuyến đường số 1) bằng đường ống PVC D60 và 01 hố ga nước thải sau xử lý.

- Kích thước hố ga: dài x rộng x sâu = 0,85m x 0,8m x 1,1m
- Vật liệu xây dựng: bê tông

c) Điểm xả nước thải sau xử lý

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý được xả thải ra công thu gom nước thải Khu công nghiệp (tuyến công dọc trên tuyến đường số 1), theo phương thức tự chảy, sau đó được xử lý tiếp tục tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung công suất 2.000 m³/ngày đêm.

- Vị trí xả thải là điểm đầu nối vào công thu gom nước thải KCN, có tọa độ như sau (tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 3°):

$$+ X = 1103\ 171$$

$$+ Y = 593\ 386$$

1.3. Xử lý nước thải

Các công trình xử lý nước thải đã được xây dựng tại Nhà máy sản xuất và

gia công các loại vali, túi xách bao gồm:

a) Công trình xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh

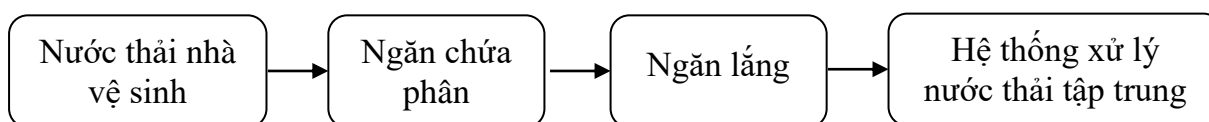
- Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt: Hàm tự hoại 2 ngăn.
- Chức năng của công trình: Thu gom và xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt, trước khi được xử lý tại công trình xử lý nước thải tập trung.
- Số lượng các hàm tự hoại được xây dựng tại Nhà máy được thống kê trong bảng sau:

Bảng 7. Danh mục hàm tự hoại

STT	Khu vực	Số lượng hàm tự hoại	Thông số kỹ thuật của mỗi hàm (dài x rộng x sâu)
1	Nhà xưởng A	02 hàm tự hoại	9,8m x 3m x 2,1m
2	Nhà xưởng B	02 hàm tự hoại	9,8m x 3m x 2,1m
3	Nhà xưởng C	02 hàm tự hoại	9,8m x 3m x 2,1m
4	Nhà nghỉ chuyên gia, ký túc xá	01 hàm tự hoại	9,8m x 3m x 2,1m
5	Nhà kho	02 hàm tự hoại	5,2m x 3,9m x 2,18m
6	Nhà văn phòng	01 hàm tự hoại	5,2m x 3,9m x 2,18m
7	Nhà ăn (căn tin)	01 hàm tự hoại	5,2m x 3,9m x 2,18m
8	Cơ khí	01 hàm tự hoại	5,2m x 3,9m x 2,18m
9	Nhà bảo vệ (công A, B)	02 hàm tự hoại	5,2m x 3,9m x 2,18m
10	Nhà bảo vệ (công C)	01 hàm tự hoại	2m x 2,8m x 2,2m
Tổng cộng		15 hàm tự hoại	753,97 m³

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024

- Quy trình xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh được thể hiện khái quát trong sơ đồ sau:



Hình 10. Quy trình xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh

*** Thuyết minh quy trình**

- + Ngăn chứa phân: Thành phần, đặc tính của nước thải sinh hoạt là chứa nhiều chất hữu cơ, cặn lơ lửng hòa tan và không tan trong nước, chứa nhiều hàm

lượng Nitơ và Photpho tồn tại dưới các dạng hợp chất muối.

Do đó, tại đây các thành phần ô nhiễm sẽ được xử lý bằng các loại vi sinh vật yếm khí tồn tại dưới đáy bể, chúng phân hủy các hợp chất hữu cơ, các thành phần muối amoni thành các khí tự do, tách ra khỏi nước, làm giảm hàm lượng ô nhiễm từ 40% - 45%. Phần váng nổi tích lũy trên bề mặt cũng sẽ được tính toán và hút định kỳ cùng với lượng bùn đã phân hủy trong bể.

+ Ngăn lắng: Dòng nước thải sau khi được xử lý kỵ khí tại ngăn chứa được dẫn vào ngăn lắng, nhằm loại bỏ tiếp tục lượng chất rắn lơ lửng còn trong dòng thải và sinh ra từ quá trình phân hủy của vi sinh vật.

+ Nước thải sau xử lý sơ bộ tại hầm tự hoại được dẫn về và xử lý tiếp tục tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.

b) Công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung

- Chức năng: Xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại Nhà máy, đảm bảo nước thải được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B; $K_q=0,9$; $K_f=1,1$) trước khi xả thải ra công trường gom nước thải KCN.

- Quy mô: Công suất xử lý tối đa là 450 m³/ngày-đêm

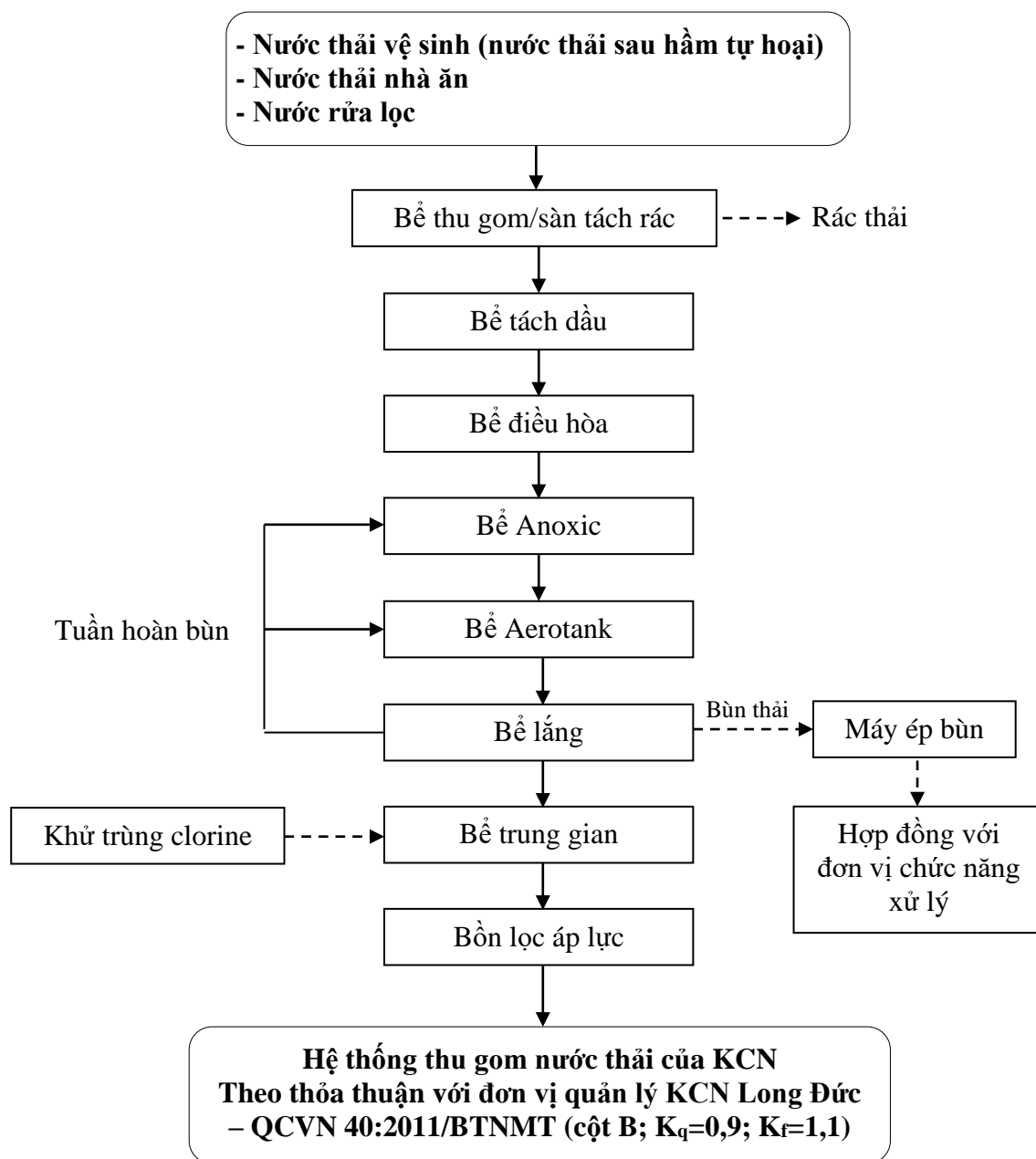
- Chế độ và quy trình vận hành: hoạt động liên tục 24/24 giờ

- Công nghệ xử lý: Công nghệ sinh học

- Nhu cầu sử dụng hóa chất: sử dụng hóa chất khử trùng Chlorine với khối lượng trung bình khoảng 1,0 – 1,5 kg/tháng

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; $K_q=0,9$; $K_f=1,1$).

- Quy trình xử lý nước thải của hệ thống XLNT tập trung, công suất 450 m³/ngày-đêm:



Hình 11. Sơ đồ quy trình xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 450 m³/ngày đêm

*** Thuyết minh quy trình**

- Bể thu gom: Nước thải được thu gom và dẫn vào bể thu gom trước khi qua sàn tách rác để loại bỏ các rác thải có kích thước lớn nhằm tránh được các rủi ro gây tắc nghẽn ở những công đoạn xử lý phía sau.

- Bể tách dầu mỡ: Nước thải sau khi được tập trung tại bể thu gom, sẽ được dẫn qua bể tách dầu mỡ. Bể tách dầu được thiết kế để loại bỏ thành phần dầu mỡ có trong nước thải

- Bể điều hòa: Nước thải tiếp tục được dẫn qua bể điều hòa. Bể điều hòa là bể có nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và nồng độ chất ô nhiễm. Bể điều hòa

được sục khí liên tục bằng hệ thống đĩa thổi khí, để xáo trộn đều nước, tránh lắng cặn trong bể và tránh phân hủy kỵ khí sinh metan gây mùi khó chịu. Nước thải từ bể điều hòa sẽ được dẫn đến công trình xử lý tiếp theo là bể thiếu khí Anoxic.

- Bể vi sinh thiếu khí (bể Anoxic): Sau đó, nước thải được bơm lên bể vi sinh thiếu khí. Tại đây, vi sinh thiếu khí sử dụng chất ô nhiễm trong nước làm thức ăn và phân giải chúng thành dạng đơn giản hơn.

- Bể vi sinh hiếu khí (bể Arotank): Nước thải tiếp tục chảy qua bể vi sinh hiếu khí. Bể có nồng độ các vi sinh hiếu khí cao, chúng có vai trò biến các chất ô nhiễm còn lại thành CO₂ và H₂O.

- Bể lắng: Sau giai đoạn xử lý tại bể sinh học hiếu khí Aerotank, nước thải được đưa đến bể lắng. Dưới tác dụng của trọng lực các chất rắn sẽ bị lắng xuống đáy bể, nước sạch sẽ được thu qua máng thu ở phía trên đưa về bể trung gian. Một lượng bùn lớn lắng ở bể lắng (sinh khối của vi sinh vật) được lấy ra từ đáy bể, một phần được tuần hoàn về bể sinh học hiếu khí Aerotank và bể thiếu khí Anoxic, phần còn lại đưa vào bể chứa bùn.

- Bể trung gian: Tại đây nước thải được tiếp xúc với hóa chất khử trùng Chlorine, nhằm tiêu diệt hoàn toàn các vi khuẩn, mầm bệnh trong nước thải.

- Bồn lọc áp lực: Nước thải được bơm áp lực bơm qua bồn lọc áp lực chứa cát, than hoạt tính và sỏi có công suất lọc 15m³/giờ/bồn để loại bỏ lượng cặn còn sót lại sau bể lắng. Đảm bảo nước thải sau hệ thống xử lý đạt yêu cầu quy định tại QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, K_q = 0,9, K_f = 1,1).

- Nước thải đầu ra của hệ thống XLNT tập trung tại Nhà máy, sẽ được đấu nối vào mạng lưới cống thu gom nước thải khu công nghiệp tại vị trí đấu nối trên tuyến đường số 1.

Nước thải sau khi đấu nối vào mạng lưới cống thu gom nước thải khu công nghiệp, được xử lý tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung công suất 2.000 m³/ngày-đêm (*công nghệ xử lý: Công nghệ sinh học hiếu khí lơ lửng kết hợp với xử lý hóa lý*) trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận là sông Cổ Chiên.



Hình 12. Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 450 m³/ngày đêm

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Hoạt động sản xuất tại Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách hoàn toàn không phát sinh khí thải công nghiệp. Tuy nhiên có phát sinh bụi, mùi và khí thải từ một số nguồn sau:

- Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển; từ máy phát điện dự phòng: Đây là 02 nguồn thải mang tính cục bộ, tác động ít hoặc không tác động đến chất lượng môi trường không khí.

- Hơi hóa chất phát sinh trong quy trình sản xuất (chủ yếu trong công đoạn chuẩn bị có sử dụng các loại keo chuyên dụng trong ngành may): Đây là nguồn gây tác động chủ yếu tại Nhà máy, công nhân làm việc tại công đoạn này là đối tượng bị tác động chính.

- Bụi vải phát sinh trong quy trình sản xuất (chủ yếu trong công đoạn

cất): Bụi phát sinh xuyên suốt trong công đoạn sản xuất, nên gây các tác động nhất định đến sức khỏe công nhân và môi trường khu vực sản xuất.

- Mùi phát sinh từ các công trình lưu giữ chất thải (chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại), hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nếu công tác quản lý các khu vực/thùng chứa chất thải không được thực hiện đúng quy định, vận hành hệ thống XLNT không liên tục, ... thì sẽ là các nguyên nhân chính phát sinh mùi hôi (chủ yếu các khí CH₃, H₂S, ...), gây tác động đến chất lượng môi trường không khí khu vực Nhà máy, sức khỏe công nhân viên và có khả năng phát tán, gây ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh.

Nhằm giảm thiểu tối đa các tác động trên, Nhà máy đã và đang thực hiện các biện pháp như sau:

2.1. Bụi và khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông

- Sắp xếp lịch xuất - nhập thành phẩm, nguyên liệu hợp lý, nhằm giảm thiểu số lượng phương tiện tập trung trong khu vực Nhà máy.

- Bố trí nhà xe cho công nhân viên làm việc tại Nhà máy; khu vực dừng, đỗ cho phương tiện vận tải xuất - nhập hàng.

- Thực hiện các quy định nghiêm ngặt về tốc độ di chuyển của các phương tiện trong khu vực Nhà máy.

- Các phương tiện vận tải của nhà máy như xe nâng, xe vận chuyển đều đảm bảo an toàn kỹ thuật và môi trường; thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của phương tiện và bảo dưỡng định kỳ, đúng quy định.

- Đường nội bộ trong khu vực Nhà máy được bê tông hoá và trải nhựa (đạt tỷ lệ 100 %).

- Thường xuyên vệ sinh các tuyến đường nội bộ, tưới nước tạo ẩm vào các ngày nắng nóng, nhằm hạn chế khả năng phát tán của bụi từ mặt đường khi có các phương tiện giao thông đi qua.

- Bố trí cây xanh trên vỉa hè các tuyến đường nội bộ, tạo bóng mát, cảnh quan và cải thiện điều kiện vi khí hậu.

- Thường xuyên kiểm tra và sửa chữa khu vực sân, đường bị xuống cấp có khả năng phát sinh bụi.

2.2. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng

- Máy phát điện dự phòng được đặt trong phòng riêng và bố trí cách xa các xưởng sản xuất, đồng thời lắp đặt ống khói cao (chiều cao khoảng 3,5m), nhằm hạn chế đến mức tối đa tác động của khí thải khi máy hoạt động.

- Sử dụng nhiên liệu đốt là dầu DO với hàm lượng S thấp (0,05%), đảm bảo giảm thiểu tối đa nồng độ các chất ô nhiễm có trong khí thải.

- Nhân viên kỹ thuật thường xuyên kiểm tra và định kỳ bảo trì thiết bị; thực hiện ngay sửa chữa hư hỏng (nếu có).

2.3. Hơi hóa chất, bụi phát sinh trong quy trình sản xuất

- Các loại máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất đều sử dụng nguồn năng lượng điện năng, nên đảm bảo không phát sinh khí thải từ nguồn này.

- Thiết bị, máy móc sản xuất được bảo dưỡng định kỳ, theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất, đảm bảo an toàn khi vận hành; Thực hiện vệ sinh sau mỗi ca làm việc, đảm bảo tránh được tích tụ bụi bẩn.

- Thực hiện vệ sinh nhà xưởng, thu gom triệt để chất thải rắn công nghiệp vào kho chứa sau mỗi ca làm việc

- Số lượng nguyên, phụ liệu được vận chuyển, tập kết hợp lý, đảm bảo không lưu chứa vượt quá nhu cầu sử dụng, ... góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý và vệ sinh nhà xưởng.

- Bố trí quạt thông gió trong khu vực nhà xưởng, quạt thông gió được bố trí tại khu vực các nhà xưởng: 213 cái

- Đối với hơi phát sinh trong công đoạn chuẩn bị (dán keo, sơn): thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp sau:

+ Máy móc dùng để dán keo, sơn được sử dụng là các loại máy chuyên dụng, phù hợp với tính chất công việc tại Nhà máy, cơ bản giảm thiểu tối đa các tác động từ nguồn này.

+ Công tác quản lý keo, sơn: Bố trí kho chứa riêng biệt, với diện tích khoảng 300 m². Các loại keo, sơn được nhập về kho với số lượng phù hợp với nhu cầu sản xuất, trong tình trạng bao bì kín. Trong kho bố trí đầy đủ các phương tiện, công trình ứng phó khi phát sinh sự cố hóa chất.

+ Tăng cường bố trí quạt thông gió khu vực này, nhằm đảm bảo môi trường thông thoáng.

+ Lựa chọn các loại nước sơn, keo dán gốc nước, chứa ít thành phần nguy hại, nhằm đảm bảo sức khỏe cho công nhân.

+ Công nhân làm việc tại công đoạn dán keo, sơn đều được đào tạo và huấn luyện về an toàn lao động trong quá trình tiếp xúc với keo, sơn.

+ Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân như: khẩu

trang than hoạt tính, găng tay, kính.

+ Thực hiện đầy đủ chế độ kiểm tra sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động.

2.4. Mùi phát sinh từ các công trình lưu trữ, xử lý chất thải

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Thùng chứa có nắp đậy kín; Nhóm chất thải thực phẩm (thức ăn thừa phát sinh tại khu vực Nhà ăn) được thu gom và xử lý trong ngày, nhằm hạn chế phát sinh mùi từ quá trình phân hủy chất hữu cơ có trong rác thải.

- Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường: Bố trí khu vực kho chứa riêng biệt; Ký kết hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý, với tần suất 2 - 4 lần/tuần.

- Đối với công thu gom, thoát nước thải và hệ thống xử lý nước thải:

+ Hệ thống thu gom, thoát nước thải xây dựng kín và đặt ngầm, nhằm hạn chế tối đa mùi phát sinh.

+ Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống XLNT, đảm bảo hệ thống được vận hành liên tục, đúng quy trình và phát hiện, xử lý kịp thời các sự cố, qua đó giúp giảm thiểu phát sinh mùi từ quá trình phân hủy các chất ô nhiễm có trong nước thải.

+ Hóa chất cung cấp cho hệ thống XLNT được bố trí trong khu vực riêng, đảm bảo thuận tiện trong sử dụng, quản lý.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Công trình lưu trữ chất thải rắn

a) Đối với chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH)

- Thực hiện tốt công tác phân loại CTRSH tại nguồn theo đúng hướng dẫn tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10/01/2022 và Công văn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02/12/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt.

- Bố trí đầy đủ các loại thùng chứa rác thải sinh hoạt tại các khu vực phát sinh chất thải rắn sinh hoạt như: Nhà ăn, văn phòng, nhà vệ sinh và dọc trên tuyến đường nội bộ.

- Tùy thuộc vào từng khu vực, khối lượng và thành phần chất thải, bố trí các loại thùng chứa rác với thể tích phù hợp, đảm bảo thu gom triệt để chất thải và cảnh quan khu vực.

- Số lượng các loại thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt đã được bố trí tại khu vực Nhà máy cụ thể như sau:

Bảng 8. Danh mục thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt

STT	Khu vực bố trí	Số lượng thùng chứa	Ghi chú <i>Thể tích thùng chứa</i>
1	Văn phòng, các bộ phận	120 thùng	- 113 thùng: loại 5 lít - 04 thùng: loại 24 lít - 03 thùng: loại 240 lít
2	Ký túc xá	44 thùng	- 38 thùng: loại 5 lít - 06 thùng: loại 60 lít
3	Nhà vệ sinh	195 thùng	- 180 thùng: loại 5 lít - 15 thùng: loại 60 lít
4	Nhà ăn/căn tin, khu vực uống nước	32 thùng	- 07 thùng: loại 240 lít - 15 thùng: loại 120 lít (đựng thức ăn thừa) - 10 thùng: loại 5 lít
5	Sân, đường nội bộ	6 thùng	- 04 thùng: loại 240 lít - 02 thùng: loại 60 lít
Tổng cộng		397	

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024



Hình 13. Thùng chứa chất thải sinh hoạt

b) Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT)

- Bố trí thùng chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường tại các xưởng sản xuất, các bộ phận với số lượng 251 thùng nhỏ (thể tích 5 lít), 4 thùng (thể tích 24 lít) và 15 thùng (thể tích 2,16 m³)

- Bố trí thùng chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: 08 thùng (loại thùng 60 lít, 240 lít và 3,28 m³)

- Riêng đối với các loại rác thải có kích thước lớn như thùng carton hoặc các loại chất thải đã được đóng bao tại xưởng sản xuất: Được tập kết vào vị trí lưu chứa trong kho.

- Xây dựng kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường tách biệt với kho chứa chất thải nguy hại. Bên trong kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường lại tiếp tục phân loại và tách riêng các loại rác không nguy hại. Thông số kỹ thuật của kho như sau:

+ Diện tích xây dựng: 225 m².

+ Nền bê tông, vách tường, mái tole: đảm bảo chất thải không tiếp xúc với nắng, mưa.

+ Chiều cao nền công trình > 0,2m so với mặt đường, nhằm tránh nước mưa chảy tràn vào khu vực kho.

+ Lắp đặt hệ thống chiếu sáng đầy đủ, đảm bảo kho đủ ánh sáng, thông thoáng. Bên ngoài kho đặt biển cảnh báo, ghi rõ các quy định chung.

Nhìn chung, kết cấu xây dựng kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đã được xây dựng tại Nhà máy đáp ứng đúng quy định tại khoản 3 điều 33 Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.



Hình 14. Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường

3.2. Công trình xử lý chất thải rắn

a) Đối với chất thải rắn sinh hoạt

- Nhóm chất thải thực phẩm (thức ăn thừa phát sinh tại khu vực Nhà ăn): Được hộ ông Lê Văn Tài (địa chỉ tại: Ấp Rẫy, xã Vĩnh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh). Tần suất thu gom: 01 lần/ngày

- Nhóm chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế (phát sinh tại khu vực Nhà ăn như chai nhựa đã qua sử dụng): Thu gom, bán cho cơ sở thu mua phế liệu (địa chỉ: ấp Vĩnh Yên, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh). Tần suất thu gom: 01 lần/ngày

- Nhóm chất thải sinh hoạt còn lại: Thực hiện ký kết hợp đồng vận chuyển, xử lý rác sinh hoạt với Công ty TNHH MTV Phát Đạt (địa chỉ: ấp Bình La, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh). Tần suất thu gom: 03 lần/tuần.

b) Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Bố trí nhóm nhân viên (tối đa khoảng 07 người) phụ trách thu gom chất thải rắn công nghiệp thông thường từ các vị trí phát sinh đến kho chứa.

- Biện pháp xử lý đối với từng nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường cụ thể như sau:

+ Nhóm chất thải công nghiệp thông thường, có thể tái chế: Thực hiện ký kết hợp đồng vận chuyển, xử lý với Công ty TNHH MTV Vĩ Tú (địa chỉ: ấp 4,

xã Phong Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh). Tần suất thu gom: 02 - 04 lần/tuần.

+ Nhóm chất thải công nghiệp thông thường, không thể tái chế: Thực hiện ký kết hợp đồng vận chuyển, xử lý với Công ty TNHH MTV SX TM DV Môi trường Á Châu (địa chỉ: 1C9, ấp 1, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh). Tần suất thu gom: 2 - 4 lần/tuần

3.3. **Chủng loại, khối lượng chất thải rắn**

a) **Đối với chất thải rắn sinh hoạt**

Chất thải rắn sinh hoạt Chất thải sinh hoạt phát sinh trung bình khoảng 996.57 kg/ngày (định mức phát sinh CTRSH trung bình khoảng 0,27 kg/người/ngày), được chia thành các nhóm sau:

+ Nhóm chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: chai nhựa đã qua sử dụng

+ Nhóm chất thải thực phẩm: Thức ăn thừa, rau, củ, quả thải phát sinh trong quá trình chế biến thức ăn tại khu vực nhà ăn/căn tin

+ Nhóm chất thải sinh hoạt khác: Phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh và từ hoạt động ăn sáng của người lao động

b) **Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường**

- Thành phần chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại Nhà máy được liệt kê trong bảng sau:

Bảng 9. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường

STT	Tên chất thải	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Lót trắng, nút trắng	kg/năm	3.952
2	Chất thải da	kg/năm	718.957
3	Sắt, nhôm, inox	kg/năm	10.619
4	Mũ đen, dầm bào thốt trắng	kg/năm	22.989
5	Thùng giấy	kg/năm	58.637
6	Pallet gỗ, gỗ vụn, mica vụn	kg/năm	9.209
	Tổng cộng	kg/năm	824.363

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại (CTNH)

Các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại tại Nhà máy sản xuất và

gia công các loại vali, túi xách theo đúng quy định tại Điều 35 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

4.1. Công trình lưu trữ chất thải nguy hại

- Đối với thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại:

+ Bảo đảm lưu chứa an toàn chất thải nguy hại; Kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải lưu chứa trong quá trình sử dụng

+ Có biển dấu hiệu cảnh báo theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại

+ Thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại ở thể lỏng hoặc có thành phần nguy hại dễ bay hơi phải có nắp đậy kín

Nhằm tạo điều kiện trong công tác quản lý chất, thuận tiện trong công tác thu gom, vận chuyển, ... các loại CNTH được lưu chứa theo quy cách như sau:

+ Rác thải từ y tế

+ Thùng keo thải (thùng thiếc)

+ Thùng keo thải (thùng nhựa)

+ Bóng đèn huỳnh quang thải

+ Các loại nhiên liệu thải

+ Pin, ắc quy thải

+ Thiết bị, linh kiện điện tử có thành phần nguy hại

+ Hộp mực in thải có thành phần nguy hại

+ Giẻ lau dính sơn, keo, dầu, nhớt

+ Keo sơn hết hạn

+ Thùng sơn thải (thùng nhựa)

+ Bùn thải của hệ thống XLNT

+ Chai keo 401 thải

- Đối với kho chứa CTNH với kết cấu xây dựng như sau:

+ Diện tích kho: 75 m²

+ Kết cấu xây dựng:

o Nền bê tông, vách tường, mái tole: đảm bảo CTNH không tiếp xúc với

nắng, mưa.

- Chiều cao nền công trình > 0,2m so với mặt đường, nhằm tránh nước mưa chảy tràn vào khu vực kho.

- Lắp đặt hệ thống chiếu sáng đầy đủ, đảm bảo kho đủ ánh sáng, thông thoáng.

- + Trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy: 02 bình chữa cháy, 01 nút ấn khẩn báo cháy, 02 quả cầu chữa cháy

- + Trang bị 01 thùng cát (vật liệu hấp thụ), nhằm ứng phó sự cố rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng.

- + Trang bị 01 bồn rửa mắt khẩn cấp, nhằm ứng phó, xử lý kịp thời khi phát sinh sự cố.

- + Có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo đúng quy định





Hình 15. Kho chứa CTNH

4.2. Công trình xử lý chất thải nguy hại

- Thực hiện phân loại chất thải tại nguồn, đảm bảo lưu giữ trong các thiết bị lưu chứa và khu vực lưu chứa phù hợp.
- Các loại chất thải được tập kết đúng vị trí đã quy định, trong khu vực kho chứa bố trí 01 sơ đồ vị trí bố trí các nhóm CTNH cụ thể.
- Thực hiện ký hợp đồng để chuyển giao chất thải nguy hại cho cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý nguy hại phù hợp: Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường Trái Đất Xanh (địa chỉ: lô 04HG-1, đường dọc kênh Ranh, khu công nghiệp Xuyên Á, ấp Tràm Lạc, xã Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An). Tần suất thu gom: 2 lần/ tháng.

Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường Trái Đất Xanh đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường - Tổng cục Môi trường cấp Giấy phép hoạt động theo Mã số QLCTNH: 5-6-7-8.084.VX (Cấp lần 1), Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.084.VX (Cấp lần 2 ngày 31/5/2016), Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.084.VX (Cấp lần 3 ngày 21/5/2019).

- Riêng đối với bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: Khối lượng phát sinh tối đa khoảng 05 kg/tháng. Căn cứ theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung thuộc Chất thải công nghiệp thông thường (ký hiệu phân loại TT), mã chất thải là 12 06 13.

Tuy nhiên, nhằm quản lý triệt để nguồn thải này, trong thời gian qua Nhà máy đã đưa bùn thải vào nhóm CTNH cần xử lý. Các biện pháp xử lý bùn thải cụ thể như sau:

- + Bùn phát sinh được đưa về máy ép bùn, nhằm tách nước, giảm độ ẩm của bùn và đưa bùn về trạng thái rắn.
- + Bùn sau máy ép được đưa lên khay, phơi khô dưới nắng (thời gian phơi trong ngày).
- + Sau đó, bùn được đóng bao kín và vận chuyển đến kho chứa CTNH chờ xử lý.

4.3. **Chủng loại, khối lượng chất thải nguy hại**

Thành phần và tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 10. Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại thông thường	Kí hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
18 01 03	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng keo, sơn các loại)	Đ, ĐS	Rắn	KS	8.074
18 01 02	Bao bì cứng thải bằng kim loại nặng, bao gồm cả bình chứa áp suất đảm bảo rỗng hoàn toàn	Đ, ĐS	Rắn	KS	4.383
18 02 01	Giẻ lau sơn, keo và giẻ lau dính dầu, nhớt trong quá trình bảo trì, sửa chữa các loại trang thiết bị, máy móc	Đ, ĐS	Rắn	KS	25.343
17 06 03	Các loại nhiên liệu thải khác	C, Đ, ĐS	Lỏng	NH	7
16 01 06	Bóng đèn huỳnh quang thải	Đ, ĐS	Rắn	NH	529
08 02 04	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	Đ, ĐS	Rắn	KS	198
16 01 13	Các thiết bị, linh kiện điện tử có thành phần nguy hại	Đ, ĐS	Rắn	NH	690
13 01 01	Rác thải từ y tế	LN	Rắn/lỏng	NH	3
16 01 09	Keo sơn hết hạn	Đ, ĐS, C	Rắn/lỏng	KS	464
Tổng cộng					39.691

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp (Số liệu thống kê năm 2023)

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Trong quá trình sản xuất tại Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách có phát sinh tiếng ồn, độ rung từ các nguồn chính như:

- Quá trình vận hành các máy móc, thiết bị và phương tiện chuyên dụng phục vụ sản xuất.

- Hoạt động của các phương tiện xuất - nhập hàng hóa, phương tiện di chuyển của công nhân viên làm việc tại Nhà máy.

- Hoạt động của máy phát điện dự phòng

5.1. Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Đối với tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các máy móc, thiết bị chuyên dụng phục vụ sản xuất:

+ Các máy móc, thiết bị được sắp xếp một cách hợp lý, đảm bảo không gian làm việc và hạn chế sự cộng hưởng của tiếng ồn trong quá trình vận hành;

+ Các máy móc, thiết bị được lót lớp đệm, tấm lót cao su, ... nhằm giảm thiểu lan truyền độ rung.

+ Các máy móc, thiết bị được kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, nhằm đảm bảo công suất hoạt động, giảm thiểu phát sinh độ ồn, độ rung;

+ Các máy móc, thiết bị được sửa chữa hoặc thay mới nhanh chóng, kịp thời khi có hư hỏng.

+ Đảm bảo thời gian làm việc trong ngày của người lao động, đúng theo quy định của Bộ luật Lao động 2019.

+ Thực hiện tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân viên, nhằm phát hiện các bệnh nghề nghiệp và điều trị kịp thời.

- Đối với tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện vận chuyển:

+ Ban hành nội quy, quy định cụ thể về vị trí đỗ xe, vận tốc xe khi ra vào Nhà máy.

+ Thực hiện kế hoạch xuất - nhập hàng hợp lý, hạn chế tập trung phương tiện tải trọng lớn.

+ Xây dựng hàng rào bao quanh toàn Nhà máy, nhằm hạn chế lan truyền tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

+ Tăng cường mật độ cây xanh, góp phần tạo cảnh quan và hạn chế lan truyền tiếng ồn ra khu vực xung quanh.

- Đối với tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy phát điện dự phòng:

+ Máy phát điện dự phòng chỉ hoạt động khi nguồn điện chính cung cấp cho Nhà máy phát sinh sự cố, gây gián đoạn hoạt động sản xuất tại Nhà máy.

+ Bố trí nhà chứa máy phát điện dự phòng, tại khu vực riêng biệt, cách xa với các nhà xưởng sản xuất, văn phòng.

+ Thực hiện đầy đủ công tác bảo trì, bảo dưỡng theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

5.2. Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (áp dụng đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ).

- QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (áp dụng đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ).

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với công trình thu gom, thoát nước mưa chảy tràn

- Mạng lưới cống thu gom, thoát nước mưa tại Nhà máy đã được thi công đúng yêu cầu kỹ thuật, nên đảm bảo khả năng tiêu thoát nước tốt, giảm thiểu phát sinh sự cố tắc nghẽn, ngập úng.

- Thực hiện thu gom CTR trên miệng hố ga. Tần suất: tối thiểu 01 lần/ngày (được thực hiện đồng thời với vệ sinh sân đường).

- Thực hiện kiểm tra đường ống, hố ga nước mưa, ..., nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các dấu hiệu bất thường hoặc hư hỏng.

- Định kỳ nạo vét, khơi thông dòng chảy các tuyến cống, nhằm giảm thiểu tối đa sự cố tắc nghẽn do cặn lắng.

6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với công trình thu gom, thoát nước thải

- Mạng lưới cống thu gom nước thải được thi công đúng yêu cầu kỹ thuật, độ dốc đảm bảo thu gom triệt để nước thải về hệ thống xử lý nước thải.

- Bố trí nhân viên phụ trách theo dõi, kiểm tra công trình thu gom, thoát nước thải. Tần suất: tối thiểu 01 lần/ngày.

- Nhanh chóng thực hiện sửa chữa tuyến cống thu gom nước thải, khi phát sinh hư hỏng.

6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với công trình xử lý nước thải

- Công suất hoạt động tối đa của hệ thống xử lý nước thải tập trung đã được tính toán đến hệ số an toàn, nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động hiệu quả khi phát sinh sự cố. Tính đến thời điểm lập báo cáo, lưu lượng xả thải tối đa của

Nhà máy là 350 m³/ngày đêm (đạt 77,78 % công suất), nên công suất xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh sự cố quá tải.

- Bố trí 02 nhân viên phụ trách vận hành hệ thống XLNT, chịu trách nhiệm vận hành và duy trì hệ thống hoạt động liên tục, ổn định, đạt hiệu quả xử lý, giảm thiểu tối đa phát sinh sự cố xảy ra trong quá trình hệ thống hoạt động và phát hiện kịp thời các hư hỏng, sự cố.

- Sau khi vận hành nghiệm thu hệ thống XLNT, nhân viên phụ trách quản lý và vận hành hệ thống XLNT đã được chuyển giao công nghệ và nắm vững quy trình vận hành.

- Thực hiện đầy đủ chương trình quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý, qua đó kiểm soát được hiệu quả xử lý nước thải của hệ thống, đảm bảo nước thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

- Thực hiện đầy đủ chế độ bảo trì, duy tu, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị theo quy định/hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Công trình, thiết bị phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải là một phần của hệ thống xử lý nước thải, nhằm bảo đảm không xả nước thải chưa được xử lý ra môi trường trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, cụ thể như sau:

+ Bố trí thiết bị, máy móc dự phòng, nhằm ứng phó khi phát sinh sự cố hư hỏng máy móc, thiết bị.

+ Bể điều hòa có chức năng thu gom, lưu chứa nước thải trong thời gian khắc phục sự cố (thời gian lưu trung bình 5,5h).

- Một số sự cố có thể phát sinh trong quá trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải tập trung và biện pháp phòng ngừa, khắc phục như sau:

Bảng 11. Danh mục các sự cố và biện pháp phòng ngừa, khắc phục

STT	Hạng mục	Sự cố phát sinh	Biện pháp khắc phục
1	Bể điều hòa	Phát sinh mùi	Tăng cường sục khí liên tục và tốc độ sục khí
2	Bể thiếu khí	Bùn nổi từng tảng trong bể	- Vớt bỏ và đưa về kho chứa rác nguy hại

STT	Hạng mục	Sự cố phát sinh	Biện pháp khắc phục
3	Bể Aerotank	Bọt trắng nổi lên	- Bổ sung vi sinh - Tăng lượng bùn hoạt tính và ngưng quá trình lấy bùn dư
		Bùn có màu đen	- Tăng cường sục khí - Bổ sung vi sinh
		Bọt khí phát sinh ở một số vị trí không đều	- Kiểm tra, sửa chữa hoặc thay đổi thiết bị phân phối khí
4	Máy bơm, máy thổi khí	Ngừng hoạt động	- Có kế hoạch bảo trì hệ thống máy bơm, máy thổi khí - Trang bị máy bơm dự phòng - Lắp đặt nguồn cung cấp điện ổn định - Tiến hành sửa chữa theo từng trường hợp cụ thể
5	Nguồn điện	Ngắt điện theo kế hoạch hay đột ngột	- Hệ thống xử lý nước thải sử dụng nguồn điện từ trạm biến áp tách riêng với trạm biến áp của các bộ phận và xưởng của Công ty, nên rất ít khi xảy ra sự cố mất điện do quá tải. - Trong trường hợp vẫn có sự cố mất điện thì lực lượng bảo vệ nhanh chóng liên hệ Điện Lực, nhân viên vận hành, thợ điện để tiến hành xử lý và đảm bảo hệ thống không bị ảnh hưởng.

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

7.1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

- Máy móc, thiết bị sản xuất và phương tiện vận chuyển có đầy đủ hồ sơ lý lịch, chế độ kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ đúng theo khuyến cáo của nhà sản xuất luôn trong tình trạng hoạt động tốt và đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành.

- Bố trí máy móc, thiết bị hợp lý, đảm bảo khoảng cách di chuyển/vận chuyển, nhằm hạn chế tối đa tai nạn lao động do va chạm, đổ ngã.

- Các khu vực nhà xưởng, kho nguyên liệu, kho thành phẩm, ... được bố trí hợp lý; hàng hóa được sắp xếp gọn gàng, đảm bảo độ cao an toàn.

- Công nhân trực tiếp vận hành máy móc, thiết bị sản xuất được tập huấn định kỳ, nâng cao kiến thức trong thao tác vận hành, sử dụng các loại máy móc, đảm bảo thao tác đúng quy trình và đúng kỹ thuật.

- Nhân viên vận hành xe nâng hàng đều có chứng chỉ đào tạo nghề theo đúng quy định.
- Đối với các thiết bị/phương tiện nâng, bốc dỡ hàng hóa: Phải thực hiện đúng quy trình, đảm bảo khoảng cách an toàn với các đối tượng xung quanh.
- Thực hiện nghiêm cấm các hành vi như: Tự ý tháo dỡ các dụng cụ che chắn của các loại máy móc; Tự ý thay đổi vị trí của các loại máy móc; Tự ý sửa chữa, điều chỉnh các loại máy móc không thuộc phạm vi trách nhiệm của mình; Không sử dụng các dụng cụ lao động trong quá trình làm việc.
- Trang bị đầy đủ các loại dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân, đảm bảo phù hợp với từng vị trí việc làm cụ thể.
- Bố trí đầy đủ tủ thuốc y tế tại khu vực các Nhà xưởng và tại các khu vực có nguy cơ cao như kho hóa chất, kho CTNH, cơ khí, , nhằm xử lý, sơ cứu kịp thời khi phát sinh các sự cố lao động.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân viên theo đúng quy định hiện hành.
- Khi phát hiện máy móc, thiết bị sản xuất có dấu hiệu bất thường (nóng, phát sinh mùi khét, khói, ...): Cần ngưng ngay hoạt động và báo cáo đến người quản lý, để được xử lý kịp thời.
- Trong quá trình làm việc, công nhân viên có dấu hiệu bất thường về sức khỏe, cần báo cáo đến người quản lý, để được sơ cứu và nghỉ ngơi hợp lý.
- Có chế độ hỗ trợ cho người lao động gặp tai nạn lao động, nhằm khắc phục kịp thời các thiệt hại do tai nạn gây ra.
- An toàn kỹ thuật điện: Tất cả các thiết bị điện đều được kiểm định, kiểm tra định kỳ. Thực hiện kiểm tra các vị trí đấu nối, mối nối, dây dẫn điện trước khi khởi động/vận hành. Thực hiện huấn luyện an toàn điện cho công nhân trực tiếp vận hành máy móc. Sửa chữa, thay mới các thiết bị điện ngay khi phát sinh hư hỏng.
- An toàn thực phẩm: Bếp ăn đã được Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm số 51/2023/ATTP-CNĐK ngày 17/7/2023. Nhân viên làm việc tại bếp ăn được xác nhận đủ sức khỏe tham gia chế biến thực phẩm. Dụng cụ, trang thiết bị và nguyên phụ liệu chế biến thực phẩm đảm bảo đạt yêu cầu về ATTP.

7.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất

- Các biện pháp cất giữ, bảo quản, sử dụng các loại hóa chất trong quá trình hoạt động của Nhà máy đảm bảo đúng quy định của Luật Hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng

dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, Thông tư số 17/2022/TT-BCT của Bộ Công thương; Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất

- Các loại hóa chất được vận chuyển đến Nhà máy bằng phương tiện chuyên dụng.

- Nhập hóa chất về Nhà máy đáp ứng theo nhu cầu sử dụng, không nhập và tồn lưu với khối lượng lớn so với nhu cầu sử dụng.

- Hóa chất được lưu trữ trong nhà kho, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình lưu trữ và sử dụng các loại hóa chất theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Nhân viên tiếp xúc trực tiếp với hóa chất được huấn luyện an toàn hóa chất theo quy định tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ; Được tập huấn các biện pháp và kỹ thuật an toàn hóa chất, xử lý sự cố hóa chất.

- Trang bị bảo hộ lao động cho nhân viên tiếp xúc với hóa chất.

- Thực hiện nghiêm ngặt công tác kiểm tra thùng chứa, thiết bị chứa hóa chất theo đúng quy định.

- Xây dựng nội quy an toàn hóa chất và được niêm yết tại khu vực sản xuất, khu vực lưu chứa hóa chất.

- Xây dựng kho chứa hóa chất với diện tích 300 m², với kết cấu xây dựng như sau:

- + Nền bê tông, vách tường, mái tole: Đảm bảo hóa chất không tiếp xúc với nắng, mưa; nền đảm bảo không gây trơn trượt, có rãnh thu gom hóa chất chảy tràn.

- + Lối thoát hiểm được chỉ dẫn bằng bảng hiệu, đèn báo và được thiết kế thuận lợi cho việc thoát hiểm, cứu hộ, cứu nạn trong trường hợp khẩn cấp.

- + Bố trí bảng nội quy về an toàn hóa chất, có biển báo nguy hiểm phù hợp với mức độ nguy hiểm của hóa chất, treo ở nơi dễ thấy.

- + Chiều cao nền công trình > 0,2m so với mặt đường, nhằm tránh nước mưa chảy tràn vào khu vực kho.

- + Lắp đặt hệ thống chiếu sáng, quạt hút/quạt thông gió đầy đủ, đảm bảo kho đủ ánh sáng, thông thoáng.

- + Trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy: 02 bình chữa cháy, 01 nút ấn khẩn báo cháy, cầu chữa cháy, ...

- + Trang bị 01 thùng cát (vật liệu hấp thụ), nhằm ứng phó sự cố rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn hóa chất.

+ Trang bị 01 tủ y tế, 01 bồn rửa mắt khẩn cấp, nhằm ứng phó, xử lý kịp thời khi phát sinh sự cố.

- Trong khu vực kho hóa chất, bố trí hệ thống rãnh thu gom hóa chất, nhằm ứng phó kịp thời với sự cố rò rỉ hóa chất, cụ thể như sau:

+ Rãnh thu gom hóa chất chảy tràn bố trí dọc theo vách tường của kho, rộng x sâu = 0,24m x 0,25m.

+ Cuối rãnh có bố trí thùng thu gom hóa chất.

+ Hóa chất chảy tràn sau khi được thu gom, sẽ được tập kết về kho CNTT chờ xử lý.



Hình 16. Các công trình, thiết bị ứng phó sự cố được bố trí tại kho hóa chất

7.3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Công tác phòng cháy chữa cháy tại Nhà máy được thực hiện theo đúng

quy định tại Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 ngày 29/6/2001, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy số 43/2013/QH13 ngày 22/11/2013, Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ, các TCVN và QCVN về PCCC và các quy định hiện hành, cụ thể như sau:

- Xây dựng quy định, nội quy về phòng cháy và chữa cháy, về sử dụng điện, sử dụng lửa và các chất dễ cháy, nổ; Nội quy phòng chống cháy nổ được niêm yết tại những vị trí thích hợp trong khuôn viên Nhà máy.
- Khu vực bố trí bình gas phục vụ sản xuất và hoạt động của Nhà ăn đều có biển cảnh báo NGUY HIỂM, CẤM LỬA.
- Xây dựng thiết kế và được cơ quan có thẩm quyền thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.
- Hệ thống cấp điện trong khu vực Nhà máy bảo đảm đạt tiêu chuẩn an toàn về phòng cháy và chữa cháy
- Đường nội bộ: Đảm bảo thông suốt đến từng phân xưởng, đảm bảo tia nước phun từ vòi rồng của xe cứu hỏa có thể khống chế lửa tại bất kỳ vị trí nào trong khuôn viên công ty
- Lắp đặt hệ thống báo cháy, các phương tiện phòng cháy chữa cháy tại khu vực nhà xưởng, văn phòng, trang bị hệ thống chống sét đánh thẳng theo đúng quy định tại TCVN 3890:2009
- Các phương tiện PCCC luôn được kiểm tra thường xuyên và trong tình trạng sẵn sàng ứng phó sự cố
- Định kỳ tổ chức các buổi diễn tập, ứng phó với sự cố cháy nổ theo hướng dẫn của Phòng cảnh sát PCCC và CNCH.
- Phối hợp với cơ quan có chức năng khi phát sinh sự cố cháy nổ, để được hướng dẫn kịp thời các biện pháp ứng phó và khắc phục sự cố.
- Tuyên truyền, nâng cao ý thức của toàn thể công nhân viên trong công tác PCCC.
- Thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp kiểm soát nguồn nhiệt như:
 - + Ban hành nội quy: Cấm hút thuốc hoặc sử dụng các thiết bị có phát sinh tia lửa trong nhà xưởng, nhà kho
 - + Đặt biển cảnh báo dễ xảy ra cháy nổ và cấm hút thuốc ở những khu vực có nguy cơ cháy nổ cao như kho nguyên liệu, thành phẩm, kho hóa chất.
 - + Khi phát hiện công nhân sai phạm, sẽ thực hiện kỷ luật theo nội quy công ty

+ Khu vực sửa chữa cơ khí, máy phát điện, trạm biến áp, kho hóa chất đều bố trí riêng biệt, đảm bảo khoảng cách an toàn với các khu vực nhà xưởng chính, kho thành phẩm, kho nguyên liệu.

- Các phương tiện, thiết bị phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ được trang bị tại Nhà máy bao gồm:

Bảng 12. Danh mục thiết bị, phương tiện PCCC

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Hiện trạng sử dụng
1	Bình chữa cháy MFZ35Kg	29	Hoạt động tốt, sẵn sàng ứng phó sự cố
2	Bình chữa cháy MFZ8Kg	295	
3	Bình chữa cháy MT3Kg	101	
4	Bình chữa cháy MT5Kg	160	
5	Bình cầu chữa cháy (6Kg)	257	
6	Bình cầu chữa cháy (8Kg)	919	
7	Thu lôi chống sét	7	
8	Còi báo cháy	66	
9	Nút khẩn	62	
10	Đầu dò khói	385	
11	Đầu dò nhiệt	127	
12	Đầu beam	28	
13	Tủ trung tâm	9	
14	Hệ thống chữa cháy Sprinkler	988	
15	Màn nước chữa cháy	55	
16	Cuộn vòi chữa cháy (1 cuộn)	81	
17	Trụ nước chữa cháy (1 đầu)	81	
18	Cuộn vòi chữa cháy (2 cuộn)	14	
19	Trụ nước chữa cháy (2 đầu)	14	
20	Phương tiện vận chuyển người bị nạn đến cơ sở y tế	05	

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024

- Thành lập lực lượng ứng cứu tại chỗ, bao gồm:

+ Hội Đồng Bảo Hộ Lao Động gồm 5 thành viên

+ Đội Sơ Cấp Cứu gồm 70 thành viên

- + Ban An Toàn gồm 2 thành viên phụ trách công tác an toàn
- + Mạng Lưới An Toàn Vệ Sinh Viên gồm 39 người
- + Bảo vệ nội bộ gồm 16 nhân viên
- + Bảo vệ thuê bên ngoài gồm 20 nhân viên
- + Y tế công ty gồm 3 nhân viên
- + Đội PCCC cơ sở gồm 50 thành viên, trong đó có 1 đội trưởng, 2 đội phó



Hình 17. Thiết bị, công trình PCCC tại Nhà máy

7.4. Biện pháp giảm thiểu tác động của điện từ trường từ trạm biến áp

Các biện pháp đảm bảo an toàn điện và giảm thiểu tác động của điện từ trường từ trạm biến áp được áp dụng tại Nhà máy đảm bảo đúng theo các quy định của Luật điện lực, Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện, Nghị định 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính Phủ sửa đổi Nghị định 14/2014/NĐ-CP hướng dẫn an toàn điện, Thông tư số 39/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công thương: Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện, Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02/08/2021 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung an toàn điện, cụ thể như sau:

- Vị trí đặt trạm biến áp đảm bảo được khoảng cách an toàn phóng điện quy định tại Điều 10 của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ.
- Xây dựng rào chắn xung quanh trạm biến áp để đảm bảo hành lang an toàn điện đối với công trình lân cận, theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02/08/2021 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung an toàn điện.
- Công nhân vận hành có bằng cấp chuyên môn về điện công nghiệp, tự động hóa, được huấn luyện, sát hạch về an toàn điện, ... và được trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động theo quy định.
- Sử dụng các thiết bị, dụng cụ điện có chứng chỉ chất lượng hoặc nhãn mác đăng ký chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định pháp luật khác có liên quan. Các thiết bị, dụng cụ điện được kiểm định an toàn kỹ thuật theo đúng quy định.

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Cải tạo, nâng công suất Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách”, quy mô và công suất hoạt động của Nhà máy không thay đổi.
- Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động sản xuất tại Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách, có điều chỉnh một số biện pháp bảo vệ môi trường nhằm phù hợp với điều kiện thực tế, tăng hiệu quả trong công tác bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

*** Đối với nước mưa chảy tràn**

- Theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt: Nước mưa chảy tràn phần mái nhà và sân đường được thu gom và dẫn thoát ra Hệ thống thu gom nước mưa Khu công nghiệp Long Đức.

- Hiện tại, phần lớn nước mưa chảy tràn phần mái nhà và sân đường được thu gom, sau đó bơm lên Bồn chứa nước và tận dụng làm nguồn nước cấp cho Nhà vệ sinh (nước dội bồn cầu); Phần còn lại được thoát ra cống thoát nước mưa Khu công nghiệp Long Đức.

* Việc tái sử dụng nguồn nước mưa chảy tràn tại Nhà máy đã góp phần giảm đáng kể nhu cầu sử dụng nguồn nước từ trạm cấp nước, mang lại hiệu quả kinh tế cho chủ đầu tư. Song song đó, giảm sức ép đến Hệ thống thu gom nước mưa Khu công nghiệp Long Đức, góp phần giảm thiểu phát sinh sự cố ngập úng trong khu vực KCN.

Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:
 - + Nguồn 1: Nước thải nhà ăn/căn tin
 - + Nguồn 2: Nước thải nhà vệ sinh
 - + Nguồn 3: Nước rửa lọc
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 450 m³/ngày.đêm, theo công suất của hệ thống xử lý nước thải.
- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 450 m³/ngày.đêm.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Áp dụng theo QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; K_q=0,9; K_f=1,1). Giới hạn thông số, nồng độ các chất ô nhiễm được phép xả thải:

Bảng 13. Giá trị giới hạn nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (cột B; K _q =0,9; K _f =1,1)
1	pH	-	5,5 - 9
2	TSS	mg/L	99
3	BOD ₅	mg/L	49,5
4	COD	mg/L	148,5
5	Sulfua	mg/L	0,495
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	9,9
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	9,9
8	Coliform	MPN/100mL	5.000

* **Ghi chú:** Giá trị tối đa cho được tính theo công thức: $C_{max} = C \times K_q \times K_f$ của QCVN 40:2011/BTNMT, trong đó:

- + C: Giá trị của thông số ô nhiễm (cột B).
- + K_q: Hệ số lưu lượng nguồn tiếp nhận nước thải (K_q = 0,9).
- + K_f: Hệ số lưu lượng nguồn thải (K_f = 1,1).

+ Không áp dụng hệ số K_q và K_f cho chỉ tiêu pH và Coliform.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý được xả thải ra cống thu gom nước thải Khu công nghiệp (tuyến cống dọc trên tuyến đường số 1), sau đó được xử lý tiếp tục tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung công suất 2.000 m³/ngày đêm.

- Vị trí xả thải là điểm đầu nối vào cống thu gom nước thải KCN, có tọa độ như sau (tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 3°):

+ X = 1103 171

+ Y = 593 386

- Phương thức xả thải: Tự chảy

- Chế độ xả thải: Xả nước thải liên tục (24 giờ)

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: Không

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: Không

Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, chương trình quan trắc môi trường định kỳ tại Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách, bao gồm:

Bảng 14. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Thông số	Tần suất
I	Không khí			
1	Không khí bên trong khu vực sản xuất, tại xưởng A	KK01	tiếng ồn, bụi bông, nhiệt độ môi trường, ánh sáng, CO, SO ₂ , NO ₂ , H ₂ S và NH ₃ , metyl etyl ketone (MEK), heptan, toluen	03 tháng/lần
2	Không khí bên trong khu vực sản xuất, tại xưởng B	KK02		
3	Không khí bên trong khu vực sản xuất, tại xưởng C	KK03		
4	Không khí trong kho nguyên liệu	KK04		
5	Không khí trong kho thành phẩm	KK05		
II	Nước thải			
1	Hố ga đầu nối vào hệ thống công thu gom nước thải của KCN Long Đức	NT	pH, BOD ₅ , COD, TSS, Amoni, nitrat, Phosphat, Sunfua, Tổng dầu mỡ khoáng và Coliform	03 tháng/lần

Trong thời gian qua, Công ty TNHH MTV CY Vina đã thực hiện đầy đủ chương trình quan trắc môi trường định kỳ tại Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách, kết quả quan trắc năm 2022 và 2023, cụ thể như sau:

- Thông tin lấy mẫu quan trắc môi trường năm 2022 và 2023
- + Quý I/2022: ngày 23/02/2022 Quý II/2022: ngày 14/6/2022
- + Quý III/2022: ngày 08/9/2022 Quý IV/2022: ngày 09/12/2022
- + Quý I/2023: ngày 23/3/2023 Quý II/2023: ngày 09/6/2023
- + Quý III/2023: ngày 05/9/2023 Quý IV/2023: ngày 29/11/2023

Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2022 và 2023 được tổng hợp trong bảng sau:

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Bảng 15. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả				QCVN 40:2011/ BTNMT (C _{max})
			Quý I/2022	Quý II/2022	Quý III/2022	Quý IV/2022	
1	pH	-	7,40	7,28	7,39	6,98	5,5 - 9
2	TSS	mg/L	18	16	18	19	99
3	BOD ₅	mg/L	KPH	12	4	11	49,5
4	COD	mg/L	12	38	16	29	148,5
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	0,15	0,18	0,13	0,18	9,9
6	Nitrat	mg/L	0,65	0,74	0,36	0,41	-
7	Phosphate	mg/L	0,17	0,26	0,09	0,12	-
8	Sulfua	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0,495
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	10
10	Coliform	MPN/100mL	120	190	140	150	5.000

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2022

Bảng 16. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả				QCVN 40:2011/ BTNMT (C _{max})
			Quý I/2023	Quý II/2023	Quý III/2023	Quý IV/2023	
1	pH	-	6,83	7,43	7,15	7,12	5,5 - 9
2	TSS	mg/L	23	22	32	38	99
3	BOD ₅	mg/L	19	6	17	35	49,5
4	COD	mg/L	45	13	30	85	148,5
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	<3	KPH	3,7	7,2	9,9
6	Nitrat	mg/L	1,40	0,28	12,6	9,5	-
7	Phosphate	mg/L	<0,09	KPH	<0,09	0,44	-
8	Sulfua	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0,495
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	10
10	Coliform	MPN/100mL	1.800	70	2.500	2.600	5.000

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023

Theo kết quả quan trắc năm 2022 và 2023 cho thấy, nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách, đều có chất lượng tốt, tất cả các thông số quan trắc đều có giá trị đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; $K_q=0,9$; $K_f=1,1$) trước khi được đầu nối công thu gom nước thải KCN.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí

2.1. Kết quả quan trắc năm 2022

Bảng 17. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý I/2022

TT	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc				
		Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn (dBA)	Ánh sáng (Lux)
1	KK01	30,8	56,2	0,2	72,0	720
2	KK02	29,7	59,9	0,2	73,8	750
3	KK03	30,2	60,4	0,2	67,1	820
4	KK04	31,7	59,4	0,2	59,3	340
5	KK05	29,8	60,6	0,2	57,7	480
QCVN 22:2016/BYT		-	-	-	-	≥ 200
QCVN 24:2016/BYT		-	-	-	≤ 85	-
QCVN 26:2016/BYT		18 - 32	40 - 80	0,2 - 1,5	-	-

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2022

Bảng 18. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý I/2022 (tt)

TT	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc								
		Bụi	SO ₂	NO ₂	CO	NH ₃	H ₂ S	MEK	Heptane	Toluen
		mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³
1	KK01	0,21	0,061	0,065	5,62	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
2	KK02	0,17	0,060	0,064	2,37	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
3	KK03	0,22	0,073	0,078	5,40	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
4	KK04	0,18	0,066	0,069	5,26	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
5	KK05	0,19	0,069	0,073	5,27	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
QCVN 03:2019/BYT		-	≤ 10	≤ 10	≤ 40	≤ 25	≤ 15	-	-	≤ 300
QCVN 02:2019/BYT		≤ 8	-	-	-	-	-	-	-	-
QĐ 3733/2022/QĐ-BYT		-	-	-	-	-	-	-	≤ 1.250	-

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2022

Bảng 19. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý II/2022

TT	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc				
		Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn (dBA)	Ánh sáng (Lux)
1	KK01	29,1	67,4	0,2	69,4	413
2	KK02	19,3	67,6	0,2	71,3	436
3	KK03	29,0	69,5	0,2	75,5	451
4	KK04	29,1	63,7	0,2	57,7	395
5	KK05	29,0	63,2	0,2	58,6	400
QCVN 22:2016/BYT		-	-	-	-	≥ 200
QCVN 24:2016/BYT		-	-	-	≤ 85	-
QCVN 26:2016/BYT		18 - 32	40 - 80	0,2 - 1,5	-	-

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2022

Bảng 20. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý II/2022 (tt)

TT	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc								
		Bụi	SO ₂	NO ₂	CO	NH ₃	H ₂ S	MEK	Heptane	Toluen
		mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³
1	KK01	0,24	0,065	0,062	5,70	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
2	KK02	0,19	0,063	0,060	2,31	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
3	KK03	0,20	0,070	0,073	5,45	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
4	KK04	0,16	0,068	0,071	5,33	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
5	KK05	0,18	0,065	0,096	5,29	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
QCVN 03:2019/BYT		-	≤ 10	≤ 10	≤ 40	≤ 25	≤ 15	-	-	≤ 300
QCVN 02:2019/BYT		≤ 8	-	-	-	-	-	-	-	-
QĐ 3733/2022/QĐ-BYT		-	-	-	-	-	-	-	≤ 1.250	-

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2022

Bảng 21. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý III/2022

TT	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc				
		Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn (Dba)	Ánh sáng (Lux)
1	KK01	30,5	65,3	0,2	68,3	430
2	KK02	28,1	67,5	0,2	62,5	420

TT	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc				
		Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn (Dba)	Ánh sáng (Lux)
3	KK03	30,1	66,8	0,2	63,8	440
4	KK04	31,2	67,1	0,2	60,3	400
5	KK05	30,5	64,9	0,2	62,4	410
QCVN 22:2016/BYT		-	-	-	-	≥ 200
QCVN 24:2016/BYT		-	-	-	≤ 85	-
QCVN 26:2016/BYT		18 – 32	40 – 80	0,2 – 1,5	-	-

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2022

Bảng 22. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý III/2022 (tt)

TT	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc								
		Bụi	SO ₂	NO ₂	CO	NH ₃	H ₂ S	MEK	Heptane	Toluen
		mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³
1	KK01	0,21	0,069	0,066	5,53	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
2	KK02	0,17	0,067	0,064	2,69	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
3	KK03	0,23	0,073	0,070	5,32	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
4	KK04	0,17	0,065	0,068	5,18	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
5	KK05	0,15	0,061	0,063	5,38	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
QCVN 03:2019/BYT		-	≤ 10	≤ 10	≤ 40	≤ 25	≤ 15	-	-	≤ 300
QCVN 02:2019/BYT		≤ 8	-	-	-	-	-	-	-	-
QĐ 3733/2022/QĐ-BYT		-	-	-	-	-	-	-	≤ 1.250	-

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2022

Bảng 23. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý IV/2022

TT	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc				
		Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn (dBA)	Ánh sáng (Lux)
1	KK01	29,8	68,4	0,2	65,9	415
2	KK02	30,1	63,5	0,2	69,3	448
3	KK03	29,8	64,9	0,2	68,2	463

TT	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc				
		Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn (dBA)	Ánh sáng (Lux)
4	KK04	31,0	65,8	0,2	67,1	510
5	KK05	30,7	66,2	0,2	64,9	472
QCVN 22:2016/BYT		-	-	-	-	≥ 200
QCVN 24:2016/BYT		-	-	-	≤ 85	-
QCVN 26:2016/BYT		18 - 32	40 - 80	0,2 - 1,5	-	-

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2022

Bảng 24. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý IV/2022 (tt)

TT	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc								
		Bụi	SO ₂	NO ₂	CO	NH ₃	H ₂ S	MEK	Heptane	Toluen
		mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³
1	KK01	0,27	0,081	0,074	5,42	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
2	KK02	0,20	0,076	0,071	2,54	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
3	KK03	0,21	0,075	0,068	5,29	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
4	KK04	0,19	0,070	0,067	5,22	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
5	KK05	0,17	0,065	0,060	5,31	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
QCVN 03:2019/BYT		-	≤ 10	≤ 10	≤ 40	≤ 25	≤ 15	-	-	≤ 300
QCVN 02:2019/BYT		≤ 8	-	-	-	-	-	-	-	-
QĐ 3733/2022/QĐ-BYT		-	-	-	-	-	-	-	≤ 1.250	-

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2022

Nhận xét: Theo số liệu tổng hợp kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí (năm 2022) cho thấy, môi trường không khí trong khu vực sản xuất của Nhà máy đều có chất lượng tốt qua các đợt quan trắc trong năm, tất cả các thông số quan trắc đều đạt QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT, Quyết định số 3733/QĐ/2022/QĐ-BYT.

2.2. Kết quả quan trắc năm 2023

Bảng 25. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý I/2023

TT	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc				
		Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn (dBA)	Ánh sáng (Lux)
1	KK01	29,7	67,8	0,2 – 0,3	67,5	490
2	KK02	29,1	49,4	0,2 – 0,3	62,1	725
3	KK03	29,8	65,3	0,2 – 0,3	72,4	377
4	KK04	31,2	62,1	0,2 – 0,3	74,6	345
5	KK05	31,6	58,8	0,2 – 0,3	72,7	615
QCVN 22:2016/BYT		-	-	-	-	≥ 200
QCVN 24:2016/BYT		-	-	-	≤ 85	-
QCVN 26:2016/BYT		18 - 32	40 - 80	0,2 - 1,5	-	-

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023

Bảng 26. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý I/2023 (tt)

TT	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc								
		Bụi	SO ₂	NO ₂	CO	NH ₃	H ₂ S	MEK	Heptane	Toluen
		mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³
1	KK01	0,28	0,078	0,065	< 6	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
2	KK02	0,25	0,075	0,062	< 6	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
3	KK03	0,24	0,086	0,081	< 6	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
4	KK04	0,22	0,084	0,075	< 6	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
5	KK05	0,26	0,089	0,082	< 6	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
QCVN 03:2019/BYT		-	≤ 10	≤ 10	≤ 40	≤ 25	≤ 15	-	-	≤ 300
QCVN 02:2019/BYT		≤ 8	-	-	-	-	-	-	-	-
QĐ 3733/2022/QĐ-BYT		-	-	-	-	-	-	-	≤ 1.250	-

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023

Bảng 27. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý II/2023

TT	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc				
		Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn (dBA)	Ánh sáng (Lux)
1	KK01	30,5	61,5	0,4	62,5	313
2	KK02	30,5	63,2	0,3	64,8	345
3	KK03	30,5	63,7	0,4	72,1	327
4	KK04	31,6	61,2	0,5	74,5	371
5	KK05	31,8	62,2	0,4	77,3	342
QCVN 22:2016/BYT		-	-	-	-	≥ 200
QCVN 24:2016/BYT		-	-	-	≤ 85	-
QCVN 26:2016/BYT		18 - 32	40 - 80	0,2 - 1,5	-	-

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023

Bảng 28. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý II/2023 (tt)

TT	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc								
		Bụi	SO ₂	NO ₂	CO	NH ₃	H ₂ S	MEK	Heptane	Toluen
		mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³
1	KK01	0,23	0,073	0,058	< 6	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
2	KK02	0,25	0,076	0,061	< 6	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
3	KK03	0,31	0,074	0,067	< 6	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
4	KK04	0,29	0,077	0,065	< 6	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
5	KK05	0,32	0,080	0,072	< 6	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
QCVN 03:2019/BYT		-	≤ 10	≤ 10	≤ 40	≤ 25	≤ 15	-	-	≤ 300
QCVN 02:2019/BYT		≤ 8	-	-	-	-	-	-	-	-
QĐ 3733/2022/QĐ-BYT		-	-	-	-	-	-	-	≤ 1.250	-

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023

Bảng 29. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý III/2023

TT	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc				
		Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn (dBA)	Ánh sáng (Lux)
1	KK01	29,9	73,6	0,3 – 0,4	64,0	764
2	KK02	28,5	63,7	0,2 – 0,3	55,5	199
3	KK03	28,8	76,6	0,2 – 0,3	66,6	276
4	KK04	29,0	75,9	0,3 – 0,4	69,0	370
5	KK05	29,2	76,8	0,2 – 0,3	70,8	554
QCVN 22:2016/BYT		-	-	-	-	≥ 200
QCVN 24:2016/BYT		-	-	-	≤ 85	-
QCVN 26:2016/BYT		18 - 32	40 - 80	0,2 - 1,5	-	-

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023

Bảng 30. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý III/2023 (tt)

TT	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc								
		Bụi	SO ₂	NO ₂	CO	NH ₃	H ₂ S	MEK	Heptane	Toluen
		mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³
1	KK01	0,24	0,078	0,063	< 6	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
2	KK02	0,21	0,073	0,060	< 6	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
3	KK03	0,30	0,081	0,073	< 6	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
4	KK04	0,32	0,083	0,073	< 6	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
5	KK05	0,28	0,080	0,071	< 6	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
QCVN 03:2019/BYT		-	≤ 10	≤ 10	≤ 40	≤ 25	≤ 15	-	-	≤ 300
QCVN 02:2019/BYT		≤ 8	-	-	-	-	-	-	-	-
QĐ 3733/2022/QĐ-BYT		-	-	-	-	-	-	-	≤ 1.250	-

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023

Bảng 31. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý IV/2023

TT	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc				
		Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn (dBA)	Ánh sáng (Lux)
1	KK01	29,2	70,5	0,2 – 0,3	63,5	752
2	KK02	28,3	63,0	0,2 – 0,3	54,2	301
3	KK03	28,6	75,1	0,2 – 0,3	66,2	310
4	KK04	29,0	75,0	0,2 – 0,3	68,5	356
5	KK05	29,0	76,2	0,2 – 0,3	69,8	523
QCVN 22:2016/BYT		-	-	-	-	≥ 200
QCVN 24:2016/BYT		-	-	-	≤ 85	-
QCVN 26:2016/BYT		18 - 32	40 - 80	0,2 - 1,5	-	-

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023

Bảng 32. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí quý IV/2023 (tt)

TT	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc								
		Bụi	SO ₂	NO ₂	CO	NH ₃	H ₂ S	MEK	Heptane	Toluen
		mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³
1	KK01	0,23	0,075	0,065	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
2	KK02	0,22	0,073	0,062	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
3	KK03	0,31	0,079	0,071	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
4	KK04	0,27	0,081	0,073	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
5	KK05	0,23	0,051	0,064	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
QCVN 03:2019/BYT		-	≤ 10	≤ 10	≤ 40	≤ 25	≤ 15	-	-	≤ 300
QCVN 02:2019/BYT		≤ 8	-	-	-	-	-	-	-	-
QĐ 3733/2022/QĐ-BYT		-	-	-	-	-	-	-	≤ 1.250	-

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023

Nhận xét: Môi trường không khí trong khu vực sản xuất của Nhà máy đều có chất lượng tốt qua các đợt quan trắc trong năm 2023, tất cả các thông số quan trắc đều đạt QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT, Quyết định số 3733/QĐ/2022/QĐ-BYT.

Như vậy, các biện pháp quản lý, xử lý và giảm thiểu tác động của khí thải, bụi, ... đang được áp dụng trong quá trình sản xuất tại Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách có hiệu quả cao, đảm bảo môi trường không khí trong khu vực sản xuất luôn đạt giới hạn cho phép. Song song đó, cũng đã giảm thiểu được tối đa các tác động đến môi trường không khí xung quanh và sức khỏe cộng đồng.

Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Các công trình xử lý chất thải đã được xây dựng tại Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách bao gồm:

- Hàm tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt: Căn cứ theo điểm d khoản 1 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nhà máy không thực hiện vận hành thử nghiệm công trình này.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 450 m³/ngày): Căn cứ theo khoản 5 điều 21 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Nhà máy thực hiện vận hành thử nghiệm công trình này.

- Căn cứ theo khoản 4 điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách phải thực hiện vận hành thử nghiệm Hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 450 m³/ngày) sau khi được cấp giấy phép môi trường. Kế hoạch vận hành thử nghiệm của Nhà máy cụ thể như sau:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 33. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

STT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Lưu lượng xả thải tối đa
1	Hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 450 m ³ /ngày)	9/2024	11/2024	450 m ³ /ngày đêm

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Bảng 34. Kế hoạch quan trắc chất thải

Vị trí lấy mẫu	Toạ độ	Số lượng mẫu	Tần suất lấy mẫu	Thời gian dự kiến lấy mẫu	Thông số thử nghiệm	Loại mẫu
Nước thải trước xử lý tại Bể thu gom	X= 1103 202 Y= 592 363	01 mẫu	01 mẫu/ngày	10/2024	pH, BOD ₅ , COD, TSS, Dầu mỡ khoáng, Sulfua, Amoni, Coliform	mẫu đơn
Nước thải sau xử lý	X=1103 171 Y= 593 386	03 mẫu	01 mẫu/ngày			mẫu đơn

Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:

- Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện

+ Địa chỉ: Quốc lộ 53, khóm Phước Trị, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

+ ĐT: 0972 029 302

E-mail: cty.tuthien2018@gmail.com

- Đơn vị quan trắc: Trung tâm Tư vấn công nghệ môi trường và An toàn vệ sinh lao động

+ Địa chỉ: số 286/8A Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số 28/GCN-BTNMT ngày 07/9/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Mã số chứng nhận: VIMCERTS 026

Công tác quan trắc đảm bảo theo đúng quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Căn cứ Khoản 2 Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục.

2.2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Căn cứ Phụ lục II và XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo đề xuất của chủ cơ sở

Trong quá trình hoạt động sản xuất tại Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách có phát sinh nước thải sinh hoạt với lưu lượng tương đối lớn. Nhà máy đã được đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 450 m³/ngày đêm), nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B; K_q=0,9; K_f=1,1).

Thực hiện theo quy định tại Điều 53 của Luật Bảo vệ môi trường, nước thải sau xử lý được đầu nổi và xử lý tiếp tục tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung công suất 2.000 m³/ngày-đêm (công nghệ xử lý: Công nghệ sinh học hiếu khí lơ lửng kết hợp với xử lý hóa lý) trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận là sông

Cổ Chiên.

Tuy nhiên, nhằm theo dõi hiệu quả xử lý của hệ thống XLNT và chất lượng nước thải sau xử lý, Nhà máy đề xuất quan trắc định kỳ chất lượng nước thải, cụ thể như sau:

- Vị trí quan trắc: Nước thải sau xử lý, trước khi xả thải ra công thu gom nước thải Khu công nghiệp (tuyến cống dọc trên tuyến đường số 1) (ký hiệu: NT)
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần
- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Dầu mỡ khoáng, Sulfua, Amoni, Coliform.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; K_q=0,9; K_f=1,1).

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm tại Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách ước tính khoảng 20.000.000 đồng/năm (*bằng chữ: Hai mươi triệu đồng chẵn*).



Hình 18. Vị trí quan trắc nước thải

Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

1. Các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ sở

Trong năm 2023 và 2024, Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách tiếp 02 đoàn kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Đoàn kiểm tra thứ 1 được thành lập theo Quyết định số 13/QĐ-BQLKKT ngày 13/2/2023 của Ban Quản Lý Khu Kinh Tế nhằm kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Định An, Khu công nghiệp Long Đức do Ban Quản Lý Khu Kinh Tế làm trưởng đoàn.

+ Thời gian tiến hành kiểm tra: ngày 03/4/2023.

+ Căn cứ theo Thông báo kết luận số 61/TB-BQLKKT ngày 15/5/2023 của Ban Quản Lý Khu Kinh Tế thì chưa ghi nhận các tồn tại, hạn chế trong việc chấp hành các quy định pháp luật của Công ty.

- Đoàn kiểm tra thứ 2 được thành lập theo Quyết định số 53/QĐ-TTr ngày 12/3/2024 của Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường

+ Thời gian tiến hành kiểm tra: ngày 04/4/2024

+ Theo kết luận tại Biên bản kiểm tra, xác minh nội dung chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường ngày 04/4/2024 và Kết luận thanh tra số 111/KL-TTr ngày 20/5/2024 của Thanh tra Sở: Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách cần thực hiện khắc phục trong công tác bảo vệ môi trường như sau:

▪ Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án “Cải tạo, nâng công suất nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách” được UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt tại Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 01/4/2019.

▪ Khẩn trương thực hiện lập thủ tục cấp giấy phép môi trường theo quy định tại điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

▪ Phân công nhân viên phụ trách thường xuyên kiểm tra, vận hành thường xuyên công trình BVMT, đảm bảo đúng quy định.

▪ Trong quá trình hoạt động, nếu đề ra sự cố môi trường, đề nghị Công ty thực hiện việc khắc phục và báo cáo đến cơ quan nhà nước về môi trường và chính quyền địa phương để kiểm tra, giám sát; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại môi trường do sự cố Công ty gây ra theo nội dung quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có)

2. Tình hình khắc phục những tồn tại

- Công ty TNHH MTV CY Vina thực hiện khắc phục những tồn tại tại Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách theo Kết luận thanh tra số 111/KL-TTr ngày 20/5/2024 của Thanh tra Sở và đã thực hiện gửi báo cáo kết quả khắc phục số 6/2024/CV-CYV ngày 17/6/2024 đến Thanh Tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh.

- Kết quả khắc phục cụ thể như sau:

+ Vệ sinh đường ống thoát nước thải từ công đoạn cuối cùng của hệ thống xử lý ra điểm đầu nối với hệ thống cống thu gom của KCN Long Đức.

+ Việc vệ sinh, vận hành hệ thống xử lý nước thải được thắt chặt hơn, yêu cầu sự giám sát nghiêm ngặt và can thiệp trực tiếp từ Trưởng Ban quản lý môi trường/ Quản Lý Nhân Sự Cấp Cao của Công ty; trong đó, nhân viên vận hành được yêu cầu báo cáo chất lượng nước thải, tình trạng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải hàng ngày cho Trưởng Ban quản lý môi trường.

+ Thực hiện quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý (lấy mẫu ngày 31/5/2024), kết quả tất cả các thông số quan trắc đều đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B).

+ Nhật ký vận hành hệ thống gồm thông tin ghi chép chỉ số đồng hồ đặt tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải để đo chỉ số nước thải được thải ra đầu ngày và cuối ngày, nhằm theo dõi lượng nước mà Công ty thải ra. Tuy nhiên, do Công ty ký hợp đồng dịch vụ thoát nước số 09/HĐ-TTHT ngày 1/2/2021 với Trung Tâm Quản Lý Hạ Tầng Khu Kinh Tế, Khu Công Nghiệp, trong đó, lượng nước thải hàng tháng được tính bằng 80% nước cấp. Do đó, Công ty không thực hiện theo dõi lượng nước thải thực tế, vì đã thỏa thuận tính bằng 80% nước cấp.

+ Về việc thực hiện các nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án “Cải tạo, nâng công suất nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách” được UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt tại Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 1/4/2019: Công ty cam kết thực hiện đúng và đầy đủ.

+ Về việc phân công nhân viên phụ trách thường xuyên kiểm tra, vận hành các công trình bảo vệ môi trường đảm bảo đúng quy định: Công ty đã và đang phân công nhân viên thực hiện việc kiểm tra, vận hành và báo cáo kết quả thực hiện hàng ngày cho cấp trên theo dõi.

+ Về việc lập thủ tục cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 42. Luật Bảo Vệ Môi Trường năm 2020: Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Môi Trường Từ Thiện, để thực hiện việc lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho Công ty.

Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

- Công ty TNHH MTV CY Vina cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Công ty TNHH MTV CY Vina cam kết xử lý các loại chất thải phát sinh tại Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể như sau:

+ Đối với nước thải sinh hoạt:

▪ Được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải (công suất 450 m³/ngày đêm), đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; K_q=0,9; K_f=1,1). Sau đó được đấu nối và xử lý tiếp tục tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung công suất 2.000 m³/ngày-đêm trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận là sông Cỏ Chiên.

▪ Duy trì hợp đồng dịch vụ thoát nước với Trung tâm Quản lý hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp trong suốt thời gian hoạt động của Nhà máy.

▪ Thực hiện đầy đủ chương trình quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý

+ Đối với nước mưa chảy tràn: Thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát chất lượng nước mưa chảy tràn.

+ Đối với chất thải rắn (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại):

▪ Thực hiện đầy đủ các biện pháp quản lý chất thải tại nguồn

▪ Thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

▪ Đảm bảo công tác quản lý và xử lý chất thải đúng theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Đối với sự cố, rủi ro: Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố, rủi ro. Đảm bảo các công trình, phương tiện, thiết bị ứng phó sự cố luôn trong tình trạng sẵn sàng sử dụng.

+ Trong trường hợp phát sinh sự cố môi trường tại Nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách, Công ty cam kết thực hiện các biện pháp như:

▪ Giảm công suất hoạt động hoặc tạm ngừng hoạt động sản xuất.

▪ Thực hiện khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

- Thực hiện báo cáo kết quả khắc phục đến cơ quan nhà nước về môi trường và chính quyền địa phương để kiểm tra, giám sát.

- + Thực hiện lập và nộp Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm theo đúng quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

PHỤ LỤC

Số: 111 /KL-TTr

Trà Vinh, ngày 20 tháng 5 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA
Về việc thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ
môi trường đối với Công ty TNHH MTV CY Vina

Thực hiện Quyết định số 53/QĐ-TTr ngày 12/3/2024 của Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh về việc thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với 04 tổ chức trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Từ ngày 02/4/2024 đến ngày 21/4/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại các Công ty là đối tượng thanh tra.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 10/BC-ĐTTr ngày 24/4/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường kết luận như sau:

1. Khái quát chung

- Tên tổ chức: Công ty TNHH MTV CY Vina (gọi tắt là Công ty).
- Địa chỉ trụ sở: Lô N, Đường số 1, KCN Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- Số điện thoại: 02943 746 803
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số: 2100436097, đăng ký lần đầu ngày 09/11/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 4, ngày 12/02/2020 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp.
- Người đại diện theo pháp luật: CHOI BYUNG MAN, Chức vụ: Giám đốc.
- Ngành nghề, lĩnh vực hoạt động: Sản xuất và gia công các loại vali, túi xách xuất khẩu.
- Sản phẩm: Túi xách.
- Số lượng nhân viên: 3.661 người.
- Diện tích mặt bằng: 57.254,5 m².
- Nguồn cung cấp nước để sử dụng: nước cấp của Công ty Cổ phần cấp thoát nước tỉnh Trà Vinh.
- Lượng nước sử dụng trung bình: 373,5 m³/ngày đêm.
- Danh sách các loại hóa chất đang sử dụng: Edgestain Semi glossy CHS330R1; Edgestain matte CHM330R1; High gloss edgestain; Semi gloss edgestain; UA400H; UA1013; Prymer; Loctite Bondace 7103 TF(F); Loctite Bondace 7103 LTFS(F); Loctite Bondace 7103 LTFP; Bond FT220; Bond AQ-

500S; Bond AQ-900H; Bond AQ-420T; Bond HM-106P; Bond Meltace A-100; Bond Axia TPR.

2. Kết quả kiểm tra, xác minh

2.1. Tình hình thực hiện các hồ sơ, thủ tục pháp lý về bảo vệ môi trường

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đối với dự án “Cải tạo, nâng công suất nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách” của Công ty TNHH MTV CY Vina được UBND tỉnh Trà Vinh tại Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 01/4/2019.

- Đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại: Công ty được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại ngày 17/10/2014. Mã số QLCTNH: 84.000074.T (cấp lần 2).

- Hợp đồng dịch vụ thoát nước số 09/HĐ-TTHT ngày 01/02/2021 giữa Trung tâm Quản lý hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp và Công ty TNHH MTV CY Vina.

2.2. Các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động và các biện pháp bảo vệ môi trường đã thực hiện

2.2.1. Nước mưa chảy tràn

Công ty có xây dựng hệ thống cống thu gom nước mưa tách biệt với nước thải.

2.2.2. Nước thải

+ Nước thải sinh hoạt: Phát sinh khoảng 297,70 m³/ngày đêm (từ các nhà vệ sinh, nhà ở chuyên gia và nước thải từ khu ăn uống, nhà bếp). Biện pháp xử lý: Công ty xây dựng hệ thống xử lý nước thải (Công suất 450 m³/ngày đêm).

Quy trình xử lý: Nước thải → Bể thu gom/sàn tách rác → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Đức.

* *Bùn thải*: tại thời điểm kiểm tra không phát sinh. Biện pháp thu gom và xử lý: Chứa tại bể lắng của hệ thống xử lý nước thải. Công ty đã ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Trái Đất Xanh để thu gom và xử lý, với tần suất 02 lần/tháng.

Qua kiểm tra, căn cứ Hợp đồng dịch vụ thoát nước số 09/HĐ-TTHT ngày 01/02/2021 giữa Trung tâm Quản lý hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp và Công ty TNHH MTV CY Vina thì lượng nước thải được tính bằng 80% nước cấp, do đó, Công ty chỉ theo dõi lưu lượng nước cấp đầu vào.

+ Nước thải sản xuất: Không phát sinh.

2.2.3. Về khí thải, bụi

- Nguồn phát sinh khí thải, bụi: Phát sinh chủ yếu tại phòng chứa máy phát điện có ống khói.

- Biện pháp xử lý: Các ngày bình thường Công ty không có sử dụng máy phát điện nên không có phát sinh khí thải. Công ty chỉ sử dụng máy phát điện khi mất điện đột xuất.

2.2.4. Về tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: không .
- Biện pháp giảm thiểu, xử lý tiếng ồn, độ rung: không.

2.2.5. Về chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh 4.260 kg/tháng. Biện pháp xử lý: Công ty bố trí thùng chứa và có kho rác lưu trữ riêng biệt. Công ty ký kết hợp đồng với công ty TNHH MTV Phát Đăng để thu gom (Công ty TNHH MTV Phát Đăng ký kết hợp đồng vận chuyển với Công ty Cổ Phần Công Trình Đô Thị Trà Vinh) với tần suất 03 lần/tuần.

- Chất thải rắn sản xuất (chất thải rắn công nghiệp thông thường): Phát sinh 67.101 kg/tháng (bao gồm: da dụng, vải dụng, chỉ,...). Biện pháp xử lý: Công ty bố trí thùng chứa và có kho rác lưu trữ riêng biệt. Kho chứa với tổng diện tích 225m². Công ty đã ký kết hợp đồng với Công Ty TNHH MTV Vĩ Tú và Công ty TNHH MTV SX TM DV Môi Trường Á Châu để thu gom và xử lý với tần suất 2 – 4 lần/tuần.

2.2.6. Về chất thải nguy hại

Tại thời điểm kiểm tra chất thải nguy hại tồn lưu trong kho lưu trữ khoảng 50 kg (tính ngày 03/4/2024 đến thời điểm kiểm tra, xác minh), gồm có: thùng keo nhựa, thùng keo thiết, Giẻ lau dính keo sơn. Biện pháp xử lý: Công ty bố trí riêng khu vực chứa chất thải nguy hại, diện tích khoảng 75m². Công ty đã ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Trái Đất Xanh để thu gom và xử lý với tần suất 02 lần tháng/lần.

2.2.7. Về thực hiện chương trình quan trắc môi trường, báo cáo công tác bảo vệ môi trường

- Tiến độ thực hiện quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục: Công ty không thuộc đối tượng thực hiện.

- Thực hiện nội dung quan trắc, giám sát môi trường định kỳ: Công ty đã thực hiện năm 2023 và quý I/2024.

- Về thực hiện chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm: Công ty đã thực hiện báo cáo năm 2023.

2.2.8. Về kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp

Công ty đã thực hiện và nộp đầy đủ theo quy định.

2.2.9. Về việc lấy mẫu và phân tích mẫu nước thải

Đoàn thanh tra tiến hành lấy mẫu nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải của Công ty, số lượng 01 mẫu, cụ thể: tọa độ vị trí xả nước thải: X:

1103171, Y: 0592385 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ} 30'$, múi chiều 3°). Kết quả phân tích các thông số kỹ thuật so sánh với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột B cho thấy các thông số đều đạt quy chuẩn cho phép, riêng thông số COD và Coliforms vượt giới hạn cho phép.

3. Kết luận

3.1. Mặt làm được

Công ty TNHH MTV CY Vina đã được UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đối với dự án “Cải tạo, nâng công suất nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách” được UBND tỉnh Trà Vinh tại Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 01/4/2019. Công ty đã xây dựng hệ thống thu gom nước mưa tách biệt với hệ thống thu gom nước thải; có hệ thống xử lý nước thải cục bộ trước khi xả ra hệ thống cống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Long Đức; thực hiện tốt công tác quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường; thực hiện đầy đủ chế độ quan trắc môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ; thực hiện kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo quy định.

3.2. Mặt chưa làm được

- Kết quả phân tích mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của Công ty so sánh với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, cho thấy các thông số đều đạt quy chuẩn cho phép, riêng thông số COD và Coliforms vượt quy chuẩn cho phép.

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ thoát nước giữa Trung tâm Quản lý hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp và Công ty TNHH MTV CY Vina, Nội dung: tại Điều 3 của hợp đồng quy định chất lượng nước thải của Công ty phải được xử lý cục bộ đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi xả vào hệ thống cống thu gom của khu công nghiệp để tiếp tục xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp; và tại khoản 4.1 Điều 4 của hợp đồng có nội dung: trường hợp Công ty TNHH MTV CY Vina thực hiện không đúng những nội dung được quy định trong hợp đồng (trong đó có nội dung không xử lý cục bộ nước thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả vào cống thu gom của Khu công nghiệp) thì Trung tâm Quản lý hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp tiến hành lập biên bản và yêu cầu Công ty khắc phục. Do đó, theo Hợp đồng dịch vụ thoát nước thì đối với việc Công ty xả nước thải vượt quy chuẩn cho phép thì Công ty thực hiện việc khắc phục, trường hợp Công ty TNHH MTV CY Vina không khắc phục theo yêu cầu của Trung tâm Quản lý hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp thì tiến hành lập thủ tục xử lý theo quy định. Vì vậy, Đoàn Thanh tra chưa xử lý và sẽ thông tin đến Trung tâm Quản lý hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp để yêu cầu Công ty khắc phục.

- Ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải: Hiện tại, theo Hợp đồng dịch vụ thoát nước số 09/HĐ-TTHT ngày 01/02/2021 giữa Trung tâm Quản lý hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp và Công ty TNHH MTV CY Vina thì

lượng nước thải được tính bằng 80% nước cấp. Do đó, đối với việc ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải Công ty chưa thực hiện.

4. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng: Không.

5. Kiến nghị biện pháp xử lý

Từ kết quả thanh tra, Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường kiến nghị, yêu cầu thực hiện các nội dung như sau:

5.1. Kiến nghị Trung tâm Quản lý hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp

Kiến nghị Trung tâm Quản lý hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp làm việc với Công ty TNHH MTV CY Vina để yêu cầu Công ty khắc phục đúng theo các điều kiện trong Hợp đồng dịch vụ thoát nước số 09/HĐ-TTHT ngày 01/02/2021 giữa Trung tâm Quản lý hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp và Công ty TNHH MTV CY Vina.

5.2. Yêu cầu Công ty TNHH MTV CY Vina

- Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án “Cải tạo, nâng công suất nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách” được UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt tại Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 01/4/2019.

- Khẩn trương lập thủ tục cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Phân công nhân viên phụ trách thường xuyên kiểm tra, vận hành thường xuyên công trình bảo vệ môi trường đảm bảo đúng quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu xảy ra sự cố môi trường đề nghị Công ty thực hiện việc khắc phục và báo cáo đến cơ quan nhà nước về môi trường và chính quyền địa phương để kiểm tra, giám sát; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại môi trường do sự cố Công ty gây ra theo nội dung quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có).

Kết quả thực hiện Công ty báo cáo gửi về Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được kết luận thanh tra.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH MTV CY Vina./.

Nơi nhận:

- GDS, các PGDS (b/c);
- Công ty TNHH MTV CY Vina (t/hiện);
- BQL Khu kinh tế (để biết);
- Trung tâm QL hạ tầng KKT, KCN (p/hợp);
- Trung tâm CNTT TNMT (Đăng Công TTĐT);
- Phòng QLMT (để biết);
- Lưu: TTr, Hồ sơ ĐTr.

CHÁNH THANH TRA



Lê Trí Dũng

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TRÀ VINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 2100436097

Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 11 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 12 tháng 02 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CY VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CY VINA CO., LTD

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH MTV CY VINA

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Lô N, Đường số 1, Khu Công nghiệp Long Đức, Xã Long Đức, Thành phố Trà Vinh,
Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

Điện thoại: 0743.746803

Fax: 0743.746800

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 577.065.820.374 đồng.

*Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi bảy tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm hai
mươi nghìn ba trăm bảy mươi bốn đồng*

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: PARK INTERNATIONAL CO.,LTD

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 131111-0574565

Ngày cấp: 09/09/2019 Nơi cấp: Hàn Quốc

Địa chỉ trụ sở chính: 145 Sagimakgol-ro, Jungwon-gu, Seongnam-si, Gyeonggi-do,
Hàn Quốc

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: CHOI BYUNG MAN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/12/1954

Dân tộc:

Quốc tịch:

Hàn Quốc

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy chứng thực cá nhân: M00355061

Ngày cấp: 24/09/2020

Nơi cấp: Bộ ngoại giao Hàn Quốc

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Lucky Pyungchang Villa 1-105 329-2 Pyungchang Dong Chongro-Gu Seoul, Hàn Quốc

Chỗ ở hiện tại: Lô N, Đường số 1, KCN Long Đức, Xã Long Đức, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

TRƯỜNG PHÒNG



Lê Thanh Tuấn



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 4386851737

Chứng nhận lần đầu: Ngày 09 tháng 11 năm 2010

Chứng nhận thay đổi lần thứ 7: Ngày 16 tháng 12 năm 2019

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1563/QĐ-TTg ngày 05 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 582043000021 do Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh cấp lần đầu ngày 09/11/2010 và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 4386851737 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/8/2018;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Một thành viên CY Vina nộp ngày 11/12/2019,

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TRÀ VINH

Chứng nhận:

Dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG CÁC LOẠI VALI, TÚI XÁCH; Giấy chứng nhận đầu tư số 582043000021 do Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh cấp lần đầu ngày 09/11/2010 và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 4386851737 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/8/2018;

Đăng ký điều chỉnh: Giảm vốn đầu tư từ 672.719.080.000 đồng thành 577.065.820.374 đồng (giảm 95.653.259.626 đồng).

Nhà đầu tư: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CY VINA



Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 2100436097 đăng ký thay đổi lần thứ 1 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 30/10/2015.

Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên: CHOI BYUNG MAN, Giới tính: Nam;
- Ngày sinh: 28/12/1954, Quốc tịch: Hàn Quốc;
- Hộ chiếu số M51426628; ngày cấp: 29/7/2011; Nơi cấp: Hàn Quốc.
- Chức vụ: Giám đốc.
- Nơi đăng ký thường trú: Lucky Pyungchang Villa 1-105 329-2 Pyungchang- Dong Chongro-Gu Seoul, Korea.
- Chỗ ở hiện nay: Lô N, đường số 1, KCN Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG CÁC LOẠI VALI, TÚI XÁCH

2. Mục tiêu dự án: Giải quyết việc làm cho người lao động; sản xuất và gia công các loại vali, túi xách xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

3. Quy mô dự án: 270.000 sản phẩm/tháng; lao động khoảng 5.700 người.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô N, đường số 1, Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

5. Diện tích đất sử dụng: Khoảng 57.254,5 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 577.065.820.374 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi bảy tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm hai mươi ngàn ba trăm bảy mươi bốn đồng*), 100% vốn đầu tư nước ngoài.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 46 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu.

8. Tiến độ thực hiện dự án: Dự án đang hoạt động.

Cơ quan đăng ký đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp sau 12 tháng mà nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Đầu tư năm 2014.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Dự án được hưởng ưu đãi đầu tư theo nguyên tắc kế thừa tại Giấy chứng nhận đầu tư số 582043000021 do Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh cấp lần đầu ngày 09/11/2010 và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 4386851737 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/8/2018 (nếu có).

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Nhà đầu tư có trách nhiệm triển khai dự án theo đúng mục tiêu, quy mô, tiến độ cam kết; tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường, lao động, nghĩa vụ tài chính và các quy định khác có liên quan.

2. Định kỳ tháng, quý, năm báo cáo tình hình hoạt động đầu tư dự án gửi về Ban Quản lý Khu kinh tế theo quy định của Luật Đầu tư.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đầu tư số 582043000021 do Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh cấp lần đầu ngày 09/11/2010 và các lần điều chỉnh: Điều chỉnh lần 1 ngày 26/4/2011; điều chỉnh lần 2 ngày 22/6/2012; điều chỉnh lần 3 ngày 07/01/2013; điều chỉnh lần 4 ngày 18/7/2013; và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 4386851737 điều chỉnh lần 5 ngày 16/11/2015; điều chỉnh lần thứ 6 ngày 22/8/2018.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; Công ty TNHH Một thành viên CY Vina giữ 01 (một) bản và 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh.

KT. TRƯỞNG BAN ^{neu}
PHÓ TRƯỞNG BAN



Nguyễn Quỳnh Thiện



QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của
Dự án “Cải tạo, nâng công suất nhà máy sản xuất
và gia công các loại vali, túi xách”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Cải tạo, nâng công suất nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách” họp ngày 27/12/2018 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Cải tạo, nâng công suất nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 11/2019/CV-CYV ngày 11/3/2019 của Công ty TNHH Một thành viên CY Vina;

Xét Tờ trình số 124/TTr-STNMT ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Cải tạo, nâng công suất nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Cải tạo, nâng công suất nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách” (sau đây gọi là dự án) được lập bởi Công ty TNHH Một thành viên CY Vina (sau đây gọi là chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô và công suất của dự án:

1.1. Vị trí thực hiện: Lô N, đường số 1, Khu Công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

1.2. Diện tích: 57.254,5 m²

1.3. Quy mô và công suất: Sản xuất vali, túi xách các loại với công suất tối đa 3.240.000 sản phẩm/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án:

2.1. Vận hành liên tục và giám sát chặt chẽ công trình xử lý nước thải đảm bảo xử lý đạt yêu cầu quy định của đơn vị quản lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu Công nghiệp Long Đức; đồng thời, thực hiện tốt các giải pháp kiểm soát nguồn phát sinh mùi hôi, khí thải từ hoạt động sản xuất.

2.2. Phân loại, thu gom và có biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phù hợp và đúng quy định về quản lý chất thải và phế liệu tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ; đồng thời chất thải nguy hại phải được quản lý theo đúng hướng dẫn Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đối với rác thải sản xuất tái sử dụng chỉ thực hiện tại phạm vi dự án.

2.3. Trong quá trình hoạt động, phải thực hiện tốt các biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn trong sử dụng hóa chất và phòng chống cháy nổ.

2.4. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường; ứng phó rủi ro, sự cố phát sinh; chương trình giám sát môi trường; lập phương án bảo vệ môi trường trong giai đoạn hoạt động theo quy định tại Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra.

2.5. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường, sức khỏe của công nhân và đối tượng xung quanh (đặc biệt là nước thải, mùi hôi, khí thải) thì dự án phải dừng ngay các hoạt động của dự án; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan nơi thực hiện dự án để chỉ đạo, phối hợp xử lý và thực hiện bồi thường thiệt hại theo quy định. Đồng thời, chủ dự án phải thực hiện đúng và đầy đủ các cam kết đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1971/QĐ-UBND ngày 31/10/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng; Trưởng ban Ban quản lý Khu kinh tế Trà Vinh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Long Đức, thành phố Trà Vinh; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên CY Vina chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Như Điều 6;
- LĐVP;
- Lưu: VT, NN. 10

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Anh Dũng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CY VINA

Giấy chứng nhận đầu tư số: 582043000021 chứng nhận lần đầu ngày 09/11/2010, chứng nhận thay đổi lần thứ IV ngày 18/7/2013 do Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô N, đường số 1, Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

CV 438674

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 370, tờ bản đồ số: 71
b) Địa chỉ: Lô N, đường số 1, Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
c) Diện tích: 57254,5m², (bằng chữ: Năm mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi bốn phẩy năm mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
đ) Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp
e) Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 15/12/2055
g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền một lần của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG CÁC LOẠI VALI VÀ TÚI XÁCH

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà xưởng A	8249,4	8249,4	Sở hữu riêng	Cấp 2	-/-
Nhà xưởng B	8250,2	8250,2	Sở hữu riêng	Cấp 2	-/-
Nhà thành phẩm và nhà kho	4743,9	4743,9	Sở hữu riêng	Cấp 2	-/-
Nhà văn phòng	1258,8	1258,8	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Nhà ăn	2691,2	2691,2	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Phòng cắt và nhà kho	874,9	874,9	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Nhà kho	300	300	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Nhà rác	300	300	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Nhà nghỉ chuyên gia	450	900	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Nhà xưởng C	8250	8250	Sở hữu riêng	Cấp 2	-/-
Ký túc xá	154,8	457,2	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú: Không.

Trà Vinh, ngày 26 tháng 6 năm 2020

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH

TU. GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI



Nguyễn Minh Tâm

Số vào sổ cấp GCN: CT06171

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



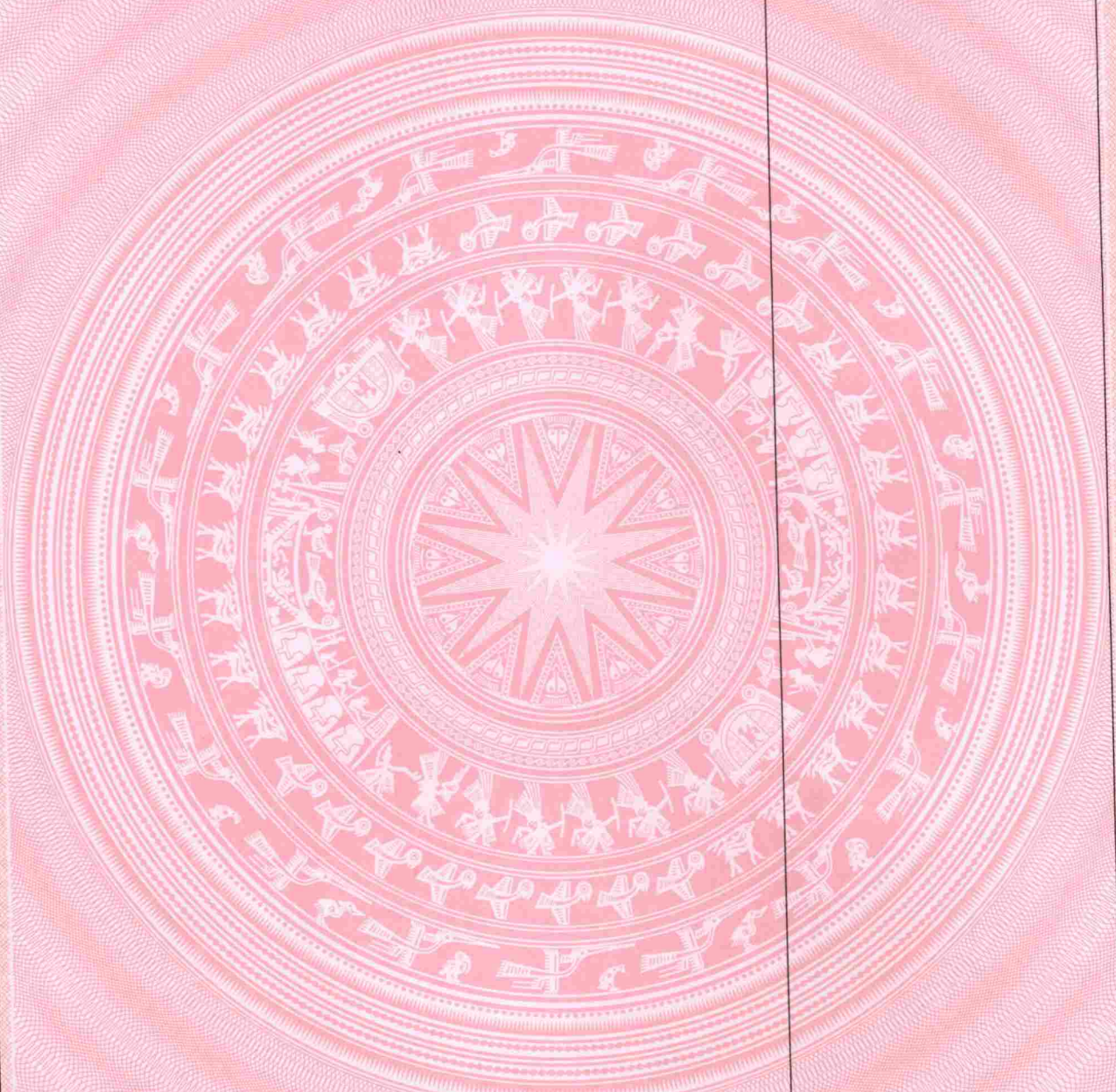
Cạnh	Chiều dài (m)
1 - 2	11,63
2 - 3	70,02
3 - 4	87,87
4 - 5	297,25
5 - 6	31,87
6 - 7	178,54
7 - 8	12,67
8 - 1	303,26

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

H↓	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



8 4 2 9 2 6 3 2 0 0 0 1 6 8 6

Kèm theo GEN này có trang hồ sơ ngày 25/01


TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 370

Tờ bản đồ số: 71

Số phát hành GCN: CV 438674

Số vào sổ cấp giấy: CT06171

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là Nhà xưởng A, Nhà xưởng B, Nhà thành phẩm và Nhà kho, Nhà văn phòng, Nhà ăn, Nhà rác, Nhà nghỉ chuyên gia, Nhà xưởng C, Ký túc xá tại NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH TRÀ VINH, địa chỉ: Số 38A, Nguyễn Thị Minh Khai, khóm 1 phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh theo hồ sơ số 001686.TC.004 <i>✓</i></p>	<p>03/7/2020 KT.GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC</p>  <p><i>Chái Thành Nền</i></p>

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận môi trường



Số: 124/GPXD

Trà Vinh, ngày 18 tháng 6 năm 2015.

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CY VINA

- Người đại diện: Ông CHOI BYUNG MAN. Chức vụ: Giám Đốc

- Địa chỉ: Lô N, Đường Số 1, Khu Công Nghiệp Long Đức, TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

- Số nhà: - Đường: Số 1 - Phường (xã): xã KCN Long Đức

- Huyện (thị xã): thành phố Trà Vinh - Thành phố (tỉnh): Trà Vinh

2. Được phép xây dựng công trình: Xây dựng mới nhà xe 02 bánh và ký túc xá

- Tổng số công trình: 02 công trình

2.1. Công trình số 01: nhà xe 02 bánh

+ Theo thiết kế có ký hiệu: KT: 01 → 16; KC: 17 → 19

+ Do: Công ty cổ phần đào tạo tư vấn xây dựng Hưng Thịnh thiết kế.

+ Lập: Tháng 11 năm 2014.

+ Gồm các nội dung sau đây:

. Diện tích xây dựng tầng 1: 1.627,0 m²

. Tổng diện tích sàn: 6.067,5 m²

. Chiều cao công trình tầng 1: 3,0 m

. Tổng chiều cao công trình: 11,508 m; Số tầng: 03 tầng (01 trệt + 02 lầu)

. Cốt nền xây dựng công trình: Bằng mặt sân hoàn thiện

2.2. Công trình số 02: ký túc xá

+ Theo thiết kế có ký hiệu: KT: 01 → 10; KC: 11 → 23

+ Do: Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng số 01 Sài Gòn thiết kế.

+ Lập: Ngày 03 tháng 02 năm 2015

+ Gồm các nội dung sau đây:

. Diện tích xây dựng tầng 1: 147,6 m²

. Tổng diện tích sàn: 442,8 m²

. Cốt nền xây dựng công trình: Cao 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện

. Chiều cao công trình tầng 1: 4,0 m

. Tổng chiều cao công trình: 14,5 m; Số tầng: 03 tầng (01 trệt + 02 lầu)

- Trên lô đất: 370 - Tờ bản đồ: 71 - Diện tích: 57.254,5 m²

+ Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Đường nhựa chưa có lộ giới

+ Mật độ xây dựng: 0,03 %; hệ số sử dụng đất: 0,11

+ Màu sắc công trình: Không được sử dụng màu tối sẫm hoặc quá sặc sỡ

- Đường:

- Phường (xã): xã Long Đức

- Huyện (thị xã): thành phố Trà Vinh

- Tỉnh, thành phố: Trà Vinh

3. Giấy tờ về đất đai: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 053952 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Trà Vinh cấp ngày 03/10/2014.



4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- Như: Điều 1;
- Lưu: P.QLN.



GIÁM ĐỐC

Dương Lâm



CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Trà Vinh, ngày tháng năm 20.....

GIÁM ĐỐC

Trà Vinh, ngày 03 tháng 8 năm 2018

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 27/GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH MTV CY VINA

- Người đại diện: Ông Choi Byung Man - Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: Lô N, đường số 1, KCN Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

+ Lô N, đường số 1, KCN Long Đức

+ Phường (xã): Long Đức

+ Quận (huyện): thành phố Trà Vinh

+ Tỉnh, thành phố: Trà Vinh

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: Sản xuất

- Tổng số công trình: **01 công trình**

- Theo thiết kế: Bản vẽ thiết kế thi công đã được Ban Quản lý khu kinh tế Trà Vinh thẩm định, tại Công văn số 417/BQLKKT-QLQHXD ngày 27/7/2018

- Do: Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng số 01 Sài Gòn lập và hoàn thành tháng 5 năm 2018

2.1. Công trình: Nhà xưởng C

+ Tổng diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): **8.250m²**;

+ Tổng diện tích sàn: **10.230m²**;

+ Chiều cao công trình: **10,3m**;

+ Số tầng: **02 tầng**;

+ Cốt nền xây dựng công trình: ± 0.00 , cao **0,2m** so với mặt sân hoàn thiện.

2.2. Vị trí xây dựng: Lô N, đường số 1, KCN Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

+ Thửa đất số: **370** + Tờ bản đồ số: **71** + Tổng diện tích: **57.254,5m²**

2.3. Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Công trình thuộc dự án được định vị trong khu đất thuộc quyền sử dụng

2.4. Màu sắc công trình: Đề nghị chủ đầu tư sử dụng màu sắc sơn hoàn thiện cho các công trình thuộc dự án đảm bảo mỹ quan của công trình và khu vực

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BH 053952 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp ngày 03/10/2014.

4. Ghi nhận công trình đã khởi công: Công trình nêu trên đã được chủ đầu tư tổ chức khởi công xây dựng phần bê tông cột, xà, dầm giằng; xây tường khung A-I và khung I-A.

5. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- Như: Điều 1;
- Lưu: P.QLXD.



GIÁM ĐỐC

Lê Minh Loan

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.

4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng (kiến trúc mặt ngoài, vị trí, diện tích xây dựng, quy mô, chiều cao, số tầng hoặc điều chỉnh thiết kế làm thay đổi công năng sử dụng làm ảnh hưởng đến an toàn, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường,...) thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Trà Vinh, ngày..... tháng năm 20.....

GIÁM ĐỐC

Trà Vinh, ngày 17 tháng 10 năm 2014

SỔ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: 84.000074.T
(Cấp lần: 2)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:

- Tên: **CÔNG TY TNHH MTV CY VINA**
- Địa chỉ văn phòng: Lô N, đường số 1, Khu Công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- Điện thoại: 074.3746802 Fax: 074.3746800
- Tài khoản số: 102010001127528 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương – chi nhánh Trà Vinh
- Giấy chứng nhận đầu tư số: 582043000021 cấp lần đầu ngày 09/11/2010, thay đổi lần thứ IV ngày 18/7/2013 do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Trà Vinh cấp.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải chất thải nguy hại đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH và chất thải thông thường theo Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.
3. Chịu trách nhiệm và đảm bảo tính chính xác của việc kê khai các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của đơn vị (cơ sở).

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động và thay thế Sổ đăng ký do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp cho Công ty TNHH MTV CY Vina (mã số QLCTNH: 84.000056.T ngày 07/6/2013).

Nơi nhận:

- Cty TNHH MTV CY Vina;
- BQL KKT tỉnh Trà Vinh;
- Lưu: VT, MT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lưu Phước Hiệp

**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số **QLCTNH: 84.000074.T**
do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh
cấp lần 2, ngày 17... tháng 10 năm 2014)

1. Cơ sở phát sinh CTNH:

- Tên: **CÔNG TY TNHH MTV CY VINA**
- Địa chỉ văn phòng: Lô N, đường số 1, Khu Công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- Điện thoại: 074.3746802 Fax: 074.3746800
- Tài khoản số: 102010001127528 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương chi nhánh Trà Vinh
- Giấy chứng nhận đầu tư số: 582043000021 cấp lần đầu ngày 09/11/2010, thay đổi lần thứ IV ngày 18/7/2013 do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Trà Vinh cấp.

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng keo, sơn các loại)	Rắn	5.156	18 01 03
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất đảm bảo rỗng hoàn toàn	Rắn	180	18 01 02
3	Giẻ lau sơn, keo và giẻ lau dính dầu, nhớt trong quá trình bảo trì, sửa chữa các loại trang thiết bị, máy móc	Rắn	629	18 02 01
4	Các loại nhiên liệu thải	Lỏng	127	17 06 03
5	Bóng đèn quỳnh quang thải.	Rắn	48	16 01 06
6	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	Rắn	50	08 02 04
Tổng số lượng			6.190	

3. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Chất thải sản xuất: sản phẩm hư hỏng, vải vụn, da thuộc các loại, kim, nút, dây rút, khoen, khóa, nhân các loại, giấy lót,...	Rắn	222.253
2	Máy may hư, sắt vụn,...	Rắn	1.893
3	Thùng carton	Rắn	33.072
4	Rác thải sinh hoạt	Rắn	30.837
5	Bùn cặn từ hồ ga	Bùn	1.500
Tổng số lượng			289.555

4. Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:

Bộ hồ sơ đăng ký kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số QLCTNH: 84.000074.T do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần 2 ngày 17... tháng 10 năm 2014 được Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trên trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Sổ đăng ký này.

PHÒNG CS PCCC & CNCH
Số: 22/TD. PCCC

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số.....ngày 29/06/2011
của: Công ty TNHH MTV CY VINA

Người đại diện là ông/ bà: SIMON KOH Chức danh Giám đốc
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC & CNCH

CHỨNG NHẬN:

(2) Công trình: CY VINA CO L.T.D
Địa điểm: Khu công nghiệp Long Đức, TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH MTV CY VINA
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Cty CP xây dựng DD & CN số 1 Đông Nai.

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:
Bậc chịu lửa, giới hạn chịu lửa; lối thoát nạn; giao thông khoảng cách an toàn PCCC
hệ thống cung cấp nước chữa cháy, hệ thống báo cháy tự động; phương tiện chữa
cháy xách tay, bình chữa cháy tự động, hệ thống chống sét đánh thẳng.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3).....

01/ Chủ đầu tư xây dựng công trình phải chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định
của Nhà nước về an toàn PCCC, thực hiện đúng theo bản vẽ đã được phê duyệt.

02/ Chủ đầu tư phải thực hiện đầy đủ các kiến nghị của phòng CS PCCC & CNCH

Trà Vinh ngày 06 tháng 07 năm 20 11.....

(4)..... **TRƯỞNG PHÒNG**.....

Nơi nhận:

.....C66-z.b/c.....
.....Chủ đầu tư.....
.....Lưu.PC66 (đội Kiểm tra)



Trung tá: Nguyễn Văn No

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004 - In 2007

CÔNG AN TỈNH TRÀ VINH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG CS PCCC & CNCH

Số: 36/ TD. PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số..... ngày 16/05/2012.

của: Công ty TNHH MTV CY VINA

Người đại diện là ông/ bà: CHOI BYUNG MAN Chức danh Giám đốc
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC & CNCH

CHỨNG NHẬN:

- (2) Công trình: Nhà xưởng 3A, 3B, 3C.
Địa điểm: Ấp Vinh Yên, xã Long Đức, Tp Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH MTV CY VINA.
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Cty TNHH Kiến trúc xây dựng Vững Tiến Thịnh.
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:
Hệ thống báo cháy tự động

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

- Các yêu cầu kèm theo: (3)
01/ Chủ đầu tư xây dựng công trình phải chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của Nhà nước về an toàn PCCC, thực hiện đúng theo bản vẽ đã được phê duyệt.
02/ Chủ đầu tư phải thực hiện đầy đủ các kiến nghị của cơ quan CS- PCCC & CNCH

Nơi nhận:

- C66 - b/c
- Chủ đầu tư
- Lưu PC66 - (đội KT)

Trà Vinh, ngày 21 tháng 05 năm 20 12
(4) TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá: Nguyễn Văn No

- (1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

Số: 126 /TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ngày ..04 /...9 / .2018 của: Công ty.TNHH.MTV.CY.Vina.....

Người đại diện là Ông/Bà:....CHOI.BYUNG.MAN..... Chức danh:....Tổng giám đốc.

.....PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH.....

CHỨNG NHẬN:

CÔNG TRÌNH: CÔNG TY TNHH CY VINA. Hàng mục: Bình chữa cháy tự động phun

Địa điểm xây dựng: ...Lô.N, đường số 1, KCN Long Đức, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: ...Công ty TNHH MTV CY Vina.....

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Cty TNHH và DV Lý Cường.....

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Bình chữa cháy tự động phun.....

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư (thực hiện);
- C07.(BC)..;
- Lưu: PC07..

Trà Vinh....., ngày 05 tháng ..9 năm...2018

TRƯỞNG PHÒNG.



Số: 67/TD.PCCC

Trà Vinh, ngày 24 tháng 12 năm 2014

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013; Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.

Xét hồ sơ và đơn đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 01/CB-CYV14 ngày 11/12/2014 của Công ty TNHH MTV CY VINA.

Người đại diện là ông **CHOI BYUNG MAN**. Chức danh: **Tổng giám đốc**.

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

CHỨNG NHẬN:

Công trình: **CÔNG TY TNHH MTV CY VINA.**

Hạng mục: **Cải tạo mở rộng kho da, nhà xưởng A-B, nhà văn phòng, kho rác, xưởng cơ khí; hệ thống PCCC.**

Địa điểm xây dựng: **Lô N, đường số 1, KCN Long Đức, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.**

Chủ đầu tư: **Công ty TNHH MTV CY VINA.**

Đơn vị thiết kế: **Công ty TNHH kiến trúc nội thất Trà Vinh, Công ty TNHH TM và DV Lý Cường.**

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

Đường, lối thoát nạn; hệ thống báo cháy tự động; bình chữa cháy tự phun; đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn; hệ thống cấp nước chữa cháy; phương tiện bình chữa cháy xách tay theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo:

1/ Chủ đầu tư xây dựng công trình phải chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của Nhà nước về an toàn PCCC, thực hiện đúng theo bản vẽ đã được phê duyệt.

2/ Thực hiện đầy đủ các kiến nghị trong báo cáo thẩm duyệt về PCCC ngày 24/12/2014 đúng theo quy định của Luật PCCC.

Nơi nhận:

- C66 (báo cáo);
- Chủ đầu tư;
- Lưu PC66 (Tổ thẩm duyệt).

1



TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá: *Nguyễn Văn No*

Số: 01/TD.PCCC

Trà Vinh, ngày 19 tháng 01 năm 2015

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013; Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.

Xét hồ sơ và đơn đề nghị thẩm duyệt về PCCC ngày 05/01/2014 của Công ty TNHH MTV CY Vina.

Người đại diện là ông **CHOI BYUNG MAN**. Chức danh: *Tổng giám đốc.*

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

CHỨNG NHẬN:

Công trình: **CÔNG TY TNHH MTV CY VINA.**

Hạng mục: **NHÀ XE, HỆ THỐNG PCCC.**

Địa điểm xây dựng: **Lô N, đường số 1, KCN Long Đức, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.**

Chủ đầu tư: **Công ty TNHH MTV CY Vina.**

Đơn vị thiết kế: **Công ty TNHH TM&DV Lý Cường; Cty TNHH MTV cơ khí xây dựng Nam Hòa Phát.**

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

Bậc chịu lửa, giới hạn bậc chịu lửa; đường, lối thoát nạn; hệ thống báo cháy tự động; hệ thống cấp nước chữa cháy; phương tiện bình chữa cháy xách tay theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo:

1/ Chủ đầu tư xây dựng công trình phải chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của Nhà nước về an toàn PCCC, thực hiện đúng theo bản vẽ đã được phê duyệt.

2/ Thực hiện đầy đủ các kiến nghị trong báo cáo thẩm duyệt về PCCC ngày 19/01/2015 đúng theo quy định của Luật PCCC.

Nơi nhận:

- C66 (báo cáo);
- Chủ đầu tư;
- Lưu PC66 (Tổ thẩm duyệt).

TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá: *Nguyễn Văn No*

Số: 10/TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và đơn đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ngày 12/3/2015 của Công ty TNHH MTV CY VINA.

Người đại diện là ông **CHOI BYUNG MAN**. Chức danh: **Tổng giám đốc**.

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

CHỨNG NHẬN:

Công trình: Công ty TNHH MTV CY VINA.

Hạng mục: Ký túc xá, cải tạo nhà văn phòng.

Địa điểm xây dựng: Lô N, đường số 1, KCN Long Đức, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV CY VINA.

Đơn vị thiết kế: Cty TNHH TM và DV Lý Cường, Cty CP TV và XD số 01 Sài Gòn.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

Bậc chịu lửa, giới hạn bậc chịu lửa; giao thông phục vụ chữa cháy; thoát nạn; đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn; hệ thống báo cháy tự động; hệ thống cấp nước chữa cháy; phương tiện bình chữa cháy xách tay; theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo:

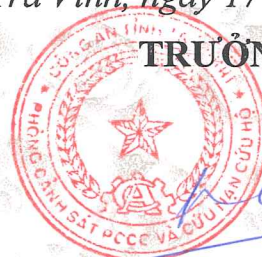
Yêu cầu chủ đầu tư hiện đầy đủ các kiến nghị trong báo cáo thẩm duyệt về PCCC ngày 17/3/2015 đúng theo quy định của pháp Luật; thực hiện đúng theo bản vẽ thiết kế đã được phê duyệt./.

Nơi nhận:

- C66 (báo cáo);
- Chủ đầu tư;
- Lưu PC66 (Tổ thẩm duyệt).

Trà Vinh, ngày 17 tháng 3 năm 2015

TRƯỞNG PHÒNG



1

Thượng tá Nguyễn Văn No

Số: 49 /TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ngày ..21 /...10 ..2015 của: ... Công ty TNHH MTV CY Vina.....

Người đại diện là Ông/Bà: ... CHOI BYUNG MAN..... Chức danh: ... Tổng giám đốc.

..... PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH.....

CHỨNG NHẬN:

CÔNG TRÌNH: CÔNG TY TNHH MTV CY VINA. Hàng mục: Cải tạo nhà kho.

Địa điểm xây dựng: Lô N, đường số 1, KCN Long Đức, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH MTV CY Vina.....

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Cty TNHH TM và DV Lý Cường; Cty CP ĐTTV XD Hưng Thịnh

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, giới hạn bậc chịu lửa:
- Hệ thống báo cháy tự động:
- Hệ thống cấp nước chữa cháy:
- Bình chữa cháy xách tay, bình chữa cháy tự động phun.....

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư (thực hiện);
- C66 (BC) ..;
- Lưu: PC66..

Trà Vinh....., ngày 23 tháng 10 năm 2015

TRƯỞNG PHÒNG.



Đại tá Nguyễn Văn Trung

Số: 46 /TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 90..... ngày 08.. / 9.. / 2016. của: Công ty TNHH MTV CY Vina.....

Người đại diện là Ông/Bà: CHOI BYUNG MAN..... Chức danh: Giám đốc.....

..... PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH.....

CHỨNG NHẬN:

CÔNG TRÌNH: CÔNG TY TNHH MTV CY VINA.....

Địa điểm xây dựng: ... Lô N, đường số 1, KCN Long Đức, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: ... Công ty TNHH MTV CY Vina.....

Đơn vị lập dự án/thiết kế: ... Cty TNHH TM và DV Lý Cường, Cty CP ĐTTV Hưng Thịnh

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, giới hạn chịu lửa, lối thoát nạn;.....
- Hệ thống báo cháy tự động;.....
- Hệ thống cấp nước chữa cháy;.....
- Bình chữa cháy xách tay; bình chữa cháy tự động phun.....

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2. 

Trà Vinh..., ngày 13 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG PHÒNG.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư (thực hiện);
- C66 (BC) ..;
- Lưu: PC66...



Đại tá Nguyễn Văn Trung

Số: 69 /TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ngày 28 / 8 / 2017 của: Công ty TNHH MTV CY Vina

Người đại diện là Ông/Bà: CHOI BYUNG MAN Chức danh: Tổng giám đốc

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CHỨNG NHẬN:

..CÔNG TRÌNH: CÔNG TY TNHH MTV CY VINA. Hạng mục: cải tạo sàn lửng..

Địa điểm xây dựng:Đường số 1, KCN Long Đức, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.....

Chủ đầu tư/chủ phương tiện:Công ty TNHH MTV CY Vina

Đơn vị lập dự án/thiết kế: ..Cty TNHH MTV CKXD Nam Hòa Phát, Cty TNHH TMDV Lý Cường

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, giới hạn bậc chịu lửa; khoảng cách an toàn PCCC:
- Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống cấp nước chữa cháy:
- Bình chữa cháy tự động phun.....

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2. 

Trà Vinh, ngày 08 tháng 9 năm 2017

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư (thực hiện);
- C66.(BC).;
- Lưu:PC66...

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trương tá Nguyễn Minh Chiêu

Số: 74 /TD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ngày ...30/...5/...2018 của: Công ty TNHH MTV CY Vina.....

Người đại diện là Ông/Bà: ...CHOI BYUNG MAN.... Chức danh: ...Tổng giám đốc.

.....PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH.....

CHỨNG NHẬN:

CÔNG TRÌNH: CÔNG TY TNHH MTV CY VINA. Hàng mục: Mở rộng nhà xưởng C

Địa điểm xây dựng:Lô N, đường số 1, KCN Long Đức, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH MTV CY Vina.....

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Cty TNHH TM và DV Lý Cường; Cty CP TV và XD số 1 Sài Gòn

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, giới hạn bậc chịu lửa; khoảng cách an toàn PCCC; thoát nạn;.....
- Hệ thống báo cháy tự động; đèn chiếu sáng sự cố, thoát nạn;.....
- Hệ thống cấp nước chữa cháy; hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler;.....
- Khoang cháy; bình chữa cháy xách tay; chống sét.....

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư (thực hiện);
- C66 (BC);
- Lưu: PC66.

Trà Vinh, ngày 01 tháng 6 năm 2018

TRƯỞNG PHÒNG.



Đại tá Nguyễn Văn Trung

CÔNG TY TNHH MTV CY VINA

Lô N, Đường số 1, KCN Long Đức, Trà Vinh

Số: 6/2024/CV-CYV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 17 tháng 6 năm 2024

Kính gửi: Thanh Tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh

Căn cứ Kết luận số 111/KL-TTr ngày 20/5/2024 của Thanh tra Sở về việc thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH MTV CY Vina, Công ty TNHH MTV CY VINA (Công ty) xin báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. Báo cáo về kết quả khắc phục những mặt chưa làm được:

1) Thông số COD và Coliforms trong mẫu nước thải sau xử lý, trước khi xả thải ra cống thu gom nước thải KCN Long Đức có giá trị vượt giới hạn quy định tại QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)

+ Nguyên nhân: Đường ống dẫn từ bồn lọc áp lực (công đoạn cuối cùng của hệ thống xử lý nước thải của Công ty) ra điểm đầu nối với hệ thống cống thu gom của KCN Long Đức tại thời điểm Đoàn Thanh Tra của Sở lấy mẫu nước để phân tích chưa được vệ sinh, do đó, thông số COD và coliforms trong nước thải tại thời điểm lấy mẫu đã vượt chuẩn.

+ Hướng khắc phục: Sau khi nhận được Kết luận số 111/KL-TTr ngày 20/5/2024 của Thanh tra Sở, Công ty tiến hành yêu cầu nhân viên vận hành ngay lập tức xử lý, vệ sinh đường ống thoát nước thải từ công đoạn cuối cùng của hệ thống xử lý ra điểm đầu nối với hệ thống cống thu gom của KCN Long Đức, để đảm bảo nước thải đạt quy chuẩn cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi được xả thải hệ thống cống thu gom của KCN Long Đức.

Việc vệ sinh, vận hành hệ thống xử lý nước thải được thắt chặt hơn, yêu cầu sự giám sát nghiêm ngặt và can thiệp trực tiếp từ Trưởng Ban quản lý môi trường/ Quản Lý Nhân Sự Cấp Cao của Công ty; Trong đó, nhân viên vận hành được yêu cầu báo cáo chất lượng nước thải, tình trạng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải hàng ngày cho Trưởng Ban quản lý môi trường.

+ Kết quả đạt được: Nhằm đánh giá kết quả khắc phục, Công ty đã phối hợp với đơn vị tư vấn thực hiện quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý (lấy mẫu ngày 31/5/2024), kết quả

tất cả các thông số quan trắc đều đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) (Đính kèm báo cáo kết quả thử nghiệm)

2) Chưa thực hiện việc ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải

+ Nhật ký vận hành hệ thống gồm thông tin ghi chép chỉ số đồng hồ đặt tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải để đo chỉ số nước thải được thải ra đầu ngày và cuối ngày, nhằm theo dõi lượng nước mà Công ty thải ra. Tuy nhiên, do Công ty ký hợp đồng dịch vụ thoát nước số 09/HĐ-TTHT ngày 1/2/2021 với Trung Tâm Quản Lý Hạ Tầng Khu Kinh Tế, Khu Công Nghiệp, trong đó, lượng nước thải hàng tháng được tính bằng 80% nước cấp. Do đó, Công ty đã không thực hiện theo dõi lượng nước thải thực tế, vì đã thỏa thuận tính bằng 80% nước cấp.

II. Báo cáo về những yêu cầu của Thanh Tra Sở đối với Công ty

+ Về việc thực hiện các nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án “Cải tạo, nâng công suất nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách” được UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt tại Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 1/4/2019: Công ty cam kết thực hiện đúng và đầy đủ.

+ Về việc lập thủ tục cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 42. Luật Bảo Vệ Môi Trường năm 2020: Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Môi Trường Từ Thiện, địa chỉ: Quốc lộ 53, khóm Phước Trị, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Duyên Hải để thực hiện việc lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho Công ty.

+ Về việc phân công nhân viên phụ trách thường xuyên kiểm tra, vận hành các công trình bảo vệ môi trường đảm bảo đúng quy định: Công ty đã và đang phân công nhân viên thực hiện việc kiểm tra, vận hành và báo cáo kết quả thực hiện hàng ngày cho cấp trên theo dõi.

+ Về việc khắc phục; báo cáo cơ quan nhà nước để kiểm tra, giám sát; bồi thường thiệt hại trong trường hợp có sự cố môi trường: Công ty cam kết thực hiện nếu có sự cố môi trường xảy ra.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện cho những mặt chưa làm được và những yêu cầu mà Đoàn Kiểm Tra đã ghi nhận đối với công ty chúng tôi. Xin báo về để Quý cơ quan được rõ./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: NS



Bên A sẽ thanh toán cho Bên B số tiền là: 8,000,000 (đã bao gồm thuế GTGT hiện hành).
Bảng chữ: Tạm triệu đồng. Sau khi nhận được hóa đơn tài chính của Bên B.

Điều 2. Giá cả

Bên A đồng ý cho Bên thu gom rác sinh hoạt của Bên A tại Công Ty TNHH MTV CY VINA.

Điều 1. Nội dung giao dịch:

Số Tài khoản: 3344334444 mở tại ngân hàng MB Bank - chi nhánh Trà Vinh.
Điện thoại: 0294.652.8888 DD: 0907.380.807

MST: 2100675271

Địa chỉ: Ấp Bình La, Xã Lương Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh

Đại diện: Bà ĐINH THỊ THANH TÂM. Chức vụ: Giám đốc

Bên B: CTY TNHH MTV PHÁT DẶNG

Điện thoại: 02943.746.802 Fax: 02943.746.800

MST: 2100436097

Địa chỉ: Lô N, Đường số 1, KCN Long Đức, Xã Long Đức, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện: ông CHOI BYUNG MAN. Chức vụ: Giám đốc.

Bên A: CÔNG TY TNHH MTV CY VINA

Hôm nay, ngày 26/04/2024, tại CTY TNHH MTV CY VINA. Chúng tôi gồm có:

Căn cứ vào sự thỏa thuận của hai bên,

HỢP ĐỒNG THU GOM RÁC SINH HOẠT
Số: 01/2024HDTG/PĐ&VN

CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG TY TNHH PHÁT DẶNG
Ấp Bình La, xã Lương Hòa
Châu Thành, Trà Vinh



Điều 3. Hình thức thanh toán:
Bên A thanh toán cho Bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Điều 4. Trách nhiệm thực hiện hợp đồng:

Bên B có trách nhiệm thu gom hoặc thuê đơn vị đủ chức năng đến thu gom và xử lý rác sinh hoạt của Bên A.

Tần suất thu gom: 3 lần/tuần và khi Bên A có yêu cầu.

Bên B chỉ được thu gom rác sinh hoạt của Bên A không được quyền tự ý thu nhặt phế liệu/nguyên liệu/thành phẩm/tái sản của Bên A.

Điều 5. Hiệu lực hợp đồng:

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 01/05/2024 đến ngày 31/05/2025.

Sau 30 ngày kể từ khi hết hạn hợp đồng, nếu hai bên đã hoàn thành tất cả các nội dung của

hợp đồng (Hợp đồng Số: 01/2024HBTG/PĐ&VN) và không có bất kỳ hoạt động gì liên quan đến

hợp đồng này thì hợp đồng sẽ tự động thanh lý.

Điều 6. Giải quyết tranh chấp hợp đồng:

Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề gì

bất lợi cho hợp đồng phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết để thương lượng tìm

cách giải quyết trên cơ sở thỏa thuận bình đẳng song phương cùng có lợi.

Hợp đồng được lập thành 04 bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

CHOI BYUNG MAN

ĐẠI DIỆN BÊN A



ĐINH THỊ THANH TÂM

ĐẠI DIỆN BÊN B



Điều 1. Nội dung giao dịch:

- Bên A đồng ý bán phần quyền công nghiệp của mình cho Bên B (theo danh mục tại Điều 2 của hợp đồng này).
- Bên B có trách nhiệm điều động phương tiện vận chuyển cho việc thu gom phế liệu theo yêu cầu của Bên A, và sau đó phải dọn dẹp vệ sinh, khi Bên B rời khỏi phải bảo đảm sạch sẽ gọn gàng cho Bên A.

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung như sau:
 Điện thoại: 02943.817.231 Fax: 02943.717.234
 MST: 2100336751

Địa chỉ: Ấp 4, xã Phong Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh
 Đại diện: Bà **ĐẶNG THỊ DUYÊN**. Chức vụ: Giám đốc
Bên B (Bên mua): CÔNG TY TNHH MTV VỊ TỬ

Điện thoại: 02943.746.802 Fax: 02943.746.800
 MST: 2100436097

Địa chỉ: Lô N, Đường số 1, KCN Long Đức, Xã Long Đức, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
 Đại diện: ông **CHOI BYUNG MAN**. Chức vụ: Giám đốc.
Bên A (Bên bán): CÔNG TY TNHH MTV CY VINA

Hôm nay, ngày 26/04/2024, tại CTY TNHH MTV CY VINA. Chúng tôi gồm có:
 Căn cứ vào sự thỏa thuận của hai bên,

HỢP ĐỒNG MUA BÁN PHẾ LIỆU CÔNG NGHIỆP
Số: 01/2024HĐMB/VT&VN

CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG TY TNHH VỊ TỬ
 Ấp 4, xã Phong Phú
 Cầu Kè, Trà Vinh



Điều 2. Giá cả (theo danh mục sau):

STT	Loại phế liệu	ĐVT	Giá/Price	Ghi chú
No.	Kinds of Recycled Garbage	Unit	(Vnd/dvt)	Remark
1	Mủ (Plastic)	Kg	5,500	
2	Mủ đen (Black plastic pallet)	kg	3,000	
3	Thùng giấy (Carton)	Kg	2,300	
4	Bọc (Plastic wrap)	Kg	7,000	
5	Lót trảng (Non woven)	Kg	2,000	
6	Dăm bảo thớt trảng (Cutting board Scrap White)	Kg	5,500	
7	Dăm bảo thớt Đen (Cutting board Scrap Black)	Kg	4,000	
8	Sắt (Iron)	Kg	6,500	
9	Nhôm (Aluminum)	Kg	25,000	
10	Pallet gỗ (Wood pallet)	Pcs	30,000	
11	Gỗ vụn (Wood scrap)	Truck (3.5T)	200,000	
12	Mút trảng (Styrofoam - White)	Kg	1,000	
13	Vỏ Xe (Tire)	Pcs	10,000	
14	Máy lạnh hỏng lớn, nhỏ (Broken aircon)	Pcs	500,000	
15	Inox	Kg	17,000	
16	Mica vụn (Mica scrap)	Kg	2,000	
17	Da Loại Lớn # A4 (Leather (Big) #A4)	Kg	17,000	
18	Da vụn loại Nhỏ (Leather (Small))	Kg	10,000	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

HỢP ĐỒNG CONTRACT

Số/No.: 581.../2024/HĐCN/MTAC
V/v Vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp
For transporting and treating industrial waste

Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Pursuant to the Commercial Law No. 36/2005/QH11 issued June 14, 2005, of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 24/11/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

Pursuant to the Civil Code No. 91/2015/QH13 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam passed on November 24, 2015 and takes effect from January 1, 2017;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Pursuant to the Law on environment protection No. 72/2020/QH14 dated 17/11/2020 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam

Căn cứ Nghị Định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Pursuant to Decree 08/2022/ND-CP dated January 10, 2022 of the Government detailing a number of articles of the Law on Environmental Protection;

Căn cứ thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Pursuant to Circular 02/2022/TT-BTNMT dated January 10, 2022 of the Ministry of Natural Resources and Environment detailing the implementation of a number of articles of the Law on Environmental Protection.

Căn cứ vào năng lực và nhu cầu của hai bên;

Based on the capacity and needs of both parties;

Hôm nay, ngày 04 tháng 05 năm 2024.

Today, May 04th, 2024

Địa điểm: Công Ty TNHH MTV CY Vina

Address: CY Vina Co., Ltd



Handwritten signature

Hai bên chúng tôi gồm:

Our two parties include:

BÊN A : **CÔNG TY TNHH MTV CY VINA**

PARTY A : **CY VINA CO., LTD**

Địa chỉ xuất hóa đơn : Lô N, Đường số 1, Khu Công Nghiệp Long Đức, Xã Long Đức, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Invoice address : Lot N, Road No. 1, Long Duc Industrial Park, Long Duc Commune, Tra Vinh City, Tra Vinh Province, Vietnam

Điện thoại/tel : 02943.746.802

Mã số thuế/tax : 21 00 43 60 97

Đại diện/Rep : Ông **CHOI BYUNG MAN** Chức vụ/Position: **Giám Đốc/Director**

Tài khoản NH/Bank account:: ...

BÊN B : **CÔNG TY TNHH MTV SX TM DV MÔI TRƯỜNG Á CHÂU**

PARTY B : **A CHAU ENVIRONMENT SERVICE TRADING PRODUCTION CO., LTD**

Địa chỉ xuất hóa đơn : 1C9 Ấp 1, Xã Phạm Văn Hai, Huyện Bình Chánh, TP.HCM

Invoice address : 1C9 Hamlet 1, Pham Van Hai Commune, Binh Chanh District, HCM City

Địa chỉ nhận thư : Số 404 Tân Sơn Nhì, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, TP.HCM

Mailing address : 404 Tan Son Nhi, Tan Quy Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City

Điện thoại/tel : 1900 54 54 50/ 033 835 1122 Email: info@moitruongachau.com

Mã số thuế/tax : 03 08 29 55 64

Đại diện/rep : **NGUYỄN THANH DŨNG** Chức vụ/Position: **Giám Đốc/Director**

Tài khoản NH 1 : 041.0101.0024.496 Tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải (Maritime Bank) Chi Nhánh Sài Gòn

Bank account 1 : 041.0101.0024.496 at Maritime Bank – Sai Gon Branch

Tài khoản NH 2 : 114.869.597 Tại Ngân hàng VPBank Phòng Giao Dịch Quận Tân Phú TP.HCM

Bank account 2 : 114.869.597 at VPBank Tan Phu transaction office, HCMC Branch

Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản cụ thể như sau:

After negotiation, two parties have agreed to sign the contract with the articles as follows:



ĐIỀU 1. NỘI DUNG & THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

ARTICLE 1: CONTRACT CONTENT & PERIOD

1. Bên B nhận thực hiện xử lý chất thải công nghiệp (CTCN) phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất của Bên A.

Party B accepts to treat industrial waste (IW) arising from the manufacturing process of Party A.

2. **Địa điểm tiếp nhận các loại chất thải:** Công Ty TNHH MTV CY Vina – Lô N, Đường số 1, Khu Công Nghiệp Long Đức, Xã Long Đức, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

Place of receiving waste: Company CY Vina Co., Ltd - Lot N, Road No. 1, Long Duc Industrial Park, Long Duc Commune, Tra Vinh City, Tra Vinh Province

3. **Tần suất vận chuyển:** 2-4 lần/ tuần

Frequency of transporation : 2-4 times/week

4. **Thời hạn hợp đồng:** kể từ ngày 01/06/2024 đến ngày 31/05/2025.

Contract term : from 01/06/2024 to 31/05/2025

(Tuy nhiên các quyền và nghĩa vụ dự kiến vẫn còn hiệu lực sau khi chấm dứt hợp đồng sẽ vẫn có giá trị, bao gồm nhưng không giới hạn như quyền và nghĩa vụ thanh toán, bồi thường).

(However, rights and obligations expected to remain in force after termination of the contract, including but not limited to rights and obligations to pay and indemnify).

5. **Danh mục chất thải/List of waste:**

TT No.	Tên chất thải Name of waste	Trạng thái Status	Phương pháp lưu trữ Method of storage
01	Chất thải công nghiệp không chứa hoặc lẫn thành phần nguy hại: Vải, da, chỉ, giấy, nhựa, ... Non-recyclable industrial waste without hazardous components: Fabric, leather, thread, paper, plastic, ...	Rắn Solid	Lưu trữ gọn trong bao Store in appropriate containers

ĐIỀU 2. CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI NHẬN CHẤT THẢI

ARTICLE 2. PREPARATION BEFORE RECEIVING THE WASTE

1. Chất thải sẽ được Bên A lưu trữ vào trong thiết bị lưu chứa đã được thỏa thuận và tập trung lại 01 khu vực.

Party A will store the waste in appropriate containers for each separate class and arrange them in the same place.

42

2. Bên A Thông báo cho Bên B số lượng chất thải cần vận chuyển và xử lý, Bên B sẽ có trách nhiệm trả lời thời gian vận chuyển, xử lý trong thời hạn 48 giờ làm việc và tiến hành vận chuyển trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ lúc nhận được thông báo từ Bên A.

Party A notifies Party B the amount of waste needed to transport and treat, Party B will be responsible for responding shipping and handling within 48 working hours and transport within 07 (seven) working days from the date of receipt of notice from Party A.

Thông tin liên hệ: Lê Dung – 0902833585 – ledung@moitruongachau.com

Contact: Lê Dung – 0902833585 – ledung@moitruongachau.com

Hoặc gọi đến số điện thoại 033 835 1122/ 0902 922 585/ 0906 941 585

Or phone number 033 835 1122/ 0902 922 585/ 0906 941 585

Địa chỉ nhận thư: Công Ty TNHH MTV SX TM DV Môi Trường Á Châu - Số 404 Đường Tân Sơn Nhì, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, TP.HCM.

Address: A Chau Environment service trading production co., ltd, No 404 Tan Son Nhi, Tan Quy Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.

3. Khi chuyển giao chất thải công nghiệp phải đính kèm biên bản giao nhận, biên bản giao nhận sẽ do Bên B phát hành và chỉ có giá trị khi có đầy đủ chữ ký của cả hai bên.

When handing over industrial waste, the delivery record must be attached, the delivery record will be issued by Party B and only valid when fully signed by both Parties.

ĐIỀU 3. ĐẶC TÍNH CỦA CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP

ARTICLE 3. CHARACTERISTIC OF INDUSTRIAL WASTE

1. Chất thải công nghiệp thông thường không được lẫn lộn với chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải sinh hoạt.

The normal industrial waste must not be confused with hazardous wastes, medical waste or domestic waste.

2. Chất thải công nghiệp thông thường không được nhiễm chất phóng xạ, chất nổ, amiăng, PCBs, PCTs, xianua, các chất nguy hại sinh học.

The normal industrial waste must not be contaminated by radioactive substances, explosives, asbestos, PCBs, PCTs, cyanide, hazardous biological substances.

3. Nếu như Bên B có đầy đủ thông tin chứng minh khách hàng bàn giao chất thải công nghiệp thông thường có các đặc tính trên thì Bên B có thể:

If Party B has sufficient information proving that the customer hands over the normal industrial waste with the above characteristics, Party B may:

a) Trả lại một phần hoặc toàn bộ chất thải mà Bên A đã bàn giao.

Return part or all of the waste transferred by Party A.

b) Nhận số chất thải này và xử lý với chi phí xử lý phù hợp với loại chất thải có các đặc tính trên, chi phí phát sinh thêm sẽ do Bên A thanh toán. Trường hợp khách hàng không chấp nhận thanh toán chi phí phát sinh thì khách hàng có thời gian 02 ngày để nhận lại chất thải.

Receive this number of waste and treat them in accordance with the cost of disposal in accordance with type of waste with the above characteristics, additional expenses will be paid by Party A. In case customers do not accept payment of expenses incurred, customers have 02 days to receive the waste.

4. Bên B và Bên A cùng lấy mẫu chất thải để phân tích trong trường hợp Bên B xảy ra thiệt hại bao gồm trách nhiệm, nghĩa vụ, thiệt hại, hư hại, khoản phạt hoặc lệ phí xảy ra do Bên A bàn giao chất thải có đặc tính trên. Nếu kết quả phân tích xác nhận chất thải của Bên A bàn giao có các đặc tính trên, thì Bên A phải bồi thường cho Bên B và các nhà thầu phụ có liên quan của Bên B tất cả các khoản thiệt hại đó.

Party B and Party A collect samples of waste to analyze in case Party B happens to damage including liability, obligations, damage, fines or fees incurred by Party A to hand over the waste had the above characteristics. If the results confirm that Party A's delivered waste have the above characteristics, Party A must compensate Party B and related subcontractors of Party B for all such damages.

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

ARTICLE 4. RIGHTS AND RESPONSIBILITIES OF PARTY A

1. Quyền của Bên A/Rights of Party A

a) Bên A có quyền từ chối các yêu cầu không đúng với quy định của pháp luật của Bên B.

Party A has the right to refuse Party B's requests that are not in accordance with the provisions of law.

b) Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng khi Bên B vi phạm các điều khoản trong hợp đồng này.

Party A has the right to unilaterally terminate the contract when Party B violates the terms of this contract.

2. Trách nhiệm của Bên A/Responsibilities of Party A

a) Cung cấp giấy ủy quyền trong trường hợp người ký hợp đồng không phải là người đại diện pháp luật của công ty.

Provide the authorization letter in case the person signing the contract is not the legal representative off the company.

b) Thanh toán kinh phí thực hiện đúng thời hạn theo Phụ Lục 01 của hợp đồng này.

The payment of expenses shall be made on time according to Appendix 01 of this contract.

c) Vào bất kỳ thời điểm nào, Bên A phát hiện hoặc có lý do tin rằng Chất thải có hoặc có thể có khả năng hoặc rủi ro gây hại cho con người hoặc môi trường hoặc nhiễm các chất độc hại nêu trong đặc tính chất thải, Bên A sẽ ngay lập tức thông báo về những thông tin đó cho Bên B.



N: 210
CÓ
T M
T T H
Y VI
T - T. TR

829
CÓ
T T
XUẤT
CH VỤ
A
H ANH

At any time, Party A discovers or has reason to believe that the canceled goods have or may have the potential or risk of causing harm to people or environment or being contaminated with hazardous substances stated in their properties. Party A will immediately notify those information to Party B.

d) Đảm bảo rằng nhân viên và nhân viên hợp đồng của mình (nếu có) thực hiện đúng các quy định pháp luật hiện hành trong việc thu gom, vận chuyển, và xử lý chất thải.

Ensure that employees and their contract staff (if any) comply with applicable laws on collection, transportation, and treating waste.

e) Chịu trách nhiệm hoàn toàn các vấn đề liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải của các doanh nghiệp mà Bên A hợp tác trước khi cung cấp thông tin cho Bên B để tiến hành thực hiện việc vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp và đảm bảo rằng Bên B không có trách nhiệm liên đới trong các vấn đề đó.

Take full responsibility for issues related to the collection, transportation and treating waste of the businesses that Party A cooperates with before providing information to Party B to carry out the transportation, handle industrial waste and ensure Party B is not jointly responsible for such matters.

f) Bên A đảm bảo rằng khuôn viên của mình tuân thủ tất cả quy định pháp luật Việt Nam, không có rủi ro và nguy hiểm trong khi nhân viên của Bên B và nhân viên nhà thầu của Bên B thực hiện công việc cho Bên A.

Party A ensure that its premises comply with all Vietnamese laws, it free of risk and dangers while Party B's employees and contractor perform work for Party A.

g) Không bàn giao chất thải công nghiệp trong danh mục nêu trên cho đơn vị nào khác nếu không có sự thỏa thuận và đồng ý của hai bên.

Do not hand over industrial waste in the above list to any other unit without the agreement and consent of the two parties.

h) Bên A trình ký hợp đồng và gửi lại Bên B trong vòng 15 ngày (kể từ ngày Bên A nhận được hợp đồng do Bên B gửi). Nếu Bên A không gửi lại hợp đồng trong 15 ngày mà không có lý do chính đáng (phản hồi qua hình thức: gửi văn bản, email thông báo,...) thì xem như hợp đồng Bên B gửi trước đó không còn giá trị thực hiện.

Party A submit to sign the contract and return to Party B within 15 days (from the date of Party A receive the contract sent by Party B). If Party A does not return the contract within 15 days without justifiable reasons (respond via: send written, email notification...), the contract is sent by Party B is invalid implementation.

i) Trong trường hợp có thay đổi thông tin xuất hoá đơn, Bên A phải thông báo cho Bên B trước 30 ngày. Nếu Bên A không thông báo thì Bên B sẽ không có trách nhiệm xuất lại hoá đơn cho Bên A.

In the event of a change in invoice information, Party A must notify Party B 30 days in advance. If Party A does not notify Party B, Party B will not be responsible for reissuing the invoice to Party A.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B

ARTICLE 5. RIGHTS AND RESPONSIBILITIES OF PARTY B

1. Quyền của Bên B/Rights of Party B

a) Bên B có quyền từ chối tiếp nhận các loại chất thải không được quy định trong hợp đồng này cũng như những loại chất thải Bên A chưa lưu trữ, tập trung lại một khu vực, hoặc các loại chất thải nhiễm thành phần độc hại được nêu trong Điều 03.

Party B has rights to refuse to receive the types of waste not specified in this contract as well as the types of waste that Party A has not yet stored, gathered in an area, or types of waste contaminated with toxic ingredients stated in Article 03.

b) Được quyền đơn phương chấm dứt trước thời hạn hợp đồng này trong các trường hợp Bên A vi phạm bất cứ điều khoản nào trong hợp đồng này.

Have right to unilaterally terminate this contract prematurely in case Party A violates any provisions of this contract.

c) Bên B có quyền từ chối các yêu cầu không đúng với quy định của pháp luật của Bên A.

Party B has the right to refuse Party A's requests that are not in accordance with the provisions of law.

d) Được phép ủy quyền cho bên thứ ba ký kết hợp đồng với Doanh nghiệp (Chủ nguồn thải) với điều kiện bên thứ 03 có đầy đủ chức năng xử lý chất thải. Trong trường hợp này Bên B vẫn thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận với Bên A.

Authorize the third party to sign the contract with the Enterprise (Waste source owners) provided that the third party has full functional capability to handle the waste. In this case, Party B still performs the obligations agreed with Party A.

2. Trách nhiệm của Bên B/Responsibilities of Party B

a) Tiếp nhận chất thải công nghiệp thông thường cho Bên A, vận chuyển đến nơi xử lý theo danh mục, khối lượng, thời gian và địa điểm đã thỏa thuận trong nội dung hợp đồng.

Receive normal industrial waste for Party A, transport to the place of treating according to the list, volume, time and place agreed in the contract.

b) Chuẩn bị các loại giấy giao nhận khi tiếp nhận các loại chất thải.

Prepare delivery records when transferring waste.

c) Đảm bảo tính pháp lý đối với dịch vụ đang cung cấp.

Ensure the legality of the services being provided.

d) Ghi nhận và báo cáo các vấn đề khó khăn phát sinh để Bên A kịp thời giải quyết.

Record and report arising problems to Party A promptly resolve.

e) Cung cấp giấy ủy quyền trong trường hợp người ký hợp đồng không phải là người đại diện pháp luật của công ty.

Provide the authorization letter in case the person signing the contract is not the legal representative of the company.



043609
NG TY
'HH
'H VIEN
TA
A VINH

556
IG T
IHH
ANH
THUAN
MOI TRU
HAI
-T.P.H

Handwritten signature

f) Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi nhà máy của Bên A.

Take full responsibility before the law if the above waste is released into the environment after the waste has been moved out of plant of Party A.

g) Nhân viên Bên B khi vào địa điểm của Bên A phải tuân thủ đúng qui định của Bên A về việc hút thuốc đúng nơi qui định và lưu thông xe đúng tốc độ qui định.

Employees of Party B entering premises of Party A must comply with the regulations of Party A on smoking in the right place and circulate vehicles at the prescribed speed.

ĐIỀU 6. ĐIỀU KHOẢN THANH LÝ VÀ KÝ HỢP ĐỒNG MỚI

ARTICLE 6. TERMS OF LIQUIDATION AND SIGNING NEW CONTRACT

1. Hợp đồng được xem như bản thanh lý sau khi hết hạn hợp đồng với điều kiện hai Bên thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.

The contract is considered as liquidation after the expiry of the contract provided that the two Parties properly and fully comply with the term and conditions of the contract.

2. Trong 04 tuần, Bên B gửi thông báo đến Bên A và các Bên liên quan tiến hành thanh lý hợp đồng, đồng thời Bên B không trả lại cho Bên A số tiền đã đặt cọc trước.

Within 04 consecutive weeks. If Party A does not hand over waste to Party B, the contract will be considered invalid. Party B will send notice to Party A and related Parties. The contract will be liquidated, and Party B will not return Party A the deposit amount.

3. Nếu một trong hai bên muốn thay đổi nội dung hoặc thanh lý hợp đồng trước thời hạn thì phải báo cho bên còn lại trước ba mươi (30) ngày bằng văn bản, để 2 bên đi đến thỏa thuận thống nhất phương thức làm việc tiếp theo hoặc thanh lý hợp đồng.

If either party wishes to change the content or liquidate the contract ahead of time, it must notify the other party thirty (30) days in writing, so that the two parties can agree on the next working method or liquidate the contract.

4. Nếu có chi phí phát sinh, công nợ giữa hai bên thì phải thanh toán trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày hết hạn hợp đồng.

If there are costs incurred, debts between the two parties must be paid within 07 (seven) days from the date of expiry of the contract.

5. Khi hết hạn hợp đồng nếu Bên A có nhu cầu tiếp tục hợp tác thì hai bên sẽ tiến hành ký hợp đồng mới để gia tăng thời hạn.

When the contract expires, if Party A wants to continue cooperation, the two parties will sign a new contract to extend the term.

ĐIỀU 7. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ARTICLE 7. GENERAL ARTICLES

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng. Nếu có tranh chấp giữa các Bên liên quan đến hợp đồng thì sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp không giải quyết được, sẽ đưa ra Tòa án có thẩm quyền, quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí xét xử do bên thua kiện chịu.

The two parties committed to comply with the terms agreed in the contract. If there is a dispute between the Parties related to the contract, it will be resolved through negotiation and mediation. In case it cannot be solved, it will be submitted to the competent Court. The decision of the Court is final. All costs of adjudication shall be borne by the losing party.

2. Trường hợp một bên vi phạm điều khoản Hợp đồng mà không thỏa thuận được thì bên còn lại được đơn phương chấm dứt hợp đồng.

If one side violates any article of the contract without any agreement, other side has the right to unilaterally terminate the contract.

3. Trong trường hợp có những trục trặc kỹ thuật ngoài mong muốn (bảo trì, sửa chữa hệ thống xử lý chất thải; thay đổi giấy phép xử lý,...) thì Bên B sẽ thông báo với Bên A bằng văn bản và hai bên sẽ thỏa thuận phương án xử lý tiếp theo.

In case of unexpected technical problems (maintenance, repair of waste treatment system; change of treatment license, ...), Party B will notify Party A in writing and both parties will agree on the next handling plan.

4. Việc thực hiện công việc theo Hợp đồng này có thể được một bên tạm ngưng nếu vì những lý do bất khả kháng. Những lý do đó bao gồm thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn, cháy nổ, chiến tranh, tai nạn, bạo động hoặc phá hoại, thiếu nguồn lực thỏa đáng, nguyên liệu, máy móc hay dụng cụ, vấn đề về lao động, đình công, các yêu cầu về quốc phòng, lệnh cấm của tòa. Bên đòi quyền tạm ngưng thực hiện theo Hợp đồng này sẽ thông báo cho bên kia bằng văn bản về nguyên nhân tạm ngưng, việc thực hiện được tạm ngưng và thời gian dự kiến tạm ngưng. Khi sự kiện gây tạm ngưng đã kết thúc, bên đòi quyền tạm ngưng sẽ thông báo cho bên kia biết việc tạm ngưng đã chấm dứt và ước lượng khi nào thì việc thực hiện Hợp đồng sẽ được tiếp tục như bình thường.

The performance of work under this Contract may be suspended by a party for force majeure reasons. These include natural disasters, floods, fires, explosions, wars, accidents, violence or vandalism, insufficient resources, materials, machines or tools, and labor issues, strikes, defense requirements, court bans. The party claiming the right to suspend performance under this Agreement shall notify the other party in writing of the cause of the suspension, the performance being suspended and the expected time of suspension. When the suspension event has ended, the party claiming the right to suspend will notify the other party of the suspension and have estimated when the performance of the Agreement will continue as usual.

5. Hợp đồng này chỉ có giá trị khi có đầy đủ các chữ ký, con dấu của hai Bên.

This contract is only valid when there are full signatures and seals of both parties.

6. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản với đầy đủ các chữ ký và con dấu của hai Bên. Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau. Bất kỳ sự bổ sung

hoặc thay đổi nào cho hợp đồng này chỉ có giá trị khi được thể hiện bằng văn bản và có chữ ký, con dấu của hai bên.

This contract made into 04 (four) copies with fully signature and seals of both parties. Party A keeps 02 (two) copy, Party B keeps 02 (two) copy with the same legal value. Any supplement or change to this contract will be in writing and signed and sealed by two parties.

ĐẠI DIỆN BÊN A
ON BEHALF OF PARTY A
M.S.D.N: 2100436097 - C.T. T.N.H.H
CÔNG TY
TNHH
MỘT THÀNH VIÊN
CY VINA
TP. TRÀ VINH - T. TRÀ VINH

CHOI BYUNG MAN

ĐẠI DIỆN BÊN B
ON BEHALF OF PARTY B
M.S.D.N: 0308295564 - C.T. T.N.H.H
CÔNG TY
TNHH
MỘT THÀNH VIÊN
SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG
Á CHÂU
H. BÌNH CHÁNH - T. P. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THANH DŨNG

Các phụ lục và hợp đồng kèm theo:

Appendices and contracts are attached:

Phụ lục 1: Đơn giá và phương thức thanh toán

Appendices 1: Unit price and payment method

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 05 năm 2024

Ho Chi Minh City, May 04th, 2024

PHỤ LỤC 01

APPENDIX 01

ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

UNIT PRICE AND METHOD OF PAYMENT

1. ĐƠN GIÁ XỬ LÝ/ TREATING UNIT PRICE

Chi phí xử lý = Khối lượng (Kg) x Đơn giá (VNĐ)

Treatment Costs = Volume (Kg) x Unit price (VND)

TT No.	Tên chất thải Name of waste	Trạng thái Status	Đơn giá Unit price	Ghi chú Notes
01	Chất thải công nghiệp không chứa hoặc lẫn thành phần nguy hại: Vải, da, chỉ, giấy, nhựa, ... Non-recyclable industrial waste without hazardous components: Fabric, leather, thread, paper, plastic, ...	Rắn Solid	1.800 đ/kg	Bên A thanh toán cho Bên B Party A pays for Party B

Ghi chú/Note:

- Đơn giá trên chưa bao gồm phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn
- The above unit price does not include the environmental protection fee for solid waste.
- Đơn giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển và xử lý chất thải
- The above unit price includes transportation and waste treatment costs.
- Giá trị dịch vụ chưa bao gồm thuế VAT. (Thuế VAT được áp dụng tại thời điểm xuất hóa đơn theo quy định của Nhà nước có hiệu lực hiện hành)
- Service value does not include VAT. (VAT is applied at the time of invoice issuance according to current effective State regulations).
- Chất thải công nghiệp sẽ được cân xe để xác định khối lượng.
- The industrial waste will be weighed to determine the weight.
- Bên A chịu trách nhiệm cung cấp bao.
- Party A is responsible for providing bags.

2. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN/PAYMENT METHODS



Handwritten signature

a) Ngày 30 hàng tháng, Bên B tổng kết số lượng chất thải bàn giao gửi cho bên A, Bên A có trách nhiệm phản hồi thông tin nếu có sai sót trong 03 (ba) ngày làm việc. Bên A có trách nhiệm thanh toán hết công nợ trong 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hóa đơn chứng từ thanh toán kèm theo đầy đủ.

On the 30th of every month, Party B summarizes the quantity of waste handed over and sends it to Party A. Party A is responsible for responding to information if there are errors within 03 (three) working days. Party A is responsible for paying all debts within 15 (fifteen) working days from the date of receipt of the fully enclosed invoice-and payment documents..

Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B trong vòng 15 ngày (kể từ ngày đến hạn thanh toán) mà không có lý do chính đáng (phản hồi qua hình thức: gửi văn bản, email thông báo,...) thì Bên B sẽ ngưng cung cấp dịch vụ và thanh lý hợp đồng. Bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí dịch vụ các hạng mục do Bên B đã thực hiện.

If Party A does not pay Party B within 15 days (from the date of payment due) without justifiable reasons (responding via: sending documents, notification emails ...), Party B will stop providing the services and liquidate the contract. Party A is responsible for paying the cost of service implemented by Party B.

Khi thanh toán bằng hình thức chuyển khoản, Khách hàng ghi đầy đủ thông tin theo cú pháp như sau: “Công Ty ... thanh toán Hợp đồng số ... (hoặc hóa đơn số) ... Về việc ...

When paying by wire transfer, Customer write all information according to following syntax: “Company ... pays Contract No. ... (or invoice No. ...) Regarding...

b) Bên A chịu phí khi chuyển khoản.

Party A shall bear the transfer fee.

c) Hồ sơ thanh toán gồm/Payment of dossier include: Biên bản giao nhận chất thải và Hóa đơn tài chính/ Waste delivery record and Financial invoice.

Phụ lục này là một phần không thể tách rời với Hợp Đồng Số 581 /2024/HĐ.CN./MTAC

This appendix is an integral part of Contract No. 581...../2024/HD.CN./MTAC

Số: 05/BB-ĐTTr

Trà Vinh, ngày 04 tháng 04 năm 2024

BIÊN BẢN

Kiểm tra, xác minh về việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-TTr ngày 12/3/2024 của Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh về việc thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với 04 tổ chức trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Vào lúc 07 giờ 30 phút, ngày 04/4/2024, tại Công ty TNHH MTV CY Vina; địa chỉ: Lô N, Đường số 1, KCN Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, Đoàn thanh tra tiến hành kiểm tra, xác minh nội dung chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường.

I. THÀNH PHẦN:

1. Đại diện Đoàn thanh tra:

- Ông: Đặng Văn Mừng, chức vụ: Trưởng đoàn.

* Các thành viên:

- Ông: Dương Văn Trung;

- Ông: Nguyễn Minh Hải;

- Ông: Mạc Minh Ngữ.

2. Đại diện Công ty TNHH MTV CY Vina:

- Ông: CHOI BYUNG MAN, Giám đốc

- Bà: Nichelle Nicolas, Quản lý nhân sự cấp cao ;

- Bà: Ngô Thị Hằng, Quản lý nhân sự;

- Bà: Nguyễn Từ Anh Thư, Phiên dịch;

- Bà: Huỳnh Thị Diễm My, nhân viên phụ trách rác thải/môi trường.

- Bà: Phạm Thị Yến Như, nhân viên phụ trách rác thải/môi trường

- Bà: Kim Thị Kim Cương, nhân viên phụ trách rác thải/môi trường

3. Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Trà Vinh (đơn vị lấy mẫu, phân tích mẫu)

Ông: Trần Hồng Phong, nhân viên.

Ông: Nguyễn Phúc Khang, nhân viên.




II. NỘI DUNG KIỂM TRA, XÁC MINH:

Thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH MTV CY Vina.

1. Thông tin chung:

Tên tổ chức: Công ty TNHH MTV CY Vina.

Địa chỉ trụ sở: Lô N, Đường số 1, KCN Long Đức, xã Long Đức, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Số điện thoại: 02943 746 803

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số: 2100436097, đăng ký lần đầu ngày 09/11/2010, đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 12/02/2020 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông CHOI BYUNG MAN, Chức vụ: Giám đốc.

Ngành nghề, lĩnh vực hoạt động: Sản xuất và gia công các loại vali, túi xách xuất khẩu.

Sản phẩm: Túi xách.

Số lượng nhân viên: 3.661 người.

Diện tích mặt bằng: 57.254,5 m².

Nguồn cung cấp nước để sử dụng: nước cấp của Công ty Cổ phần cấp thoát nước tỉnh Trà Vinh.

Lượng nước sử dụng trung bình: 373,5 m³/ngày.đêm.

Danh sách các loại hóa chất đang sử dụng: Edgestain Semi glossy CHS330R1; Edgestain matte CHM330R1; High gloss edgestain; Semi gloss edgestain; UA400H; UA1013; Prymer; Loctite Bondace 7103 TF(F); Loctite Bondace 7103 LTFS(F); Loctite Bondace 7103 LTFP; Bond FT220; Bond AQ-500S; Bond AQ-900H; Bond AQ-420T; Bond HM-106P; Bond Meltace A-100; Bond Axia TPR.

2. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

2.1. Tình hình chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đối với dự án “Cải tạo, nâng công suất nhà máy sản xuất và gia công các loại vali, túi xách” được UBND tỉnh Trà Vinh tại Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 01/4/2019.

- Thực hiện Chương trình giám sát môi trường định kỳ: công ty thực hiện năm 2023; Quý I năm 2024.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023: có thực hiện.

- Kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp: Công ty đã thực hiện đến tháng 2 năm 2024 số tiền đã nộp là 104.653.957 đồng.

- Đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại: Công ty được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại ngày 17/10/2014. Mã số QLCTNH: 84.000074.T (cấp lần: 2)

- Tình hình lập hồ sơ Giấy phép môi trường của dự án/cơ sở: Công ty đang liên hệ với các đơn vị tư vấn để thực hiện.

2.2. Các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động và biện pháp giảm thiểu

2.2.1. Nước mưa chảy tràn: công ty có xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách biệt với nước thải

2.2.2. Về nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh khoảng 297,70 m³/ngày.đêm (tính trung bình 80% lượng nước cấp năm 2023)

- Nước thải sản xuất: không phát sinh.

- Biện pháp thu gom và xử lý: Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung

+ Nước thải sinh hoạt được thu gom về hồ thu gom

+ Công suất: 450 m³/ngày.đêm.

+ Chế độ vận hành: liên tục 24/24 giờ

+ Quy trình xử: nước thải → Bể thu gom/sàn tách rác → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Đức.

Tại bể trung gian: công ty có sử dụng hóa chất Dry Chlorine để khử trùng.

- Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Đức.

- Phương thức xả nước thải theo thực tế: tự chảy.

- Nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải: công ty có theo dõi lượng nước thải ngày thông qua lượng nước cấp)

- Công trình xử lý nước thải: tại thời điểm kiểm tra hoạt động bình thường.

* **Lấy mẫu nước thải:** Vào lúc 8 giờ 35 phút ngày 04/4/2024, tại Công ty TNHH MTV CY Vina, Đoàn thanh tra đã tiến hành lấy mẫu nước thải; đơn vị lấy mẫu là Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Trà Vinh' vị trí lấy mẫu nước thải tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải, tọa độ vị trí xả nước thải được lấy mẫu: X: 1103171, Y: 0592385 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰). Số lượng 01 mẫu nước thải. Việc lấy mẫu có sự chứng kiến của đại diện Công ty TNHH MTV CY Vina.

3
nh

2.2.3. Về quản lý chất thải rắn thông thường:

* *Chất thải sinh hoạt:* ước tính khoảng 4.260 kg/tháng

- Biện pháp thu gom và xử lý, Kho lưu giữ: công ty có trang bị thùng chứa rác riêng biệt để lưu trữ.

- Đơn vị xử lý (hợp đồng xử lý): Công ty đã ký kết hợp đồng với công ty TNHH MTV Phát Đăng để thu gom (Công ty TNHH MTV Phát Đăng ký kết hợp đồng vận chuyển với Công ty Cổ Phần Công Trình Đô Thị Trà Vinh) với tần suất 3 lần/tuần.

* *Chất thải rắn sản xuất:* 67.101 kg/tháng (bao gồm: da dụng, vải dụng, chỉ,...)

- Biện pháp thu gom và xử lý, Kho lưu giữ: Bố trí thùng chứa và có kho rác lưu trữ riêng biệt. Kho chứa với tổng diện tích 225m².

- Đơn vị xử lý (hợp đồng xử lý): Công ty đã ký kết hợp đồng với Công Ty TNHH MTV Vĩ Tú và Công ty TNHH MTV SX TM DV Môi Trường Á Châu để thu gom và xử lý với tần suất 2 – 4 lần/tuần.

* *Bùn thải:* tại thời điểm kiểm tra không phát sinh

- Biện pháp thu gom và xử lý, kho lưu trữ: Chứa tại bể lắng của hệ thống xử lý nước thải.

- Đơn vị xử lý (hợp đồng xử lý): Công ty đã ký kết hợp đồng với công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Trái Đất Xanh để thu gom và xử lý với tần suất 2 lần/tháng/lần.

2.2.4. Về chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại: tại thời điểm kiểm tra có 50 kg tính ngày 03/4/2024 đến nay, gồm có: thùng keo nhựa, thùng keo thiết, Giẻ lau dính keo sơn.

- Biện pháp thu gom và xử lý/ kho lưu trữ: tại thời điểm kiểm tra chất thải nguy hại được thu gom và tập trung tại kho của công ty với diện tích khoảng 75m², có dán nhãn phân loại từng loại chất thải nguy hại

- Nguyên nhân tồn lưu, chưa xử lý: chưa đến kỳ thu gom.

- Đơn vị xử lý (hợp đồng xử lý): Công ty đã ký kết hợp đồng với công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Trái Đất Xanh để thu gom và xử lý với tần suất 2 lần/tháng/lần.

2.2.5. Về khí thải, bụi:

- Nguồn phát sinh khí thải, bụi; lưu lượng khí thải: Công ty có phòng chứa máy phát điện. Phòng chứa máy phát điện có ống khói và chỉ sử dụng khi mất điện đột xuất.

- Biện pháp xử lý: không có

2.2.6. Về tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: không phát sinh rung;

- Biện pháp giảm thiểu, xử lý tiếng ồn, độ rung: Không

2.2.7. Tiến độ thực hiện quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục

Công ty không thuộc đối tượng thực hiện.

2.3. Việc chấp hành các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan quản lý, các đoàn thanh tra, kiểm tra trước đây:

Công ty không có tồn tại, hạn chế theo Thông báo số 61/TB-BQLKKT ngày 25/5/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh, Thông báo kết luận kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật tại Công ty TNHH MTV CY Vina (trong đó có lĩnh vực bảo vệ môi trường)

3. Ý kiến của Đoàn thanh tra:

Đoàn thanh tra tiếp tục kiểm tra, thu thập thông tin, tài liệu và tiếp tục kiểm tra, xác minh theo đúng kế hoạch được phê duyệt.

4. Ý kiến của Công ty:

- Thống nhất các nội dung kiểm tra nêu trong Biên bản.

Việc kiểm tra, xác minh kết thúc vào 11 giờ 00 phút ngày 04/4/2024. Biên bản đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và ký xác nhận.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

Đại diện Đoàn Thanh tra Công ty TNHH MTV CY Vina

Người ghi biên bản

Đặng Văn Mừng



CHOI BYUNG MAN

Nguyễn Minh Hải

Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Trà Vinh

Phiên dịch của Công ty TNHH MTV CY Vina

Trần Hồng Phong

Nguyễn Từ Anh Thư

Trà Vinh, ngày 03 tháng 4 năm 2023

BIÊN BẢN

**Kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật của
Công ty TNHH MTV CY Vina trong KCN Long Đức năm 2023**

Căn cứ Quyết định số 13/QĐ-BQLKKT ngày 13/02/2023 của Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh về việc thành lập Đoàn kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Định An, Khu công nghiệp Long Đức năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 01/KH-ĐKT ngày 06/3/2023 của Đoàn kiểm tra về việc kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Định An, Khu công nghiệp Long Đức năm 2023,

Hôm nay, vào lúc 14 giờ ngày 03/4/2023 tại Công ty TNHH MTV CY Vina, Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật của Công ty.

I. THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA:

1. Đại diện Đoàn kiểm tra:

1.1. Ban Quản lý Khu kinh tế:

- Ông Lưu Văn Nhạnh, Phó Trưởng Ban, Trưởng đoàn.
- Bà Lâm Thị Mươi, Trưởng phòng Quản lý Đầu tư và Doanh nghiệp, Phó Trưởng Đoàn.
- Ông Trần Văn Dương, Phó Giám đốc Trung tâm Hạ tầng KKT, các KCN, thành viên.
- Bà Lê Thị Ngọc Hân, chuyên viên phòng Quản lý Quy hoạch, xây dựng và Tài nguyên, môi trường, thành viên.
- Bà Nguyễn Thị Diễm Chi, chuyên viên phòng Quản lý Đầu tư và Doanh nghiệp, Thư ký.

1.2. Bảo hiểm xã hội tỉnh:

Bà Lê Minh Thương, Trưởng phòng thanh tra-kiểm tra, thành viên.

1.3. Sở Y tế:

- Bà Võ Thị Nhi Em, công chức Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm, thành viên.
- Ông Lê Hữu Đức, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, thành viên.

1.4. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội:

Ông Nguyễn Văn Trận, Chuyên viên Phòng LĐVL-GDNN, thành viên.

1.5. Công đoàn Khu kinh tế:

Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm, Phó Chủ tịch Công đoàn Khu kinh tế, thành viên.

1.6. UBND thành phố Trà Vinh:

Bà Danh Thị Minh Anh, chuyên viên phòng Tài nguyên môi trường, thành viên.

1.7. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp, chuyên viên phòng Quản lý môi trường, thành viên.

1.8. Cục Thuế tỉnh:

Ông Lê Thanh Dũng, công chức, thành viên.

1.9. Sở Công Thương:

Bà Lâm Thúy Mỹ, chuyên viên phòng Quản lý Công nghiệp, thành viên.

1.10. Phòng An ninh kinh tế - Công an tỉnh:

- Ông Hồ Văn Hậu, Cán bộ, thành viên.

1.11. Phòng Cảnh sát Phòng chống tội phạm về môi trường – Công an tỉnh:

- Ông Nguyễn Vũ Phong, Cán bộ, thành viên.

1.12. Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ - Công an tỉnh:

Ông Nguyễn Vũ Cường, Cán bộ, thành viên.

2. Đại diện Công ty TNHH MTV CY Vina:

- Ông Choi Byung Man, Giám đốc điều hành.

- Bà Nicolas Nichelle, Trưởng bộ phận nhân sự.

- Bà Nguyễn Từ Anh Thư, nhân viên nhân sự-phiên dịch.

- Đại diện các phòng, ban trực thuộc Công ty.

II. NỘI DUNG LÀM VIỆC:

1. Ông Lưu Văn Nhạnh, Trưởng đoàn nêu mục đích, yêu cầu và cách thức thực hiện của Đoàn kiểm tra. Đề nghị Công ty và các thành viên Đoàn kiểm tra phối hợp thực hiện;

2. Bà Lâm Thị Mười, Phó Trưởng Đoàn giới thiệu thành phần Đoàn kiểm tra và thông qua Quyết định số 13/QĐ-BQLKKT ngày 13/02/2023 của Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh về việc thành lập Đoàn kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Định An, Khu công nghiệp Long Đức năm 2023;

3. Ông Choi Byung Man thông qua phiên dịch viên báo cáo tóm tắt các nội dung kiểm tra với Đoàn kiểm tra.

- Báo cáo kết quả việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp (kỳ báo cáo năm 2022), trong đó tập trung vào một số nội dung



theo 07 phụ lục quy định tại Kế hoạch số 01/KH-ĐKT ngày 06/3/2023 của Đoàn Kiểm tra.

III. KẾT QUẢ KIỂM TRA:

1. Về các quy định về pháp luật lao động:

- Về công tác lao động, tiền lương:

+ Công ty cơ bản có thực hiện các quy định về pháp luật lao động, có xây dựng và đăng ký nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể theo Bộ luật Lao động năm 2019 đến Ban Quản lý Khu kinh tế.

- Về công tác an toàn, vệ sinh lao động:

+ Có các loại báo cáo định kỳ theo quy định Luật ATVSLĐ; Hằng năm đều có xây dựng Kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động.

+ Có báo cáo kết quả thực hiện quan trắc môi trường lao động năm 2022, do Công ty Cổ phần đầu tư phát triển môi trường Đại Việt thực hiện. Năm 2023 Công ty thực hiện việc quan trắc môi trường lao động vào quý I/2023.

+ Công ty tổ chức huấn luyện ATVSLĐ cho 4.021 lao động từ nhóm 1 đến nhóm 6 (huấn luyện vào ngày 16/11/2022).

+ Công ty đang quản lý 08 thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ đã thực hiện việc kiểm định định kỳ theo quy định. Những lao động vận hành xe nâng hàng đều có chứng chỉ đào tạo nghề theo quy định.

+ Đặc biệt Công ty làm tốt việc phân loại lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm cho 3.776/4.021 lao động của Công ty tại thời điểm báo cáo làm việc với Đoàn kiểm tra. Đồng thời thực hiện tốt việc bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

+ Có xây dựng Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp trong Công ty theo đúng quy định của Luật AT, VSLĐ.

- Về công tác bảo hiểm xã hội:

+ Công ty thực hiện tốt việc trích đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN hằng tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Luật BHXH, khoản 1 Điều 15 của Luật BHYT và khoản 2 Điều 44 Luật Việc làm.

+ Công ty phối hợp tốt với cơ quan BHXH trong việc đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ cho người lao động, báo tăng, giảm lao động kịp thời, điều chỉnh mức đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động đúng theo quy định.

*** Kiến nghị:**

- Về công tác an toàn vệ sinh lao động:

+ Xây dựng ngay Kế hoạch và tổ chức triển khai hưởng ứng Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động năm 2023, theo qui định tại Công văn số 2959/LĐTBXH-LĐVLGDNN ngày 19/12/2022 của Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động tỉnh.

+ Xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp theo quy định tại điều 78 của Luật An toàn, vệ sinh lao động.

- Về công tác y tế lao động:

Kiến nghị Công ty tiếp tục duy trì và phát huy những kết quả đã đạt được trong công tác quản lý và chăm sóc sức khỏe người lao động.

- Về công tác bảo hiểm xã hội

+ Đề nghị Công ty tiếp tục thực hiện tốt việc trích đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN hằng tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Luật BHXH, khoản 1 Điều 15 của Luật BHYT và khoản 2 Điều 44 Luật Việc làm.

+ Đề nghị Công ty tiếp tục phối hợp tốt với cơ quan BHXH trong việc đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ cho người lao động, báo tăng, giảm lao động kịp thời, điều chỉnh mức đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động đúng theo quy định.

- Đề nghị Công ty TNHH MTV CY Vina tiếp tục rà soát đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho 230 lao động đang học việc trong tháng 4 và tháng 5/2023 theo quy định và báo cáo về cơ quan BHXH trước ngày 20/4/2023.

2. Việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường:

- Sở Tài nguyên và Môi trường kiến nghị Công ty bổ sung vào báo cáo tại Phụ lục 2 theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra quy trình hệ thống xử lý nước thải (có quy trình nhưng báo cáo chưa thể hiện) và đính kèm vào Phụ lục 2 chức năng của đơn vị thu gom, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Ban Quản lý Khu kinh tế kiến nghị Công ty bổ sung báo cáo tại Phụ lục 2 theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra đầy đủ số lượng các loại chất thải nguy hại, tính toán lại khối lượng chất thải sinh hoạt – chất thải công nghiệp – chất thải nguy hại.

- Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường – Công an tỉnh kiến nghị Công ty tiếp tục quan tâm thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và thu gom xử lý chất thải phát sinh đúng quy định của pháp luật.

3. Về công tác phòng cháy chữa cháy:

Qua kiểm tra điều kiện an toàn PCCC tại cơ sở, ghi nhận lãnh đạo cơ sở có tổ chức thực hiện các điều kiện an toàn PCCC theo quy định. Để đảm bảo điều kiện PCCC trong thời gian tới đơn vị Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH yêu

cầu cơ sở tiếp tục duy trì các điều kiện an toàn PCCC theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

4. Về công tác an toàn thực phẩm

Bếp ăn của Công ty đã được Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm số 66/2020/ATTP-CNĐK ngày 27/8/2020. Tổng số người tham gia bếp ăn 40 người đã được xác nhận đủ sức khỏe tham gia chế biến thức ăn. Bếp ăn cơ bản đáp ứng điều kiện vệ sinh đối với cơ sở, điều kiện trang thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu chế biến, điều kiện về con người,...

Trong thời gian tới, đề nghị bếp ăn của Công ty quan tâm lưu ý dọn sạch rác thải kịp thời khu vực sơ chế, khu vực chế biến thực phẩm; che đậy thức ăn chín; duy trì tổ giám sát nội bộ của Công ty để kiểm soát nguồn nguyên liệu, suốt quá trình chế biến thức ăn của bếp ăn.

5. Về tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Qua tra cứu trên hệ thống quản lý thuế tập trung TMS, số liệu khớp đúng với số báo cáo trên Phụ lục 5 của Công ty. Tính đến thời điểm kiểm tra, Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước theo kê khai.

6. Về công tác an toàn hóa chất:

Công ty có chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, phương tiện, cử người có trách nhiệm làm việc với Đoàn kiểm tra. Thực hiện báo cáo đúng đề cương, yêu cầu của Đoàn kiểm tra.

Nhìn chung, Công ty chấp hành và tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật trong hoạt động hoá chất như: phân loại, bảo quản hóa chất, công tác huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất; khai báo hóa chất, báo cáo hóa chất; Trang thiết bị bảo hộ; Nội quy, quy trình sản xuất, quy trình vận hành thiết bị...

Tại thời điểm kiểm tra chưa ghi nhận những tồn tại.

Kiến nghị: Công ty tiếp tục duy trì thực hiện tốt các quy định về lĩnh vực hóa chất.

7. Về công tác công đoàn tại Công ty:

Kiến nghị

- Nâng cao chất lượng bữa ăn cho người lao động, để đảm bảo sức khỏe làm việc, góp phần sự phát triển bền vững của doanh nghiệp (theo kết luận số 03/KL-BCH ngày 18/01/2022 của BCH Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam).

- Tạo điều kiện cho Công đoàn cơ sở vận động thu đoàn phí công đoàn đúng theo quy định.

8. Về công tác an ninh trật tự tại Công ty:

Kiến nghị Công ty nên quan tâm phối hợp với Công an tỉnh mở lớp bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ bảo vệ cho lực lượng bảo vệ nội bộ của Công ty.

IV. Ý KIẾN CỦA DOANH NGHIỆP:

- Qua kết luận của Đoàn, Công ty thống nhất cao các kiến nghị, góp ý của Đoàn kiểm tra và cam kết thực hiện đúng theo tinh thần biên bản.

- Về đoàn phí công đoàn, hiện tại Công ty đã thực hiện trích 20.000 đồng/người, đối với kiến nghị vận động thu đoàn phí công đoàn đúng theo quy định, Công ty kiến nghị có thể thực hiện theo lộ trình.

V. KẾT LUẬN:

- Công ty cơ bản thực hiện tốt các nội dung theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra (an toàn vệ sinh lao động, y tế lao động, PCCC, thuế, an ninh trật tự,...), đề nghị Công ty tiếp tục duy trì và phát huy những mặt đã làm tốt.

- Đối với các kiến nghị của Đoàn kiểm tra, đề nghị Công ty nghiêm túc thực hiện, đồng thời báo cáo kết quả thực hiện về Ban Quản lý Khu kinh tế (trong 30 ngày kể từ ngày kiểm tra). Riêng kiến nghị về công tác bảo hiểm xã hội, thực hiện theo thời gian kiến nghị của Bảo hiểm xã hội tỉnh và báo cáo kết quả thực hiện về Bảo hiểm xã hội tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế.

Biên bản kết thúc vào lúc 17 giờ cùng ngày và thông qua cho các thành viên tham dự cùng nghe, biên bản được lập thành 02 bản mỗi bên liên quan giữ 01 bản có nội dung như nhau./.



Số : 583-05/24-3.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 10 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV CY VINA –

NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG CÁC LOẠI VALI, TÚI XÁCH

2/ Địa chỉ : Lô N, đường số 1, Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 31/05/2024

4/ Loại mẫu : Tiếng ồn

5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2:2018	30 ÷ 120 dBA

BẢNG KẾT QUẢ ĐO TIẾNG ỒN

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)
583-05/24-3.1KKXQ.Khu vực cách hệ thống xử lý nước thải khoảng 20 m về hướng khu vực Căn tin của Nhà máy (X=592367; Y=1103220)	50
Gới hạn tối đa cho phép trong khu vực công cộng và dân cư (QCVN 26:2010/BTNMT)	Từ 6 giờ – 21 giờ: 70 21 giờ – 6 giờ: 55

Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG


Quách Văn Duy

KT GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM
CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG
COSHET
Hà Thụy Ngọc Diễm

Số : 583-05/24-3.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 10 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV CY VINA –

NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG CÁC LOẠI VALI, TÚI XÁCH

2/ Địa chỉ : Lô N, đường số 1, Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 31/05/2024

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³
2	CO*	SOP_K01-LM	SOP_K01-PT	0,044 mg/m ³
3	SO ₂ *	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995	0,015 mg/m ³
4	NO ₂ *	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009	0,006 mg/m ³
5	H ₂ S*	MASA 701	MASA 701	0,0057 mg/m ³
6	NH ₃ *	TCVN 5293:1995	TCVN 5293:1995	0,02 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi	CO	SO ₂	NO ₂	H ₂ S	NH ₃
	(mg/m ³)	(mg/m ³)	(mg/m ³)	(mg/m ³)	(mg/m ³)	(mg/m ³)
583-05/24-3.1KKXQ.Khu vực cách hệ thống xử lý nước thải khoảng 20 m về hướng khu vực Căn tin của Nhà máy (X=592367; Y=1103220)	0,13	1,53	0,039	0,028	KPH	KPH
Quy chuẩn về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05 : 2023/BTNMT)	0,3	30	0,35	0,2	0,042	0,2

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

Kết quả thử nghiệm được tính ở nhiệt độ 25°C và áp suất tuyệt đối 760 mm thủy ngân, tương đương mg/Nm³.

KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG



Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM
CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG
COSHET
Hà Thụy Ngọc Diễm

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

2/3

BM02-TT17, Lần BH 03; SĐ 00 (02/10/2023)

Số : 583-05/24-3.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 10 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV CY VINA –

NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG CÁC LOẠI VALI, TÚI XÁCH

2/ Địa chỉ : Lô N, đường số 1, Khu công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 31/05/2024

4/ Loại mẫu : 583-05/24-3.1NT.Nước thải đầu ra của Hệ thống xử lý

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40: 2011/BTNMT (Cột B; Kq=0,9; Kf=1,1)	Phương pháp phân tích
-	Lấy và bảo quản Nước thải*	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
-	Lấy và bảo quản mẫu vi sinh*	-	-	-	-	TCVN 8880:2011
1	pH*(31,0°C)	-	6,92	2÷12	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/L	40	1,5	99	SMEWW 2540.D:2023
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)*	mg/L	19	2,0	148,5	SMEWW 5220.C:2023
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)*	mg/L	9	1,0	49,5	TCVN 6001-1:2021
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)**	mg/L	6,78	0,010	9,9	TCVN 6179-1:1996
6	Sunfua*	mg/L	KPH	0,015	0,495	SMEWW 4500-S ² .B&D:2023
7	Dầu, mỡ khoáng*	mg/L	KPH	0,3	9,9	SMEWW 5520.B&F:2023
8	Coliform*	MPN/100mL	1.200	2	5.000	SMEWW 9221.B:2023

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Quách Văn Duy



**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

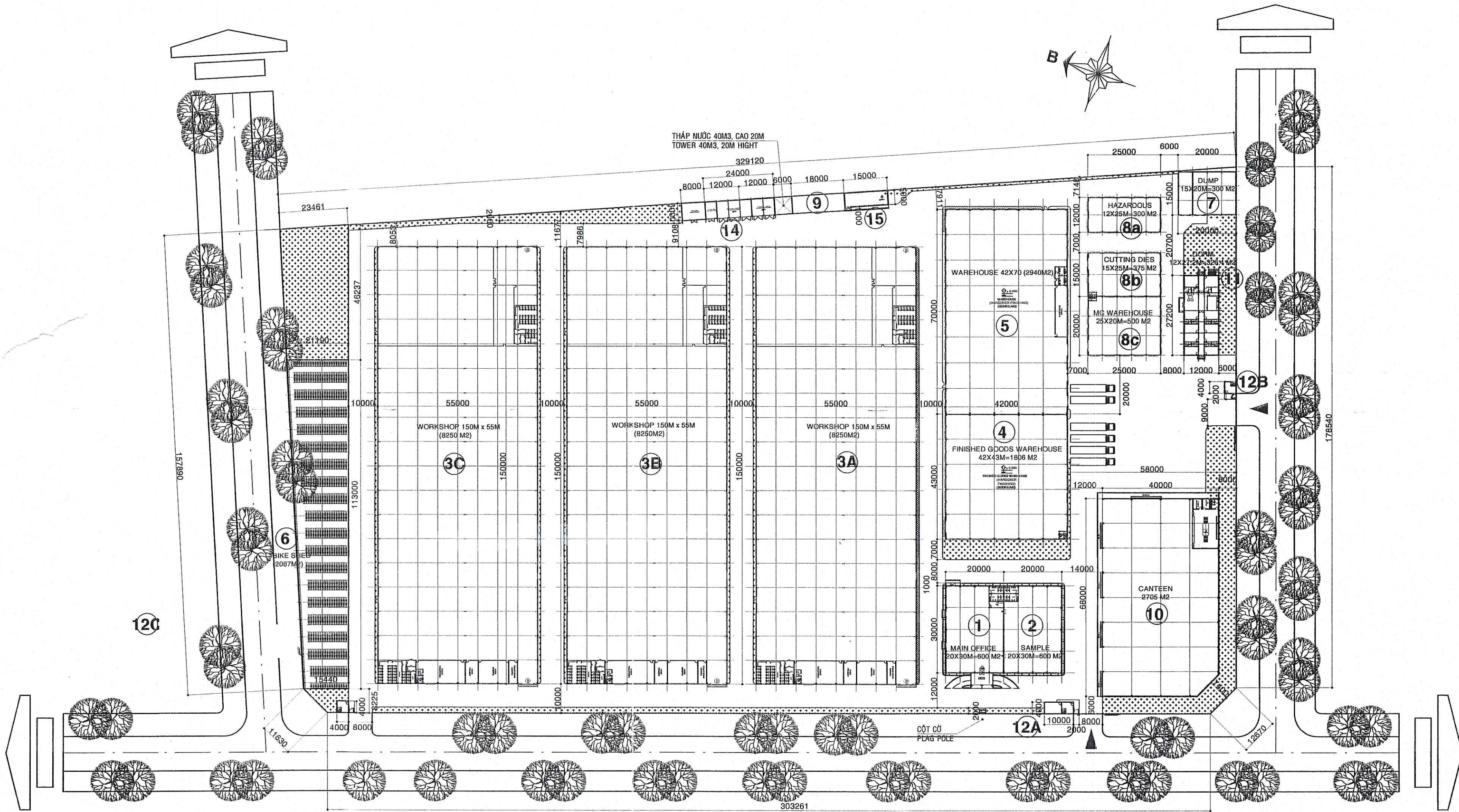
**TRUNG TÂM
CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG
COSHET**

Hà Thụy Ngọc Diễm

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

3/3

DC NOT SCALE DRAWING - COPYRIGHT RESERVED - ALL MEASUREMENT MUST BE CHECKED ON SITE



MASTER GROUND FLOOR PLAN - MẶT BẰNG TỔNG THỂ TRỆT
TỈ LỆ: 1/1000 (SCALE: 1/1000)

GHI CHÚ (LEGEND):

DESCRIPTION	UNIT	W (M)	L (M)	AREA	DESCRIPTION	UNIT	W (M)	L (M)	AREA	DESCRIPTION	UNIT	AREA
1. MAIN OFFICE (VĂN PHÒNG)	M2	20.00	30.00	600.00	8b. CUTTING ROOM (PHÒNG CẮT)	M2	15.00	25.00	375.00	CONSTRUCTION RATE	(%)	65.60
2. SAMPLE (PHÒNG MẪU)	M2	20.00	30.00	600.00	8c. MC WAREHOUSE (KHO MÂY)	M2	20.00	25.00	500.00	15. GREEN AREA	M2	5,576.00
3A. WORK SHOP A (XƯỞNG 3A)	M2	55.00	150.00	8,250.00	9. UNDERGROUND WATERTANK, TOWER (HỒ NƯỚC NGẦM 300M3, THÁP NƯỚC 40M3)	M2/M3			300.00	16. ROAD	M2	14,070.10
3B. WORK SHOP B (XƯỞNG 3B)	M2	55.00	150.00	8,250.00	10. CANTEEN (NHÀ ĂN)	M2			2,705.00	LAND AREA	M2	57,254.50
3C. WORK SHOP C (XƯỞNG 3C)	M2	55.00	150.00	8,250.00	11. DORMITORY (NHÀ NGHỈ CHUYÊN GIA)	M2	27.20	12.00	326.40			
4 FINISHING WAREHOUSE (KHO HOÀN THIỆN)	M2	42.00	43.00	1,806.00	12a. GUARD HOUSE A (NHÀ BẢO VỆ A)	M2	4.00	10.00	40.00			
5. WAREHOUSE (NHÀ KHO)	M2	42.00	70.00	2,940.00	12b. GUARD HOUSE B (NHÀ BẢO VỆ B)	M2	4.00	4.00	16.00			
6. BIKE SHED (NHÀ XE)	M2			2,067.00	12c. GUARD HOUSE C (NHÀ BẢO VỆ C)	M2	4.00	4.00	16.00			
7. DUMP (NHÀ RÁC)	M2	20.00	15.00	300.00	13. TRANSFORMER, ELECTRICAL ROOM (1 SET)	M2	6.00	32.00	144.00			
8a. HAZARDOUS (KHO HÓA CHẤT)	M2	12.00	25.00	300.00	14. MAINTENANCE HOUSE (NHÀ BẢO TRÌ)	M2	5.00	15.00	75.00			
					TOTAL	M2			37,608.40			

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
C Y VINA CO L.T.D.

THẨM ĐỊNH THẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

T.T No	NỘI DUNG HIỆU CHỈNH REVISION CONTENTS	BY	NGÀY DATE
A	ISSUED FOR CONSTRUCTION	C1C	15.10.10
B			
C			
D			

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
ISSUED FOR

T.K CƠ SỞ	<input type="checkbox"/>	CONCEPT DESIGN
TRÌNH DUYỆT	<input type="checkbox"/>	APPROVAL
THI CÔNG	<input checked="" type="checkbox"/>	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	<input type="checkbox"/>	AS-BUILT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DẦU MỎ CÔNG NGHIỆP SỐ 1
CIVIL INDUSTRIAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY No.1



PHÓ GIÁM ĐỐC - DEPUTY DIRECTOR
CÔNG NGHIỆP SỐ 1
ĐỒNG NAI
T. BIÊN HÒA

ENG. ÔN VĂN ĐỒNG
CHỦ TRÌ PROJECT MANAGER

ENG. ÔN VĂN ĐỒNG
THIẾT KẾ - DESIGNED BY

KIỂM - CHECKED BY

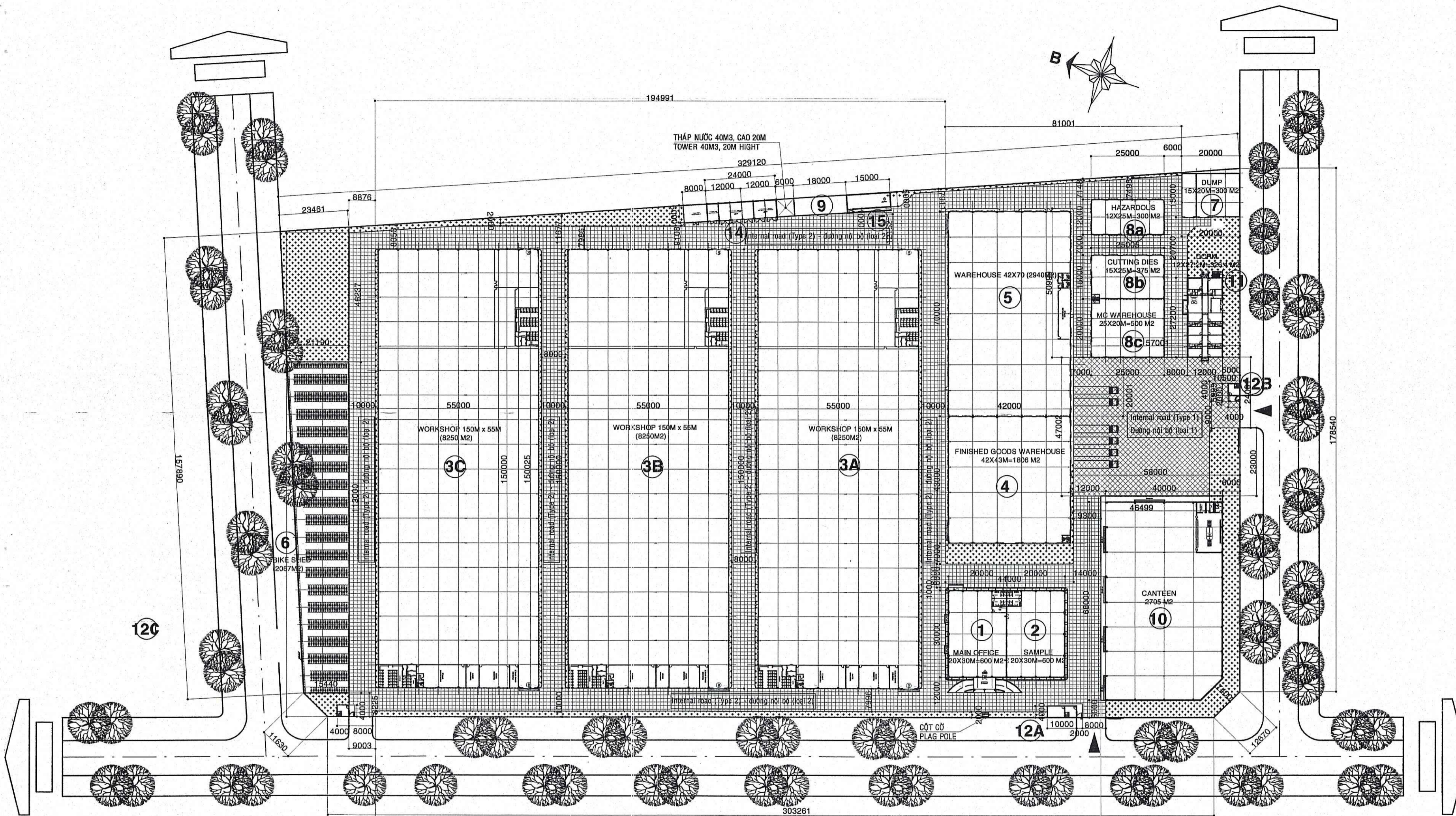


HẠNG MỤC - ITEM
**MẶT BẰNG TỔNG THỂ MÁI
(MASTER ROOF PLAN)**

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE
**MẶT BẰNG TỔNG THỂ TRỆT
(MASTER GROUND FLOOR PLAN)**

TỶ LỆ SCALE	1/100	TỔNG SỐ BẢN VẼ DWG TOTAL	05
SỐ BẢN VẼ DRAWING NO.	03-2011A-02-05		
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUE DATE	03/2011		

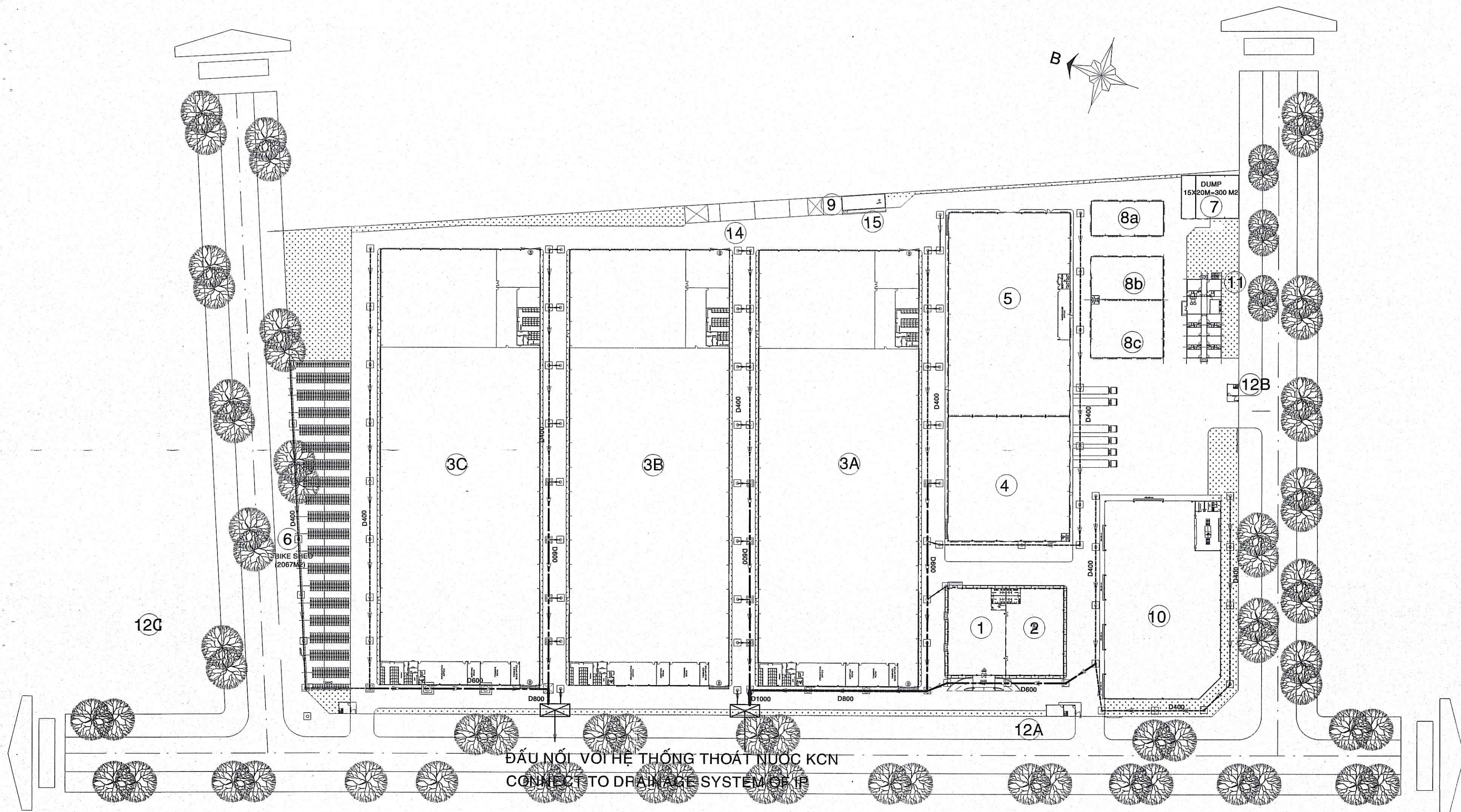
DO NOT SCALE DRAWING - COPYRIGHT RESERVED - ALL MEASUREMENT MUST BE CHECKED ON SITE



MASTER PLAN TRAFFIC - MẶT BẰNG TỔNG THỂ GIAO THÔNG
 TỈ LỆ: 1/1000 (SCALE: 1/1000)

- Internal road (Type 1) - đường nội bộ (loại 1)
Heavy road (Long vehicle)
- Internal road (Type 2) - đường nội bộ (loại 2)
Light road (Van)

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR			
C Y VINA CO L.T.D.			
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ			
INSPECTING AUTHORITY			
T.T No	NỘI DUNG HIỆU CHỈNH REVISION CONTENTS	BY	NGÀY DATE
A	ISSUED FOR CONSTRUCTION	C1C	15.10.10
B			
C			
D			
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH			
ISSUED FOR			
T.K CƠ SỞ	<input type="checkbox"/>	CONCEPT DESIGN	
TRÌNH DUYỆT	<input type="checkbox"/>	APPROVAL	
THI CÔNG	<input checked="" type="checkbox"/>	CONSTRUCTION	
HOÀN CỨNG	<input type="checkbox"/>	AS-BUILT	
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DẦU DUNG CÔNG NGHIỆP SỐ 1			
CIVIL INDUSTRIAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY No.1			
15 ĐƯỜNG KHUÊ STREET, TÂN TIỀN WARD, BIÊN HÒA CITY, ĐỒNG NAI PROVINCE Tel: (061) 3996107 Fax: (061) 3407648 Email: cty@cdcc.vn http://www.cdcc.vn			
PHÓ GIÁM ĐỐC - DEPUTY DIRECTOR 			
ENG. ÔN VĂN DŨNG CHỦ TRÌ-PROJECT MANAGER			
ENG. ÔN VĂN DŨNG THIẾT KẾ - DESIGNED BY 			
KIỂM - CHECKED BY			
CÔNG TRÌNH - PROJECT C Y VINA CO L.T.D. CO L.T.D. 			
ĐỊA ĐIỂM- LOCATION LONG DỤC INDUSTRIAL PARK TRÀ VINH PROVINCE 			
HẠNG MỤC - ITEM MASTER PLAN TRAFFIC MẶT BẰNG TỔNG THỂ GIAO THÔNG			
TÊN BẢN VẼ- DRAWING TITLE MASTER PLAN TRAFFIC MẶT BẰNG TỔNG THỂ GIAO THÔNG			
TỶ LỆ SCALE	1/100	TỔNG SỐ BẢN VẼ DWG TOTAL	05
SỐ BẢN VẼ DRAWING No.	03-2011A-03-05		
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUE DATE	03/2011		



**MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA (TỪ MÁI)
(FROM ROOF) RAIN DRAINAGE SYSTEM MASTER PLAN**

NOTES:

— R.C. PIPE D300	☒ 300M3 UNDERGROUND WATER TANK
— R.C. PIPE D400	□ MANHOLE - TYPE D
— R.C. PIPE D600	□ MANHOLE - TYPE C
— R.C. PIPE D800	□ MANHOLE - TYPE B
— R.C. PIPE D1000	□ MANHOLE - TYPE A

GHI CHÚ (LEGEND):

1. VĂN PHÒNG (1. MAIN OFFICE 20X30M=600 M2)	4. NHÀ KHO HOÀN THIỆN (4. FINISHED GOODS WAREHOUSE (42X43M=1806 M2)	7. NHÀ RÁC (7. DUMP 15X20M=300 M2)	9. HỒ NƯỚC NGẦM 5x10x4= 200 M3 - THÁP NƯỚC (9.UNDERGROUND WATERTANK 5x10x4= 200 M3 - WATER TOWER)	12 A. NHÀ BẢO VỆ CHÍNH 4M x 10M (12 A. MAIN GUARD HOUSE 4M x 10M)	14. TRẠM BIẾN ĐIỆN, MÁY PHÁT (14. TRANSFORMER, ELECTRICAL ROOM, GENERATOR ROOM)
2. PHÒNG MẪU (2. SAMPLE 20X30M=600 M2)	5. WAREHOUSE (5. XƯỞNG 42X70 = 2940M2)	8a. KHO VẬT LIỆU (8a.HAZARDOUS 12X25M=300 M2)	10. NHÀ ĂN (10. CAN TEEN 2705 M2)	12 B. NHÀ BẢO VỆ 4M x 4M (12 B. GUARD HOUSE 4M x 4M)	15. NHÀ BẢO TRÌ (15. MAINTENANCE HOUSE 5 x 15 M= 75M2)
3. XƯỞNG A, B, C (3. WORKSHOP A, B, C) (150M x 55M = 8250 M2)	6. NHÀ XE (6.BIKE SHED 2067M2)	8b. PHÒNG CẮT (8a.CUTTING ROOM 15X25M=375 M2)	11. NHÀ NGHỈ CHUYÊN GIA (11. DORMITORY 12X27.2M=326.4 M2)		
		8c. KHO MÁY (8c.MC WAREHOUSE 25X20M=500 M2)			

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
D. Y. PARK

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

T.T No	NỘI DUNG HIỆU CHỈNH REVISION CONTENTS	BY	NGÀY DATE
A	ISSUED FOR CONSTRUCTION	C1C	04-03-2011
B			
C			
D			

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
ISSUED FOR

T.K CỨ SỞ CONCEPT DESI
TRÌNH DUYỆT APPROVAL
THI CÔNG CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG AS-BUILT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DÂN DỤNG CÔNG NGHIỆP SỐ 1
CIVIL INDUSTRIAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY No.1

PHÓ GIÁM ĐỐC - DEPUTY DIRECTOR
CÔNG NGHIỆP SỐ 1
ĐỒNG NAI - T.Đ.

ENG. ÔN VĂN DŨNG
CHỦ TRÌ-PROJECT MANAGER

ENG. ÔN VĂN DŨNG
THIẾT KẾ - DESIGNED BY

KIỂM - CHECKED BY

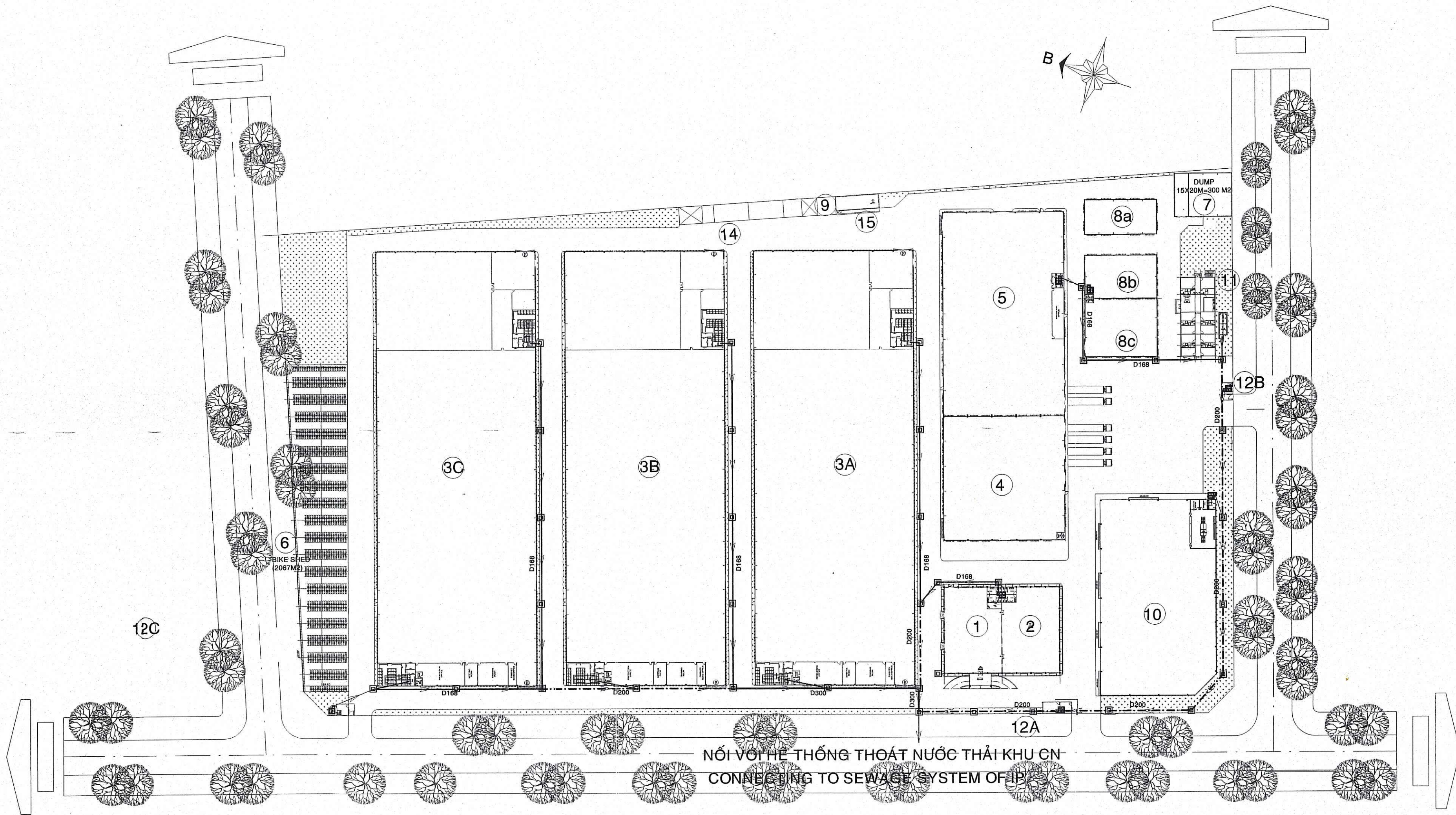
CÔNG TRÌNH - PROJECT
PARK CORP VIỆT NAM LTD
PARK TRÀ VINH FACTORY

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION
LONG ĐỨC INDUSTRIAL PARK
TRÀ VINH PROVINCE

HẠNG MỤC - ITEM
MASTER PLAN
MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE
MASTER PLAN
MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TỶ LỆ SCALE	TỔNG SỐ BẢN VẼ DWG.TOTAL	00000
SỐ BẢN VẼ DRAWING No.	P-M-01	
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUE DATE	03/2011	



MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC THẢI SEWER SYSTEM MASTER PLAN

GHI CHÚ (LEGEND):

- 1. VĂN PHÒNG
(1. MAIN OFFICE 20X30M=600 M2)
- 2. PHÒNG MẪU
(2. SAMPLE 20X30M=600 M2)
- 3. XƯỞNG A, B, C
(3. WORKSHOP A, B, C)
(150M x 55M = 8250 M2)

- 4. NHÀ KHO HOÀN THIỆN
(4. FINISHED GOODS WAREHOUSE)
(42X43M=1806 M2)
- 5. WAREHOUSE
(5. XƯỞNG 42X70 = 2940M2)
- 6. NHÀ XE
(6.BIKE SHED 2067M2)

- 7. NHÀ RÁC
(7. DUMP 15X20M=300 M2)
- 8a. KHO VẬT LIỆU
(8a.HAZARDOUS 12X25M=300 M2)
- 8b. PHÒNG CẮT
(8a.CUTTING ROOM 15X25M=375 M2)
- 8c. KHO MÁY
(8c.MC WAREHOUSE 25X20M=500 M2)

- 9. HỒ NƯỚC NGẦM 5x10x4= 200 M3
- THÁP NƯỚC
(9.UNDERGROUND WATERTANK
5x10x4= 200 M3 - WATER TOWER)
- 10. NHÀ ĂN
(10. CAN TEEN 2705 M2)
- 11. NHÀ NGHỈ CHUYÊN GIA
(11. DORMITORY 12X27.2M=326.4 M2)

- 12 A. NHÀ BẢO VỆ CHÍNH 4M x 10M
(12 A. MAIN GUARD HOUSE 4M x 10M)
- 12 B. NHÀ BẢO VỆ 4M x 4M
(12 B. GUARD HOUSE 4M x 4M)
- 12 C. NHÀ BẢO VỆ 4M x 4M
(12 C. GUARD HOUSE 4M x 4M)

- 14. TRẠM BIẾN ĐIỆN, MÁY PHÁT
(14. TRANSFORMER, ELECTRICAL ROOM,
GENERATOR ROOM)

- 15. NHÀ BẢO TRÌ
(15. MAINTENANCE HOUSE
5 x 15 M= 75M2)

NOTES:

—	PVC PIPE D114		MANHOLE - TYPE E
- - -	PVC PIPE D149		SEPTIC TANK - TYPE 3
- . - . -	PVC PIPE D168		SEPTIC TANK - TYPE 2
- - - - -	PVC PIPE D200		SEPTIC TANK - TYPE 1
— — — — —	R.C. PIPE D300		

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
D. Y. PARK

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

T.T No	NỘI DUNG HIỆU CHỈNH REVISION CONTENTS	BY	NGÀY DATE
A	ISSUED FOR CONSTRUCTION	C/C	04-03-2011
B			
C			
D			

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
ISSUED FOR

T.K CỐ SỞ CONCEPT DESIGN
TRÌNH DUYỆT APPROVAL
THI CÔNG CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG AS-BUILT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DÂN DỤNG CÔNG NGHIỆP SỐ 1
CIVIL INDUSTRIAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY No.1

15 ĐOÀNG KHÔI STREET, TÂN THIỆN WARD, BÌNH HOÀ CITY, ĐỒNG NAI PROVINCE
Tel: (061) 3396107 - Fax: (061) 3876548
Email: cic@stcm.com
http://www.stcm.com

PHÓ GIÁM ĐỐC - DEPUTY DIRECTOR
CÔNG NGHIỆP SỐ 1
ĐỒNG NAI
ĐỒNG NAI PROVINCE

ENG. ÔN VĂN DŨNG
CHỦ TRÌ-PROJECT MANAGER

ENG. ÔN VĂN DŨNG
THIẾT KẾ - DESIGNED BY

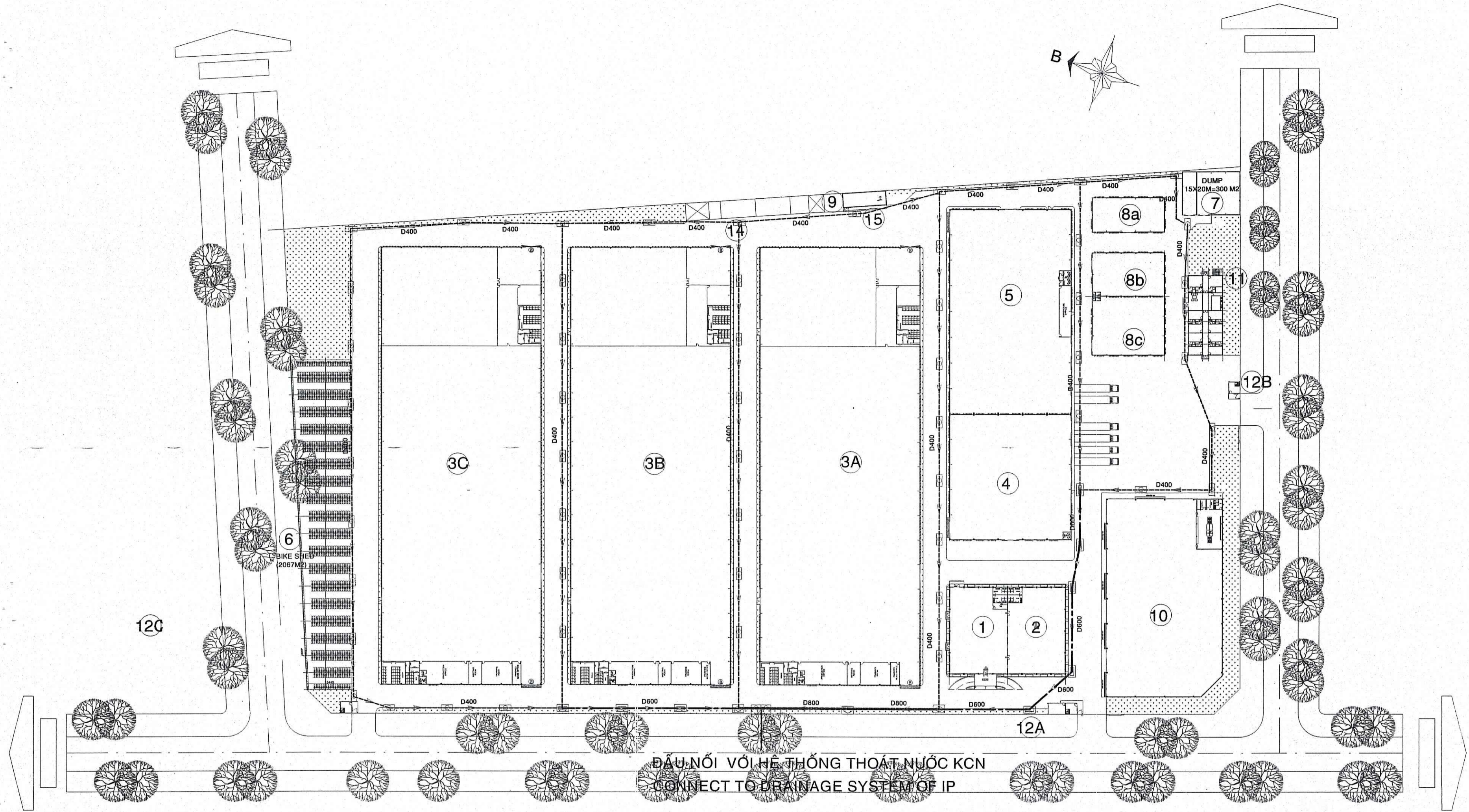
KIỂM - CHECKED BY

CÔNG TRÌNH - PROJECT
PARK CORP-VIETNAM LTD.,
PARK TRÁI VINH FACTORY
TRÁI VINH INDUSTRIAL PARK
TRÁI VINH PROVINCE

HẠNG MỤC - ITEM
MASTER PLAN
MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ- DRAWING TITLE
MASTER PLAN
MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TỶ LỆ SCALE	TỔNG SỐ BẢN VẼ DWG.TOTAL	00000
SỐ BẢN VẼ DRAWING No.	P-M-03	
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUE DATE	03/2011	



**MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA (MẶT ĐƯỜNG)
(FROM ROAD) RAIN DRAINAGE SYSTEM LAYOUT PLAN**

NOTES:

R.C. PIPE D300	300MS UNDERGROUND WATER TANK
R.C. PIPE D400	MANHOLE - TYPE H
R.C. PIPE D600	MANHOLE - TYPE I
R.C. PIPE D800	MANHOLE - TYPE J
R.C. PIPE D1000	MANHOLE - TYPE A

GHI CHÚ (LEGEND):

1. VĂN PHÒNG (1. MAIN OFFICE 20X30M=600 M2)	4. NHÀ KHO HOÀN THIỆN (4. FINISHED GOODS WAREHOUSE) (42X43M=1806 M2)	7. NHÀ RÁC (7. DUMP 15X20M=300 M2)	9. HỒ NƯỚC NGẦM 5x10x4= 200 M3 - THÁP NƯỚC (9.UNDERGROUND WATERTANK 5x10x4= 200 M3 - WATER TOWER)	12 A. NHÀ BẢO VỆ CHÍNH 4M x 10M (12 A. MAIN GUARD HOUSE 4M x 10M)	14. TRẠM BIẾN ĐIỆN, MÁY PHÁT (14. TRANSFORMER, ELECTRICAL ROOM, GENERATOR ROOM)
2. PHÒNG MẪU (2. SAMPLE 20X30M=600 M2)	5. WAREHOUSE (5. XƯỞNG 42X70 = 2940M2)	8a. KHO VẬT LIỆU (8a.HAZARDOUS 12X25M=300 M2)	10. NHÀ ĂN (10. CAN TEEN 2705 M2)	12 B. NHÀ BẢO VỆ 4M x 4M (12 B. GUARD HOUSE 4M x 4M)	15. NHÀ BẢO TRÌ (15. MAINTENANCE HOUSE 5 x 15 M= 75M2)
3. XƯỞNG A, B, C (3. WORKSHOP A, B, C) (150M x 55M = 8250 M2)	6. NHÀ XE (6.BIKE SHED 2067M2)	8b. PHÒNG CẮT (8a.CUTTING ROOM 15X25M=375 M2)	11. NHÀ NGHỈ CHUYÊN GIA (11. DORMITORY 12X27.2M=326.4 M2)		
		8c. KHO MÁY (8c.MC WAREHOUSE 25X20M=500 M2)			

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
D. Y. PARK

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

T.T No	NỘI DUNG HIỆU CHỈNH REVISION CONTENTS	BY	NGÀY DATE
A	ISSUED FOR CONSTRUCTION	C1C	04 -03 - 2011
B			
C			
D			

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
ISSUED FOR

T.K CỐ SỞ CONCEPT DESI

TRÌNH DUYỆT APPROVAL

THI CÔNG CONSTRUCTION

HOÀN CÔNG AS-BUILT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DẪN DỤNG CÔNG NGHIỆP SỐ 1
CIVIL INDUSTRIAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY No.1

15 ĐƯỜNG KHÔI STREET, TÂN THIỆN WARD, BÌNH HOÀ CITY, ĐỒNG NAI PROVINCE
Tel: (84) 5846107 Fax: (84) 5846108
Email: c1c@ctc.vn http://www.ctc.vn

PHÓ GIÁM ĐỐC/ DEPUTY DIRECTOR
DẪN DỤNG
CÔNG NGHIỆP SỐ 1
ĐỒNG NAI

ENG. ÔN VĂN DŨNG
CHỦ TRÌ-PROJECT MANAGER

ENG. ÔN VĂN DŨNG
THIẾT KẾ - DESIGNED BY

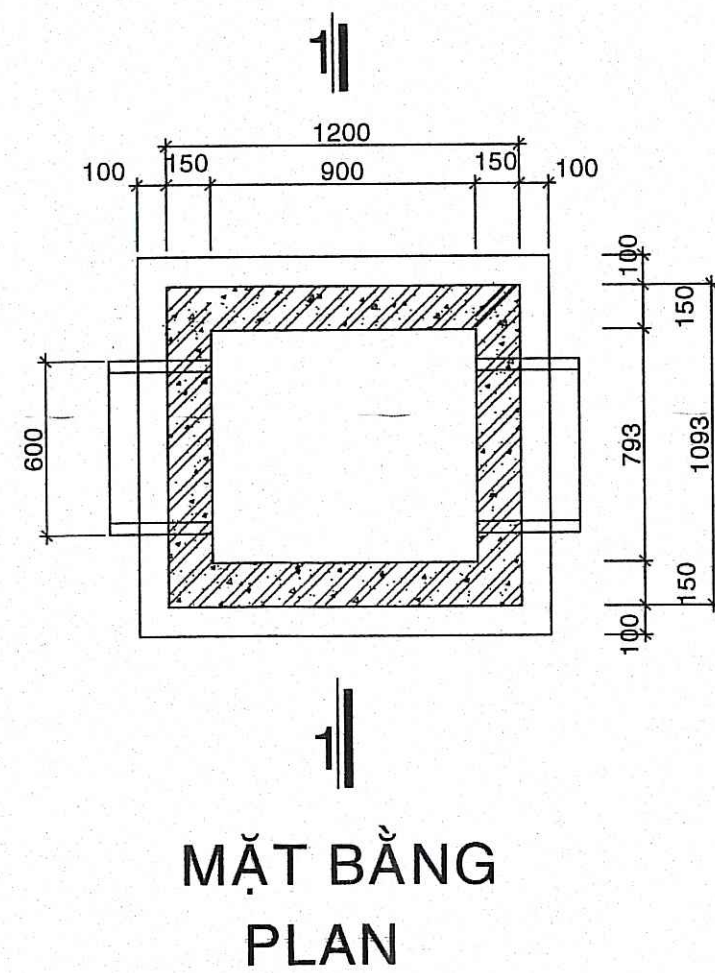
KIỂM - CHECKED BY

CÔNG TRÌNH - PROJECT
PARK CORP VIET NAM LTD
PARK TRÁI VINH FACTORY
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION
LONG DUC INDUSTRIAL PARK
TRÁI VINH PROVINCE

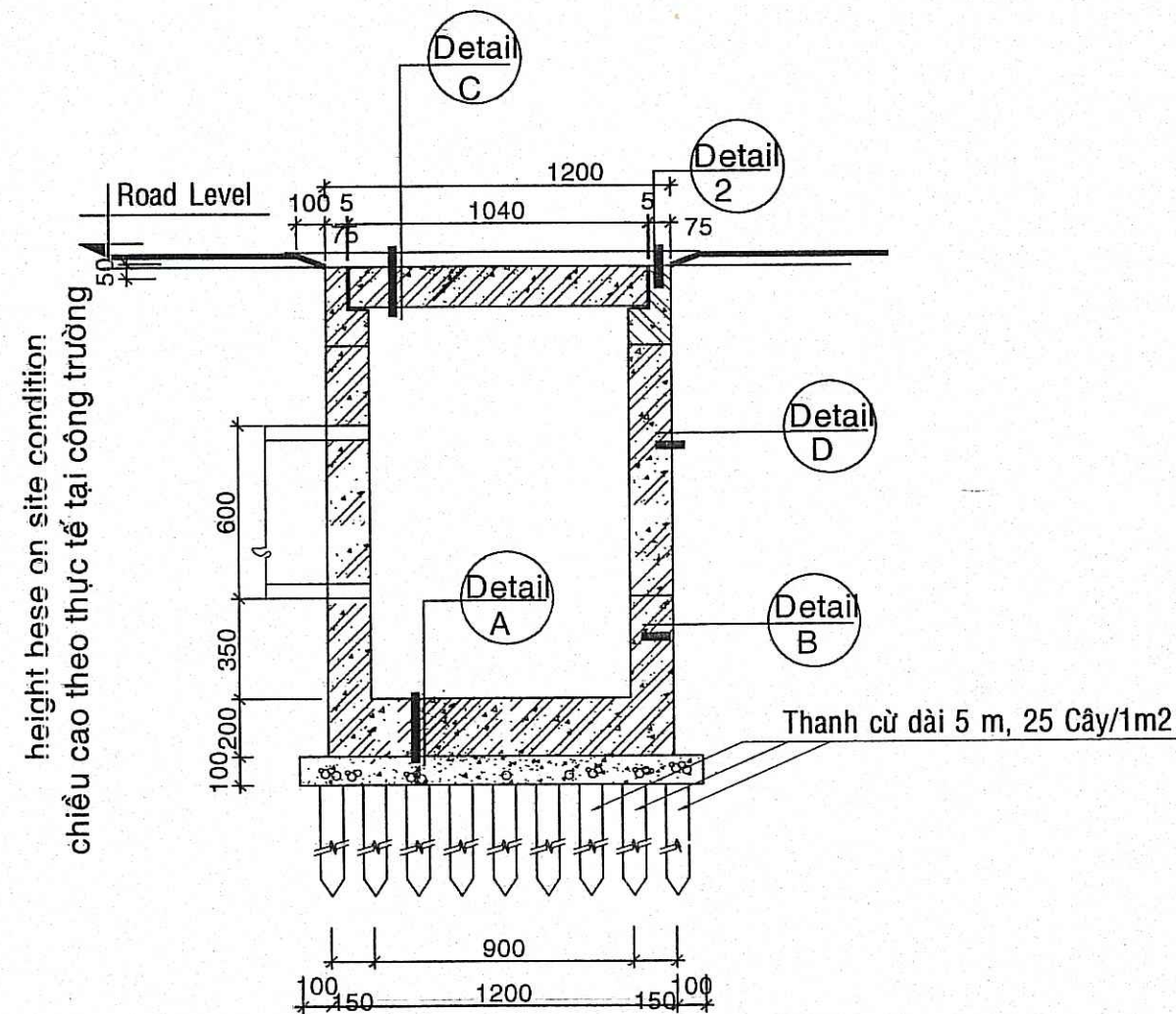
HẠNG MỤC - ITEM
MASTER PLAN
MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE
MASTER PLAN
MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TỶ LỆ SCALE	TỔNG SỐ BẢN VẼ DWG.TOTAL	00000
SỐ BẢN VẼ DRAWING No.	P-M-02	
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUE DATE	03/2011	

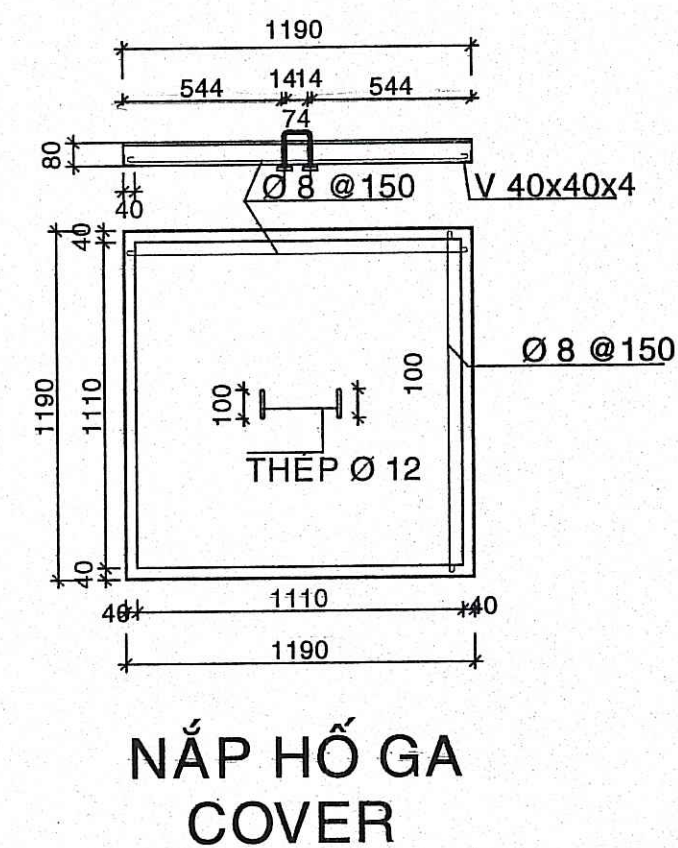


MẶT BẰNG
PLAN



MẶT CẮT 1-1
SECTION 1-1

CHI TIẾT HỐ GA LOẠI C (D600)
D600 MANHOLE TYPE C DETAIL



NẮP HỐ GA
COVER

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
D. Y. PARK

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

T.T No	NỘI DUNG HIỆU CHỈNH REVISION CONTENTS	BY	NGÀY DATE
A	ISSUED FOR CONSTRUCTION	CIC	04-03-2011
B			
C			
D			

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
ISSUED FOR

T.K CƠ SỞ	<input type="checkbox"/>	CONCEPT DES
TRÌNH DUYỆT	<input type="checkbox"/>	APPROVAL
THI CÔNG	<input checked="" type="checkbox"/>	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	<input type="checkbox"/>	AS-BUILT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DÂN DỤNG CÔNG NGHIỆP SỐ 1
CIVIL INDUSTRIAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY No.1



15 ĐƯỜNG KHÔI STREET, TÂN TIỀN WARD, BIÊN HÒA CITY, ĐỒNG NAI PROVINCE
TEL: (061) 3826107 Fax: (061) 3827848

PHÓ GIÁM ĐỐC - DEPUTY DIRECTOR
CÔNG NGHIỆP SỐ
ĐỒNG NAI

ENG. ÔN VĂN DŨNG
CHỦ TRÌ - PROJECT MANAGER

ENG. ÔN VĂN DŨNG
THIẾT KẾ - DESIGNED BY

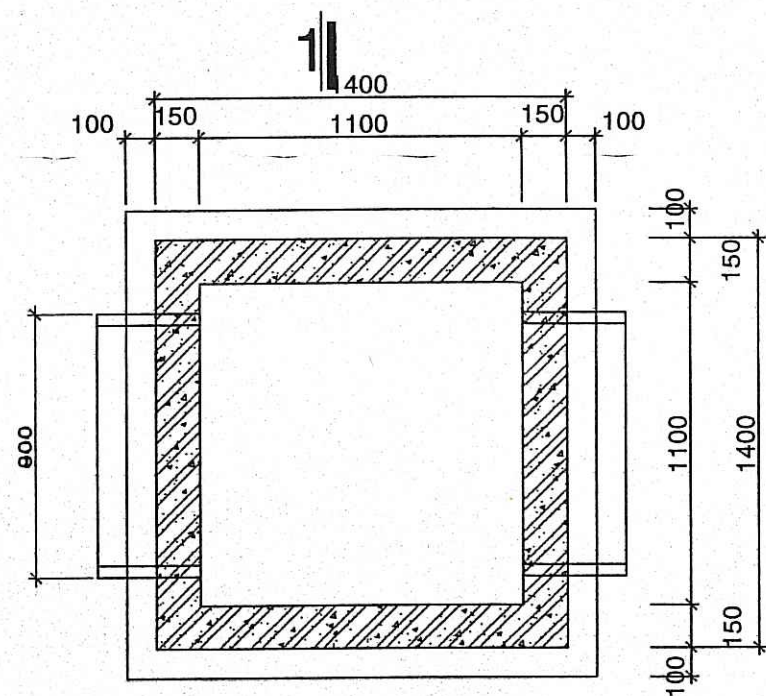
KIỂM - CHECKED BY

CÔNG TRÌNH - PROJECT
PARK CORP VIET NAM LTD
PARK TRÀ VINH FACTORY
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION
LONG DUC INDUSTRIAL PARK
TRÀ VINH PROVINCE

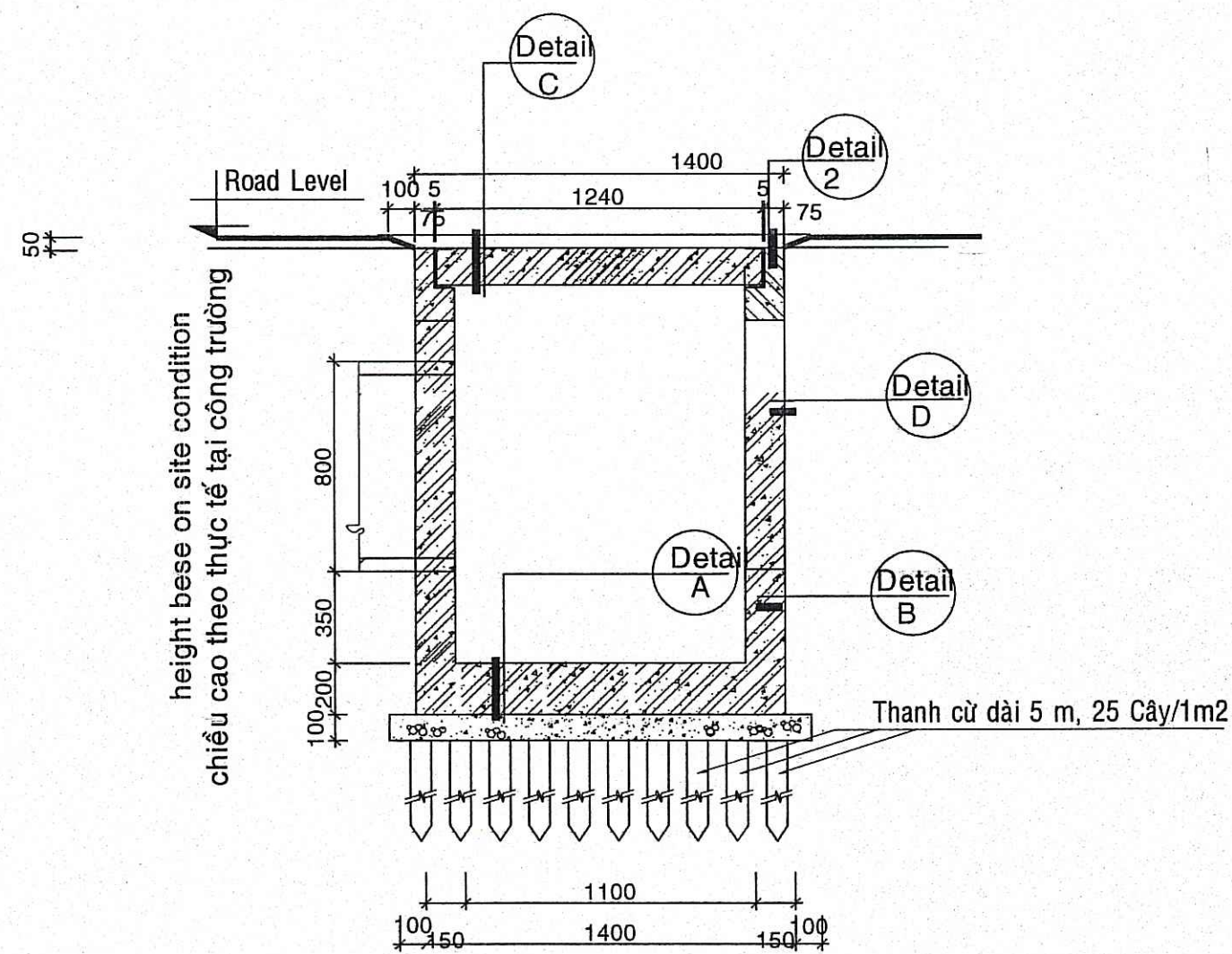
HẠNG MỤC - ITEM
PLUMBING
HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE
SEPTIC TANK DETAIL
CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI

TỶ LỆ SCALE	TỔNG SỐ BẢN VẼ DWG. TOTAL	00000
SỐ BẢN VẼ DRAWING No.	P-D-03	
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUE DATE	03/2011	

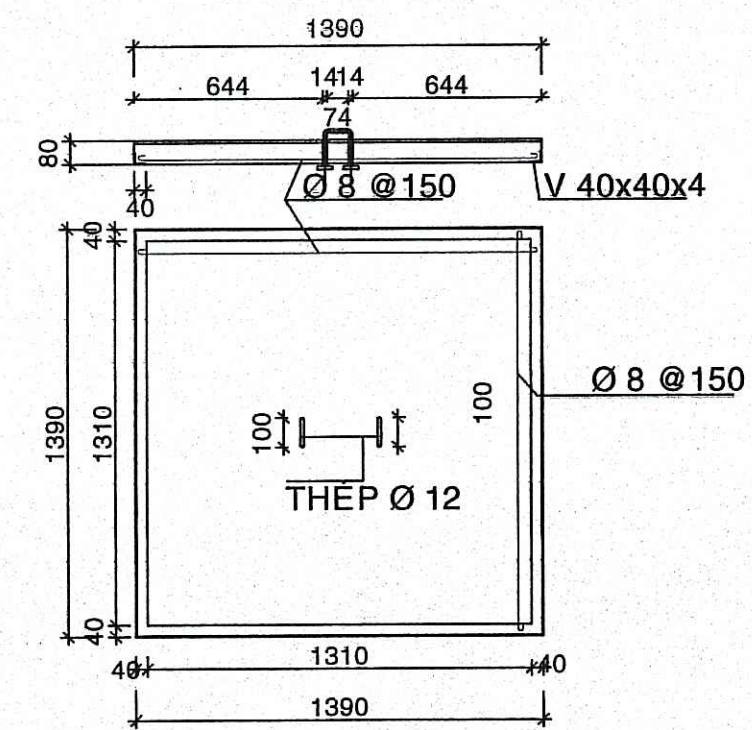


1-1
MẶT BẰNG
PLAN



MẶT CẮT 1-1
SECTION 1-1

CHI TIẾT HỐ GA LOẠI B (D800)
D800 MANHOLE TYPE B DETAIL



NẮP HỐ GA
COVER

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

D. Y. PARK

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

T.T No	NỘI DUNG HIỆU CHỈNH REVISION CONTENTS	BY	NGÀY DATE
A	ISSUED FOR CONSTRUCTION	GIC	04-03-2011
B			
C			
D			

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
ISSUED FOR

T.K CỐ SỞ CONCEPT DES

TRÌNH DUYỆT APPROVAL

THI CÔNG CONSTRUCTION

HOÀN CÔNG AS-BUILT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DẦU DUNG CÔNG NGHIỆP SỐ 1
CIVIL INDUSTRIAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY No.1



15 ĐÔNG KHÔI STREET, TÂN TIẾN WARD, BIÊN HOA CITY, DONG HAI PROVINCE

Tel: (84) 2906107 Fax: (84) 2927648

Email: otc@oic.vn

http://www.oic.vn



PHÓ GIÁM ĐỐC - DEPUTY DIRECTOR

DẦU DUNG

CÔNG NGHIỆP SỐ 1

ĐÔNG HAI

ENG. ÔN VĂN DŨNG - T. DONG HAI

CHỦ TRÌ-PROJECT MANAGER

ENG. ÔN VĂN DŨNG

THIẾT KẾ - DESIGNED BY

KIỂM - CHECKED BY

CÔNG TRÌNH - PROJECT

PARK CORP VIET NAM LTD.

PARK TRÁI VINH FACTORY

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION

LONG DUC INDUSTRIAL PARK

TRÁI VINH PROVINCE

HẠNG MỤC - ITEM

PLUMBING

HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC

TÊN BẢN VẼ- DRAWING TITLE

SEPTIC TANK DETAIL

CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI

TỶ LỆ SCALE

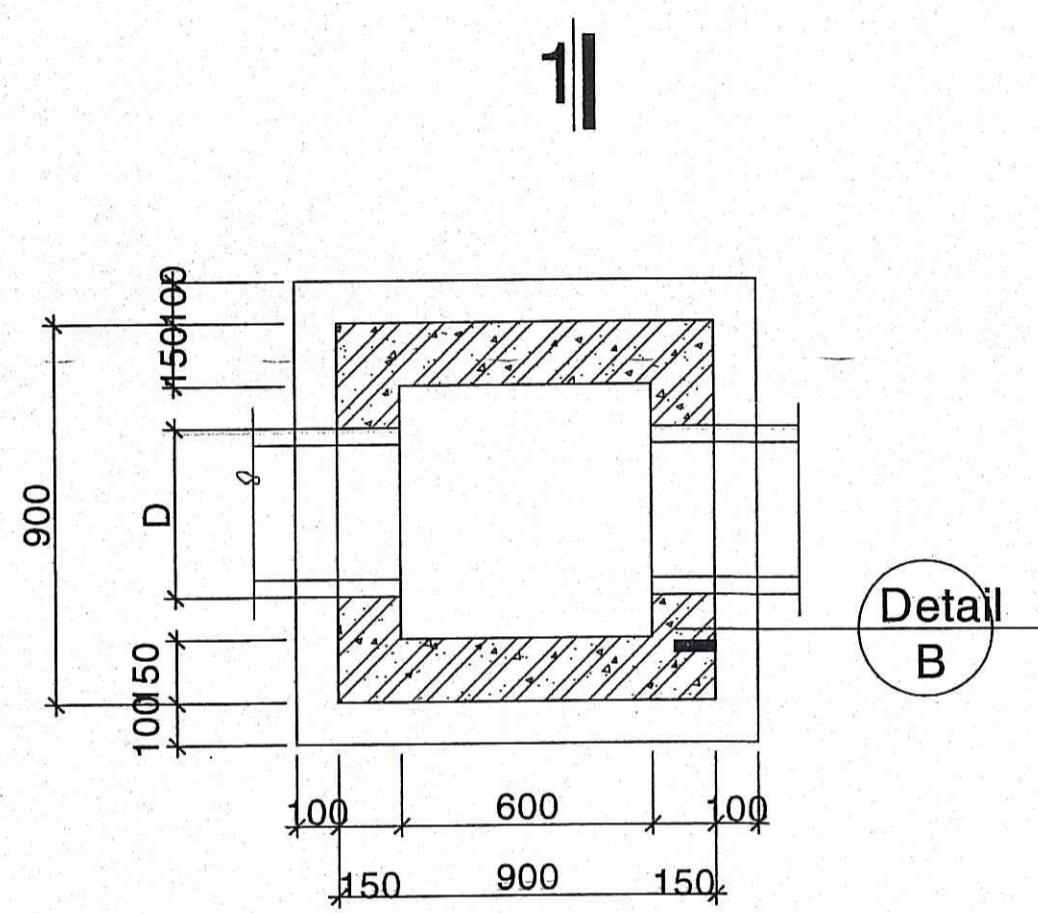
SỐ BẢN VẼ DRAWING No.

NGÀY PHÁT HÀNH ISSUE DATE

TỔNG SỐ BẢN VẼ DWG.TOTAL 00000

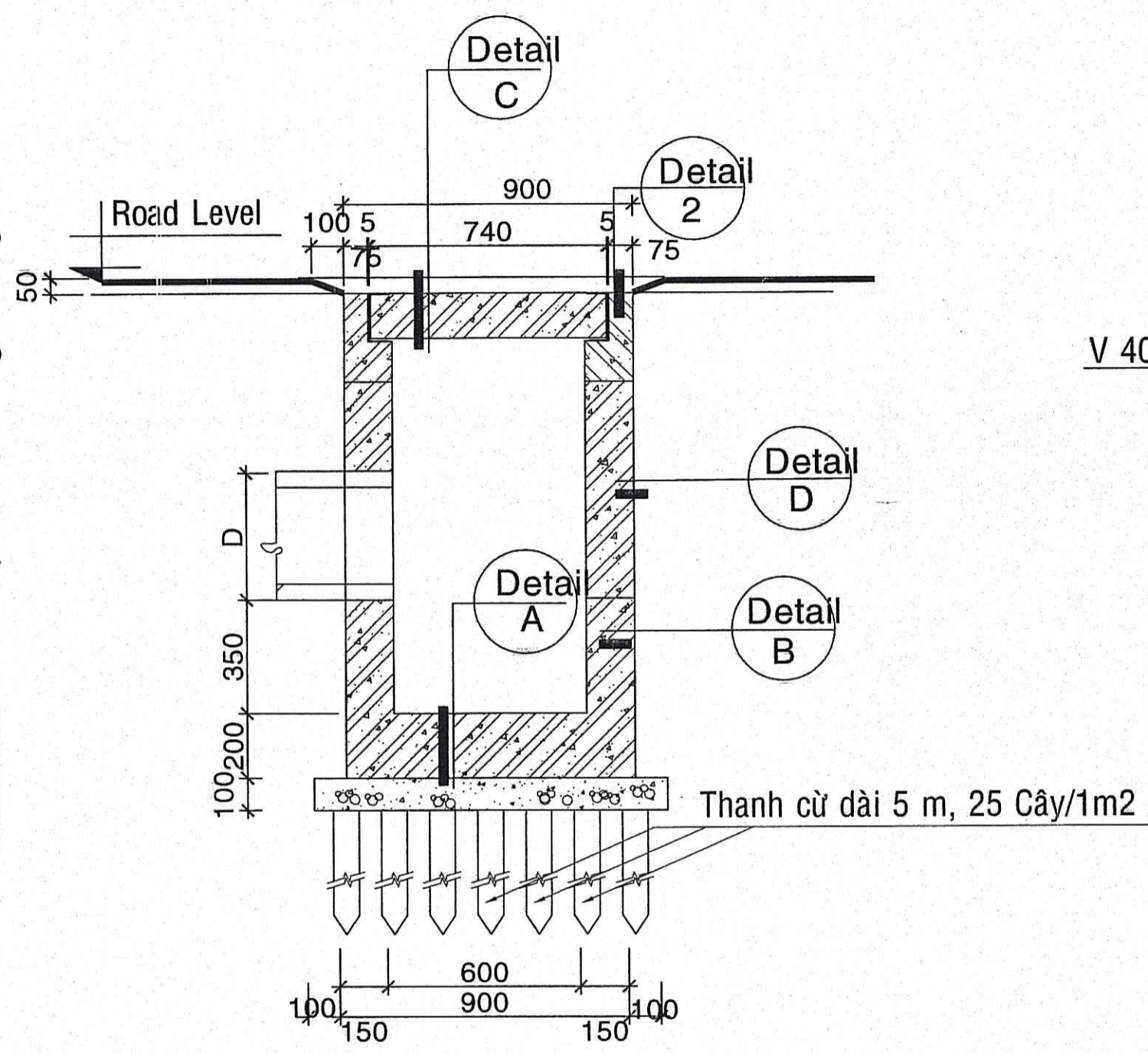
P-D-02

03/2011

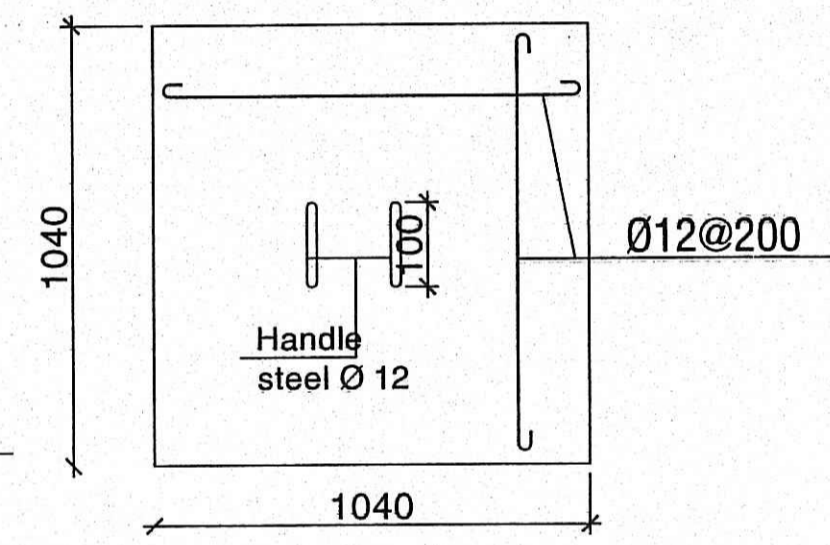
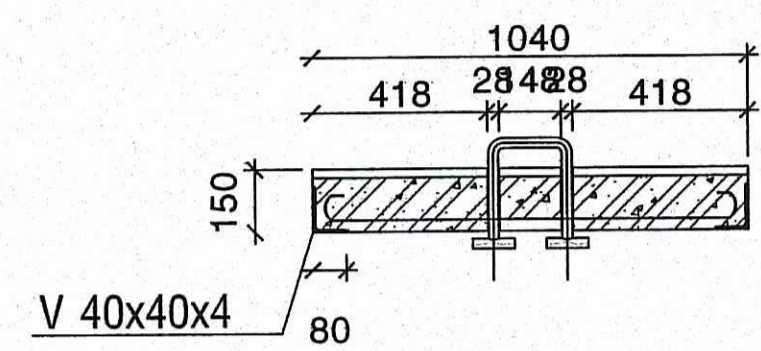


**MẶT BẰNG
PLAN**

height base on site condition
chiều cao theo thực tế tại công trường



**MẶT CẮT 1-1
SECTION 1-1**



**NẮP HỖ GA
COVER**

**CHI TIẾT HỖ GA LOẠI D&E (D300 & D400)
D300 & D400 MANHOLE TYPE D DETAIL**

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
D. Y. PARK

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

T.T No	NỘI DUNG HIỆU CHỈNH REVISION CONTENTS	BY	NGÀY DATE
A	ISSUED FOR CONSTRUCTION	CIC	04-03-2011
B			
C			
D			

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
ISSUED FOR

T.K CƠ SỞ CONCEPT DES
TRÌNH DUYỆT APPROVAL
THI CÔNG CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG AS-BUILT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DẪN DUNG CÔNG NGHIỆP SỐ 1
CIVIL INDUSTRIAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY No.1

CIC
10 ĐỒNG KHÔI STREET, TÂN THIỆN WARD, BÌNH HOÀ CITY, ĐỒNG HAI PROVINCE
Tel: (051) 2299107 Fax: (051) 3827546
Email: cic@icm.vn
http://www.cic.vn

PHÓ GIÁM ĐỐC - DEPUTY DIRECTOR
CÔNG NGHỆ SỐ
ĐỒNG HAI

ENG. ÔN VĂN DŨNG
CHỦ TRƯỞNG DỰ ÁN
PROJECT MANAGER

ENG. ÔN VĂN DŨNG
THIẾT KẾ - DESIGNED BY

KIỂM - CHECKED BY

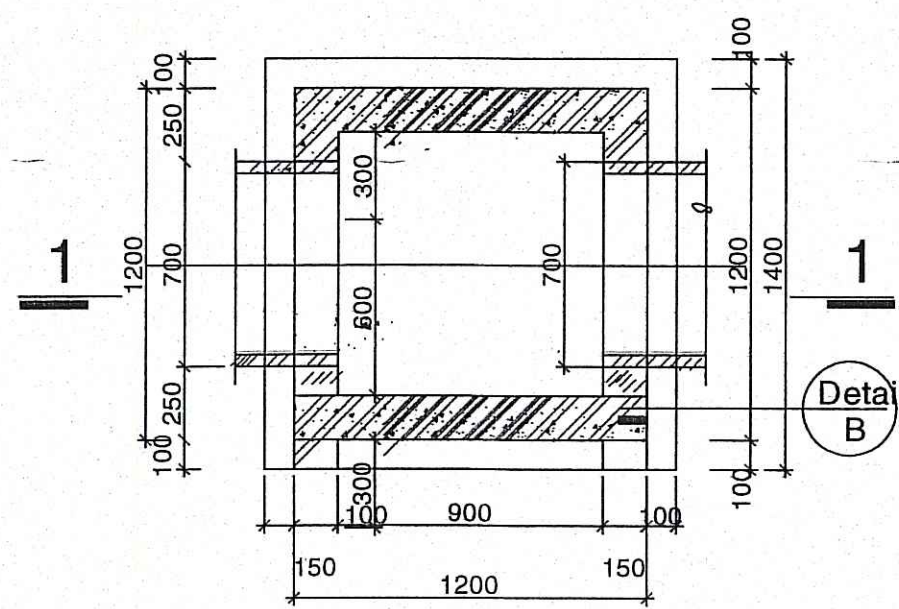
CÔNG TRÌNH - PROJECT
PARK CORP. VIET NAM LTD.,
PARK TRÁ VINH FACTORY
TRÁCH NHIỆM
CÔNG NGHỆ SỐ

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION
LONG ĐỨC INDUSTRIAL PARK
TRÁ VINH PROVINCE

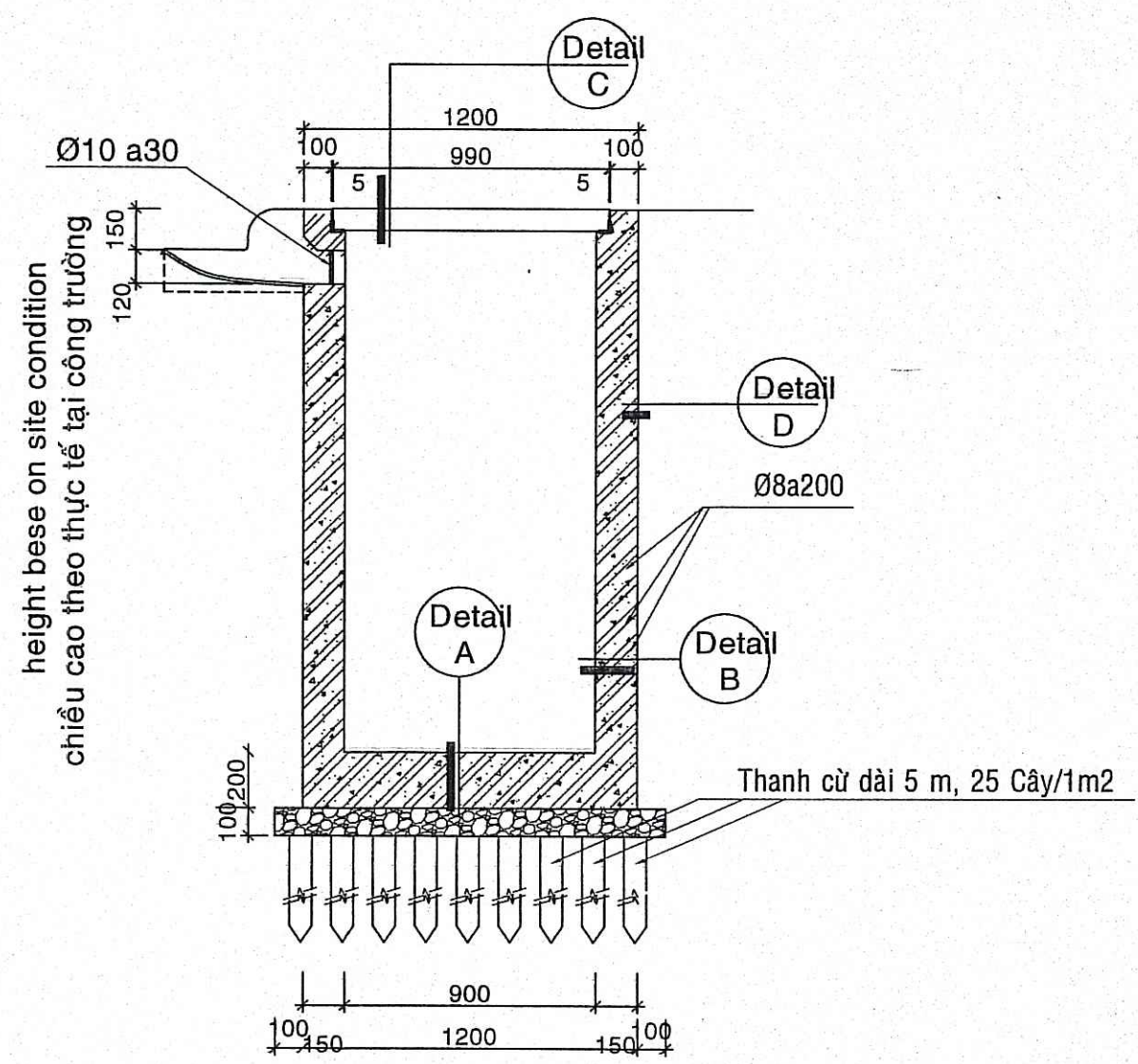
HẠNG MỤC - ITEM
**PLUMBING
HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC**

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE
**SEPTIC TANK DETAIL
CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI**

TỶ LỆ SCALE	TỔNG SỐ BẢN VẼ DWG. TOTAL	0000
SỐ BẢN VẼ DRAWING No.	P-D-04	
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUE DATE	03/2011	

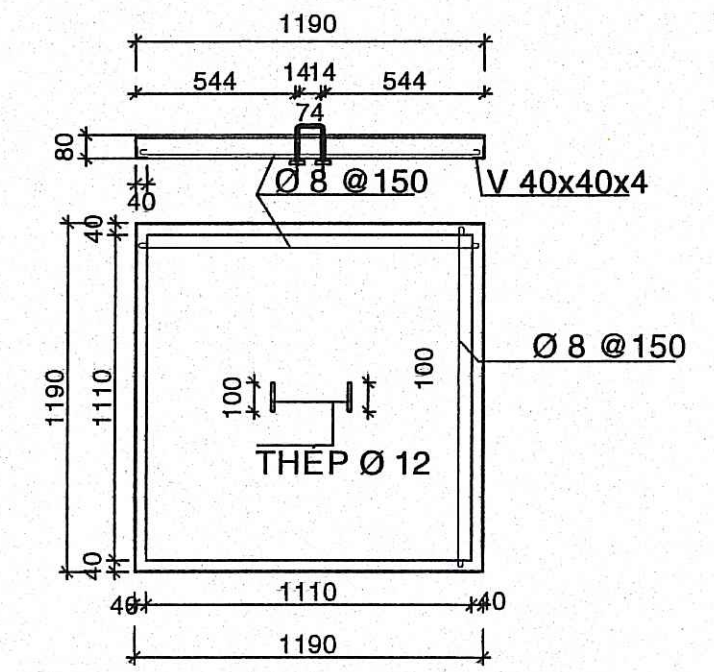


MẶT BẰNG PLAN



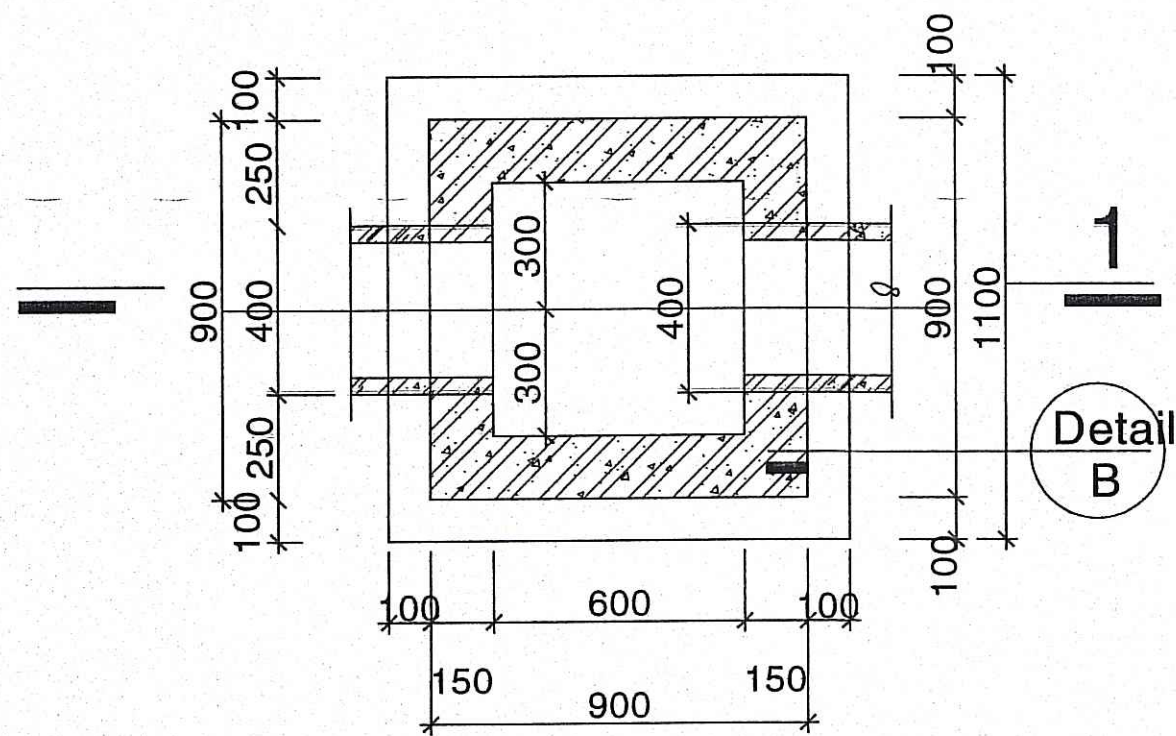
MẶT CẮT 1-1 SECTION 1-1

CHI TIẾT HỐ GA LOẠI G (D800)
D800 MANHOLE-TYPE G DETAIL

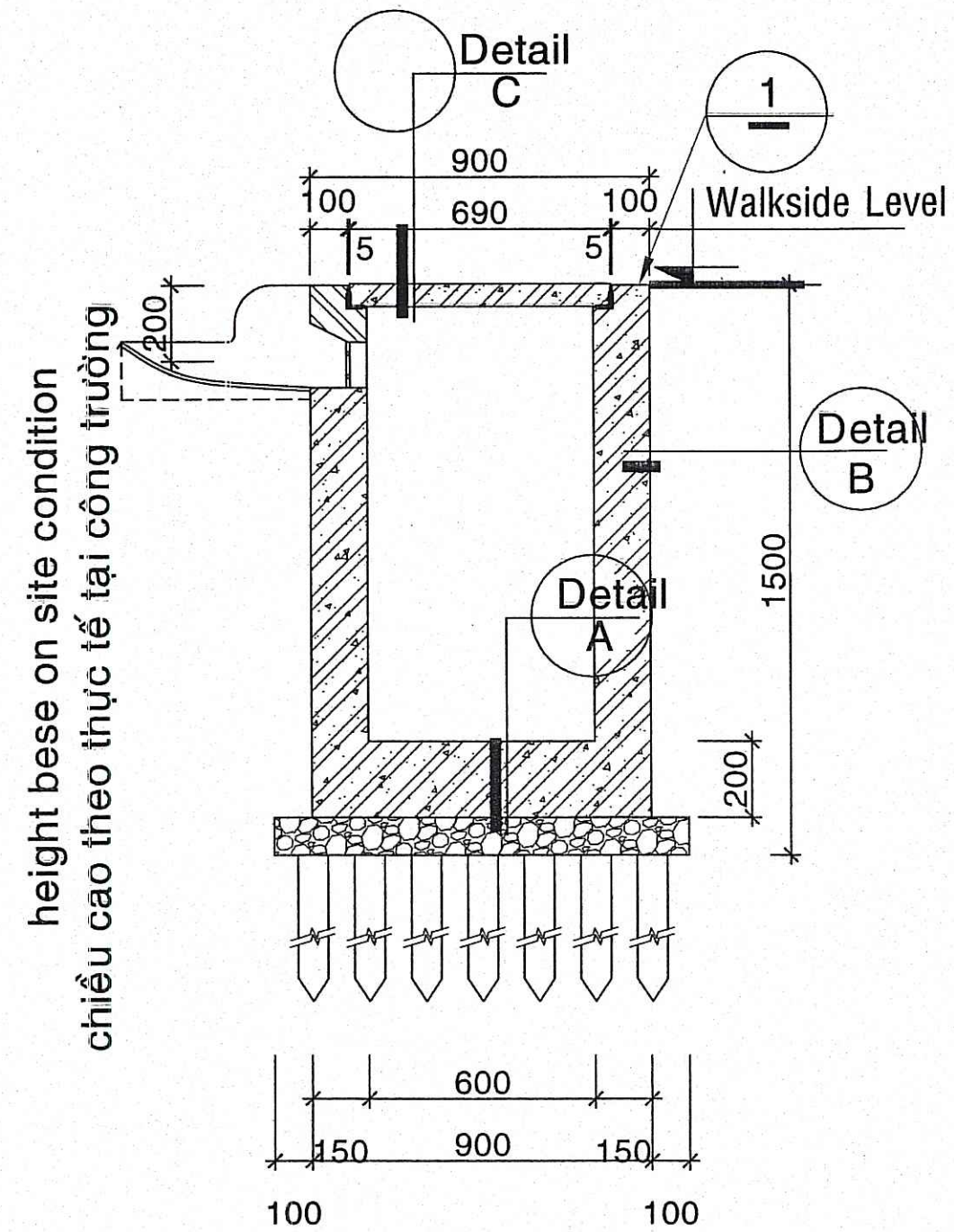


NẮP HỐ GA COVER

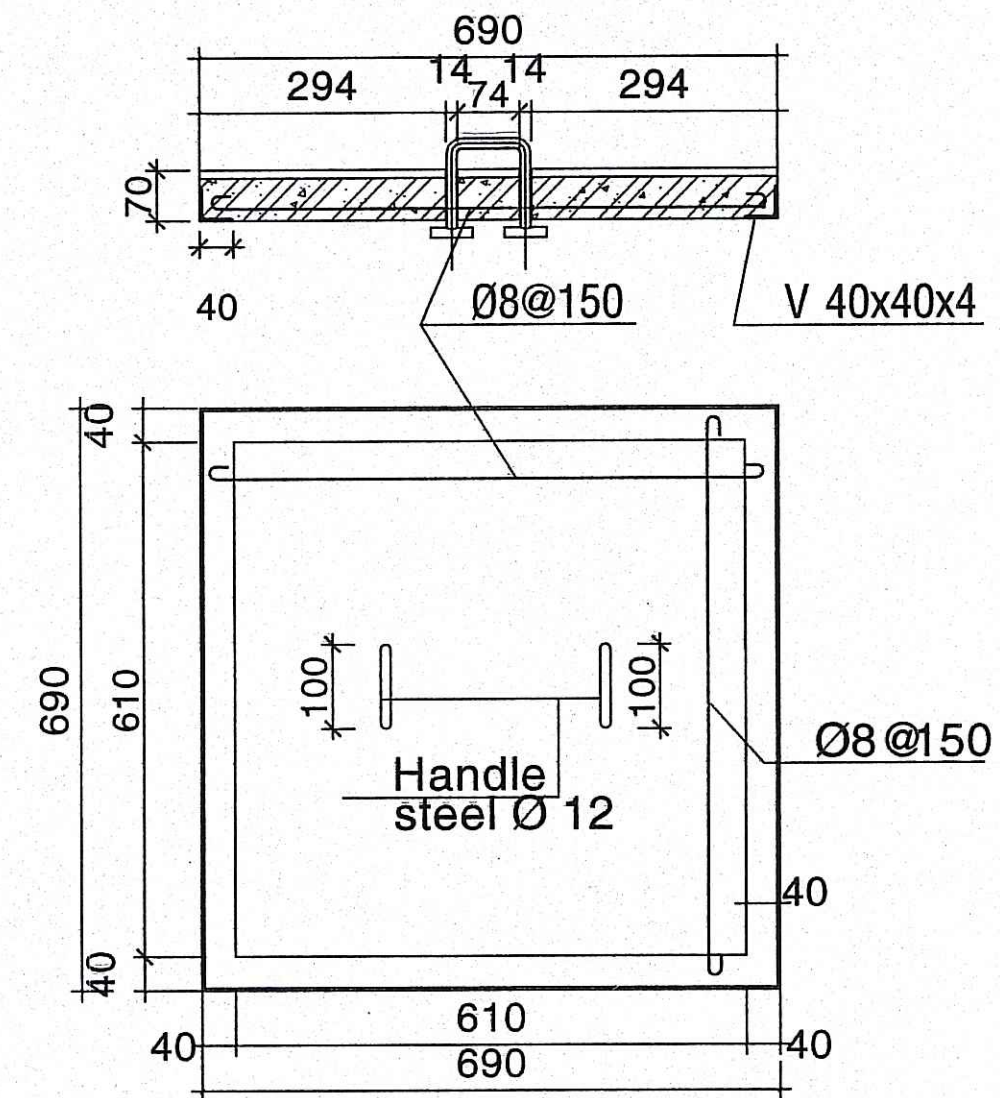
CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR D. Y. PARK			
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ INSPECTING AUTHORITY			
T.T No	NỘI DUNG HIỆU CHỈNH REVISION CONTENTS	BY	NGÀY DATE
A	ISSUED FOR CONSTRUCTION	C1C	04-03-2011
B			
C			
D			
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR			
T.K CỐ SỞ		<input type="checkbox"/> CONCEPT DES	
TRÌNH DUYỆT		<input type="checkbox"/> APPROVAL	
THI CÔNG		<input checked="" type="checkbox"/> CONSTRUCTION	
HOÀN CÔNG		<input type="checkbox"/> AS-BUILT	
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DẪN DỤNG CÔNG NGHIỆP SỐ 1 CIVIL INDUSTRIAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY No.1			
<p>15 ĐƯỜNG KHÔI STREET, TÂN TIỀN WARD, BIÊN HOÀ CITY, ĐỒNG NAI PROVINCE Tel: (051) 3828117 Fax: (051) 3827048 Email: ctc@ctcn.vn Website: www.ctcn.vn</p>			
<p>PHÓ GIÁM ĐỐC - DEPUTY DIRECTOR CÔNG NGHIỆP SỐ 1 ĐỒNG NAI</p>			
<p>ENG. ÔN VĂN DŨNG CHỦ TRÌ-PROJECT MANAGER</p>			
<p>ENG. ÔN VĂN DŨNG THIẾT KẾ - DESIGNED BY</p>			
<p>KIỂM - CHECKED BY</p>			
<p>CÔNG TRÌNH - PROJECT PARK CORP VIET NAM LTD., PARK TRÀ VINH FACTORY ĐỊA ĐIỂM - LOCATION LONG ĐỨC INDUSTRIAL PARK TRÀ VINH PROVINCE</p>			
<p>HẠNG MỤC - ITEM PLUMBING HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC</p>			
<p>TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE SEPTIC TANK DETAIL CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI</p>			
TỶ LỆ SCALE		TỔNG SỐ BẢN VẼ DWG. TOTAL	00000
SỐ BẢN VẼ DRAWING No.	P-D-06		
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUE DATE	03/2011		



MẶT BẰNG
PLAN



MẶT CẮT 1-1
SECTION 1-1

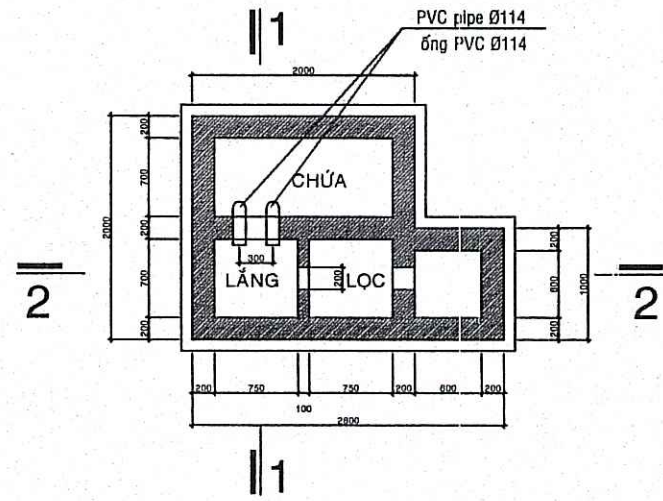


NẮP HỐ GA
COVER

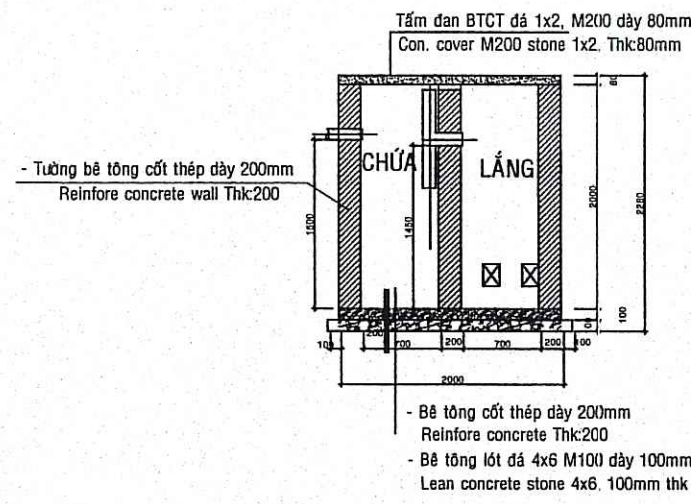
CHI TIẾT HỐ GA LOẠI I (D300 & D400)
D300 & D400 MANHOLE-TYPE I DETAIL

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR			
D. Y. PARK			
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ INSPECTING AUTHORITY			
T.T	NỘI DUNG HIỆU CHỈNH	BY	NGÀY DATE
No	REVISION CONTENTS		
A	ISSUED FOR CONSTRUCTION	CIC	04-03-2011
B			
C			
D			
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR			
T.K CỞ SỞ		<input type="checkbox"/>	CONCEPT DES
TRÌNH DUYỆT		<input type="checkbox"/>	APPROVAL
THI CÔNG		<input checked="" type="checkbox"/>	CONSTRUCTIO
HOÀN CÔNG		<input type="checkbox"/>	AS-BUILT
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DẪN DUNG CÔNG NGHIỆP SỐ 1 CIVIL INDUSTRIAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY No.1			
<p>15 ĐƯỜNG KHÔI STREET, TÂN THIỆN WARD, BÌNH HOÀ CITY, ĐỒNG HẢI PROVINCE Tel: (051) 3998107 Fax: (051) 3997648 Email: c1c@ic.com.vn Website: www.c1c.vn</p>			
<p>PHÓ GIÁM ĐỐC - DEPUTY DIRECTOR CÔNG NGHIỆP SỐ 1 ĐỒNG HẢI T. BÌNH HOÀ - T. Đ.</p>			
<p>ENG. ÔN VĂN DŨNG CHỦ TRÍ-PROJECT MANAGER</p>			
<p>ENG. ÔN VĂN DŨNG THIẾT KẾ - DESIGNED BY</p>			
<p>KIỂM - CHECKED BY</p>			
<p>CÔNG TRÌNH - PROJECT PARK CORP VIET NAM LTD. PARK TRÁ VINH FACTORY CƠ TRÁCH NHIỆM HỒ SƠ</p>			
<p>ĐỊA ĐIỂM - LOCATION MỎ CHÁNH VIỆN LONG DỤC INDUSTRIAL PARK TRÁ VINH PROVINCE</p>			
<p>HẠNG MỤC - ITEM PLUMBING HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC</p>			
<p>TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE SEPTIC TANK DETAIL CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI</p>			
TỶ LỆ SCALE	TỔNG SỐ BẢN VẼ DWG. TOTAL	0000	
SỐ BẢN VẼ DRAWING No.	P-D-05		
NGÀY PHÁT HÀNH DATE	03/2011		

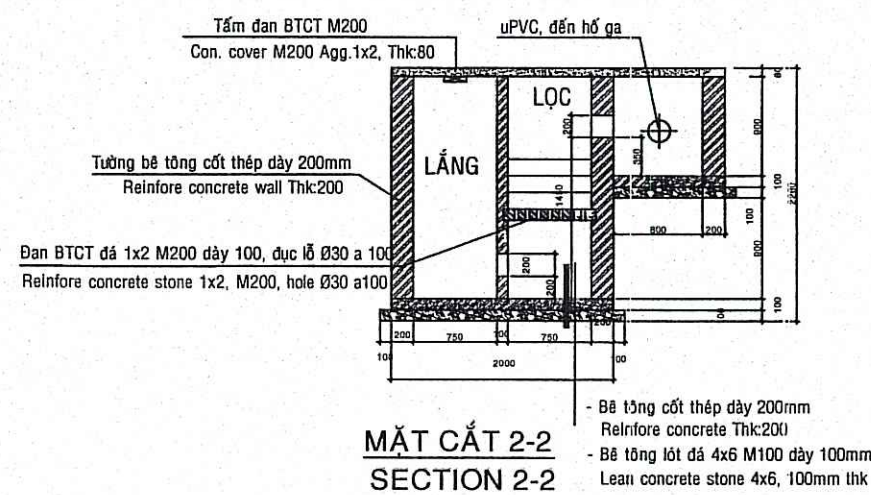
**HẦM TỰ HOẠI LOẠI 1
SEPTIC TANK, TYPE 1**



**MẶT BẰNG BỂ TỰ HOẠI LOẠI 1
-SEPTIC TANK PLAN HP-1**

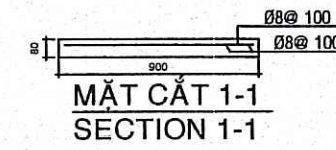


**MẶT CẮT 1-1
SECTION 1-1**

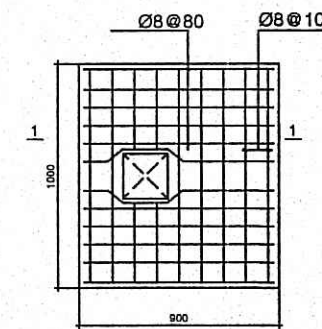


**MẶT CẮT 2-2
SECTION 2-2**

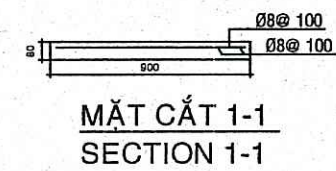
**NẮP HẦM TỰ HOẠI
COVER**



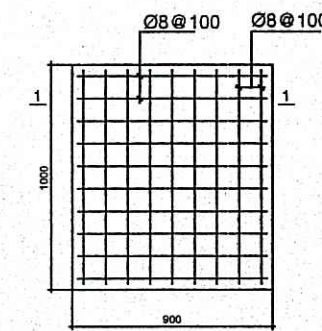
**MẶT CẮT 1-1
SECTION 1-1**



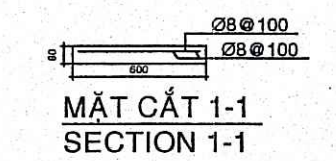
**ĐƠN D2a (SL : 1 TẤM)
COVER D2a (Quantity : 1)**



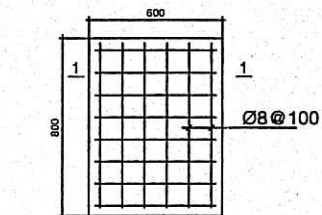
**MẶT CẮT 1-1
SECTION 1-1**



**ĐƠN D2 (SL : 3 TẤM)
COVER D2 (Quantity : 3)**



**MẶT CẮT 1-1
SECTION 1-1**



**ĐƠN D1 (SL : 1 TẤM)
COVER D1 (Quantity : 1)**

**CHI TIẾT HẦM TỰ HOẠI LOẠI 3
SEPTIC TANK DETAIL, TYPE 3**

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
D. Y. PARK

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

T.T No	NỘI DUNG HIỆU CHỈNH REVISION CONTENTS	BY	NGÀY DATE
A	ISSUED FOR CONSTRUCTION	C1C	04-03-2011
B			
C			
D			

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
ISSUED FOR

T.K CỐ SỞ	<input type="checkbox"/> CONCEPT DESI
TRÌNH DUYỆT	<input type="checkbox"/> APPROVAL
THI CÔNG	<input checked="" type="checkbox"/> CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	<input type="checkbox"/> AS-BUILT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DẪN DUNG CÔNG NGHIỆP SỐ 1
CIVIL INDUSTRIAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY No.1



15 ĐƯỜNG KHÔI STREET, TÂN TIỀN WARD, BÌNH HOÀ CITY, ĐỒNG NAI PROVINCE
Tel: (051) 3596199 - Fax: (051) 3597846
Website: www.ctc.vn

PHÓ GIÁM ĐỐC - DEPUTY DIRECTOR

CÔNG NGHIỆP SỐ 1
ĐỒNG NAI

ENG. ÔN VĂN DŨNG
CHỦ TRÌ-PROJECT MANAGER

ENG. ÔN VĂN DŨNG
THIẾT KẾ - DESIGNED BY

KIỂM - CHECKED BY

CÔNG TRÌNH - PROJECT

PARK CORP-VIET-NAM LTD
PARK TRAMINH FACTORY

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION

LONG DUC INDUSTRIAL PARK
TRA VINH PROVINCE

HẠNG MỤC - ITEM

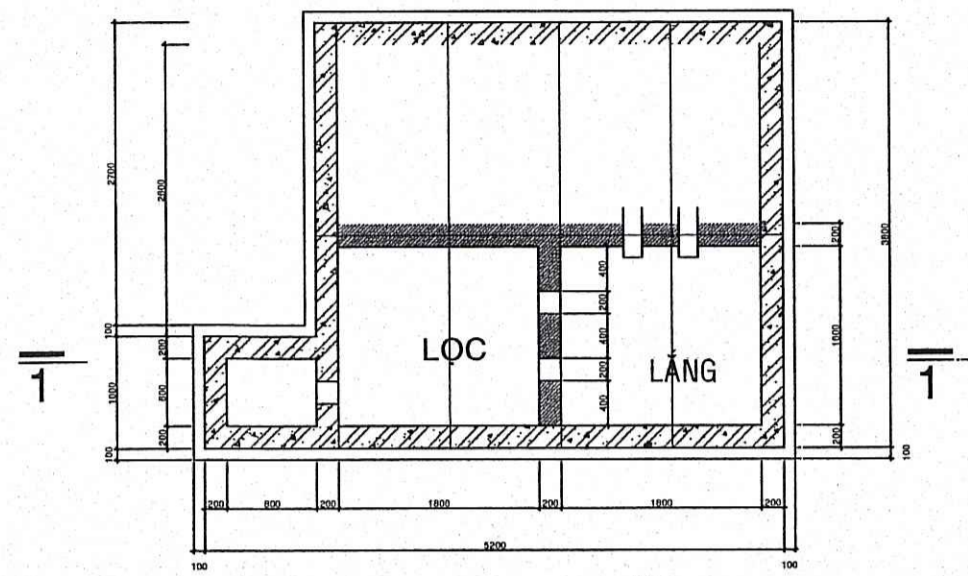
PLUMBING
HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

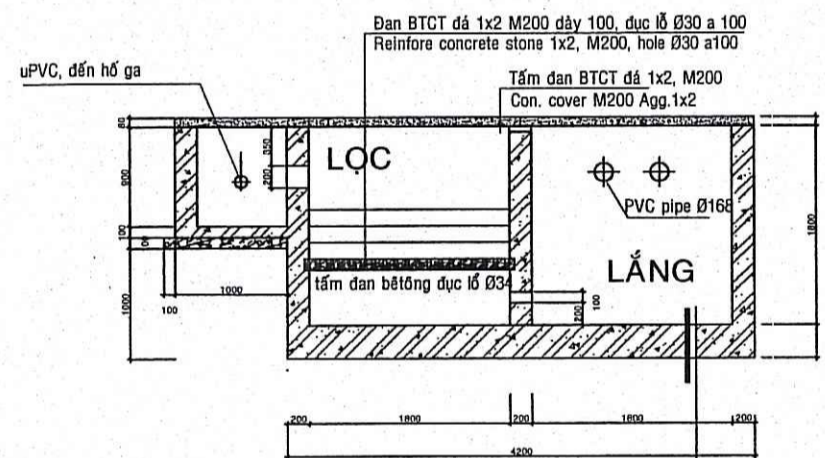
SEPTIC TANK DETAIL
CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI

TỶ LỆ SCALE	TỔNG SỐ BẢN VẼ DWG.TOTAL	00000
SỐ BẢN VẼ DRAWING No.	P-D-10	
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUE DATE	03/2011	

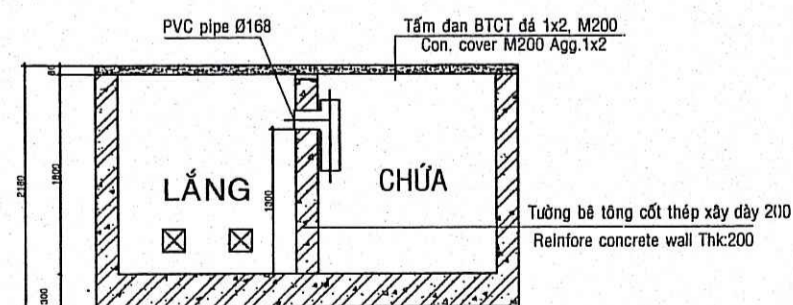
HẦM TỰ HOẠI LOẠI 2
SEPTIC TANK, TYPE 2



MẶT BẰNG
PLAN

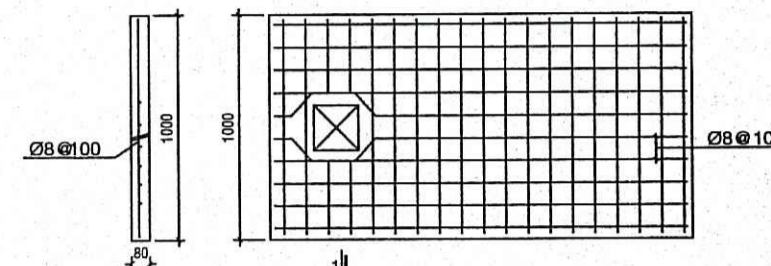


MẶT CẮT 1-1
SECTION 1-1

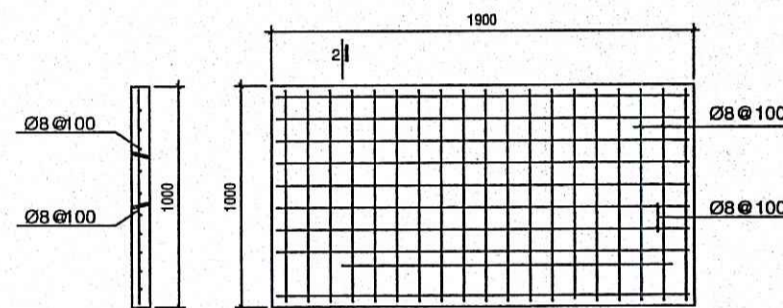


MẶT CẮT 2-2
SECTION 2-2

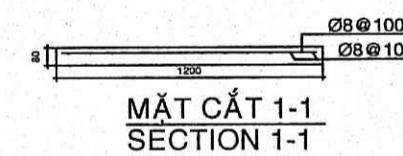
NẮP HẦM TỰ HOẠI
COVER



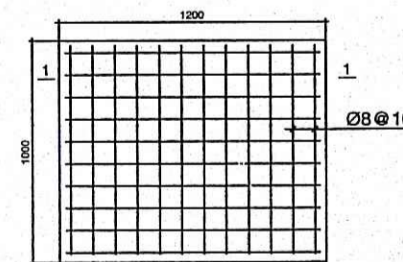
SECTION 1-1
MẶT CẮT 1-1 ĐẠN D6a (SL : 1 TẤM)
COVER D6a (Quantity : 1 ea)



MẶT CẮT 1-1
SECTION 1-1 ĐẠN D6 (SL : 17 TẤM)
COVER D6 (Quantity : 17 ea)



MẶT CẮT 1-1
SECTION 1-1



ĐẠN D1 (SL : 1 TẤM)
COVER D1 (Quantity : 1)

CHI TIẾT HẦM TỰ HOẠI LOẠI 2
SEPTIC TANK DETAIL, TYPE 2

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
D. Y. PARK

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

T.T No	NỘI DUNG HIỆU CHỈNH REVISION CONTENTS	BY	NGÀY DATE
A	ISSUED FOR CONSTRUCTION	CIC	04-03-2011
B			
C			
D			

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
ISSUED FOR

T.K CỞ SỞ	<input type="checkbox"/>	CONCEPT DESIGN
TRÌNH DUYỆT	<input type="checkbox"/>	APPROVAL
THI CÔNG	<input checked="" type="checkbox"/>	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	<input type="checkbox"/>	AS-BUILT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DẪN DUNG CÔNG NGHIỆP SỐ 1
CIVIL INDUSTRIAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY No.1



15 ĐƯỜNG KHÔI STREET, TÂN THIỆN WARD, BÌNH HOÀ CITY, ĐỒNG NAI PROVINCE
Tel: (061) 2991107 Fax: (061) 297546
Email: cic@icvn.com
http://www.cicvn.com

PHÓ GIÁM ĐỐC - DEPUTY DIRECTOR
CÔNG NGHIỆP SỐ 1
ĐỒNG NAI

ENG. ÔN VĂN DŨNG
CHỦ TRÌ-PROJECT MANAGER

ENG. ÔN VĂN DŨNG
THIẾT KẾ - DESIGNED BY

KIỂM - CHECKED BY

CÔNG TRÌNH - PROJECT

PARK CORP. VIET NAM LTD.,
PARK TRÁ VINH FACTORY

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION HIỆN TẠI
LONG DŨNG INDUSTRIAL PARK
TRÁ VINH PROVINCE

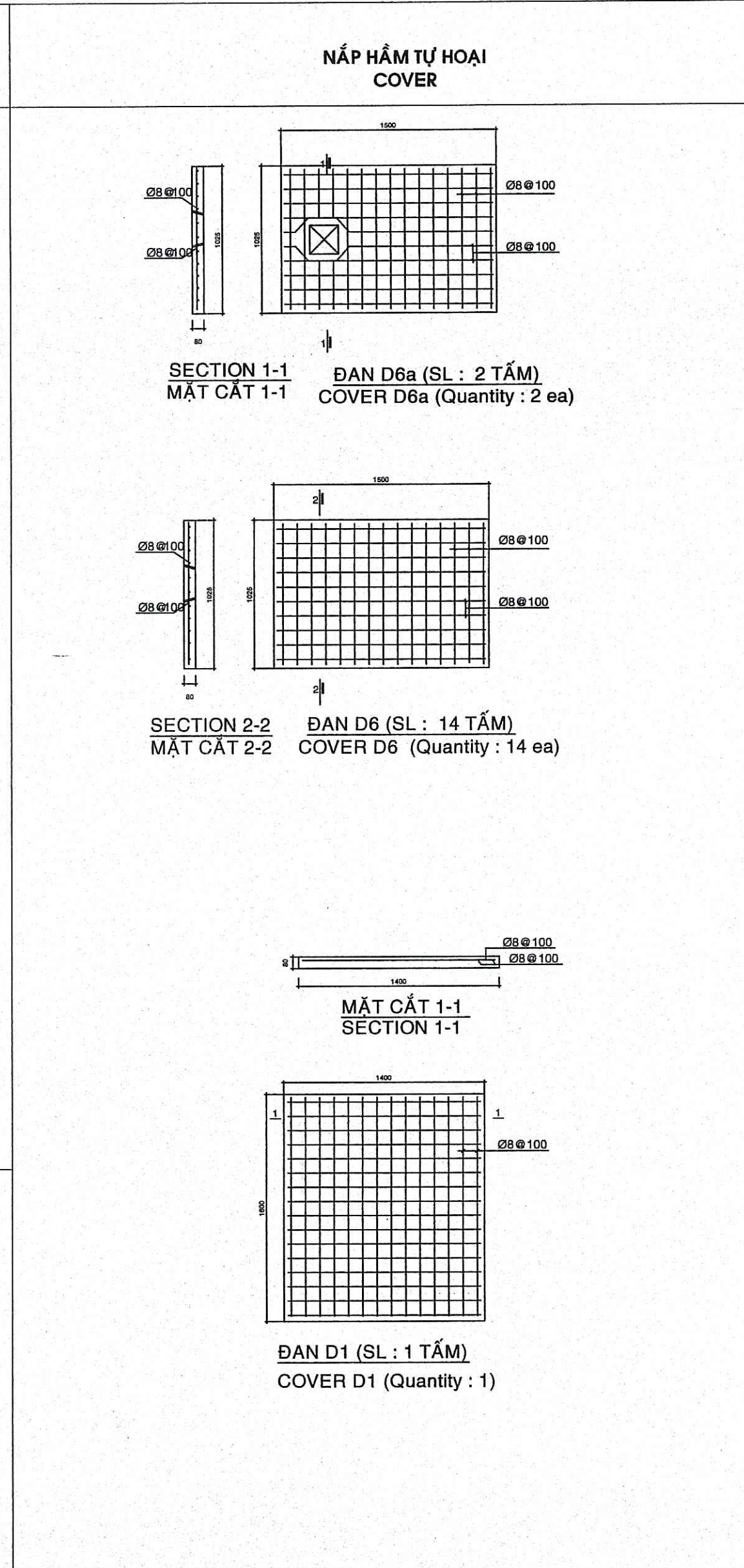
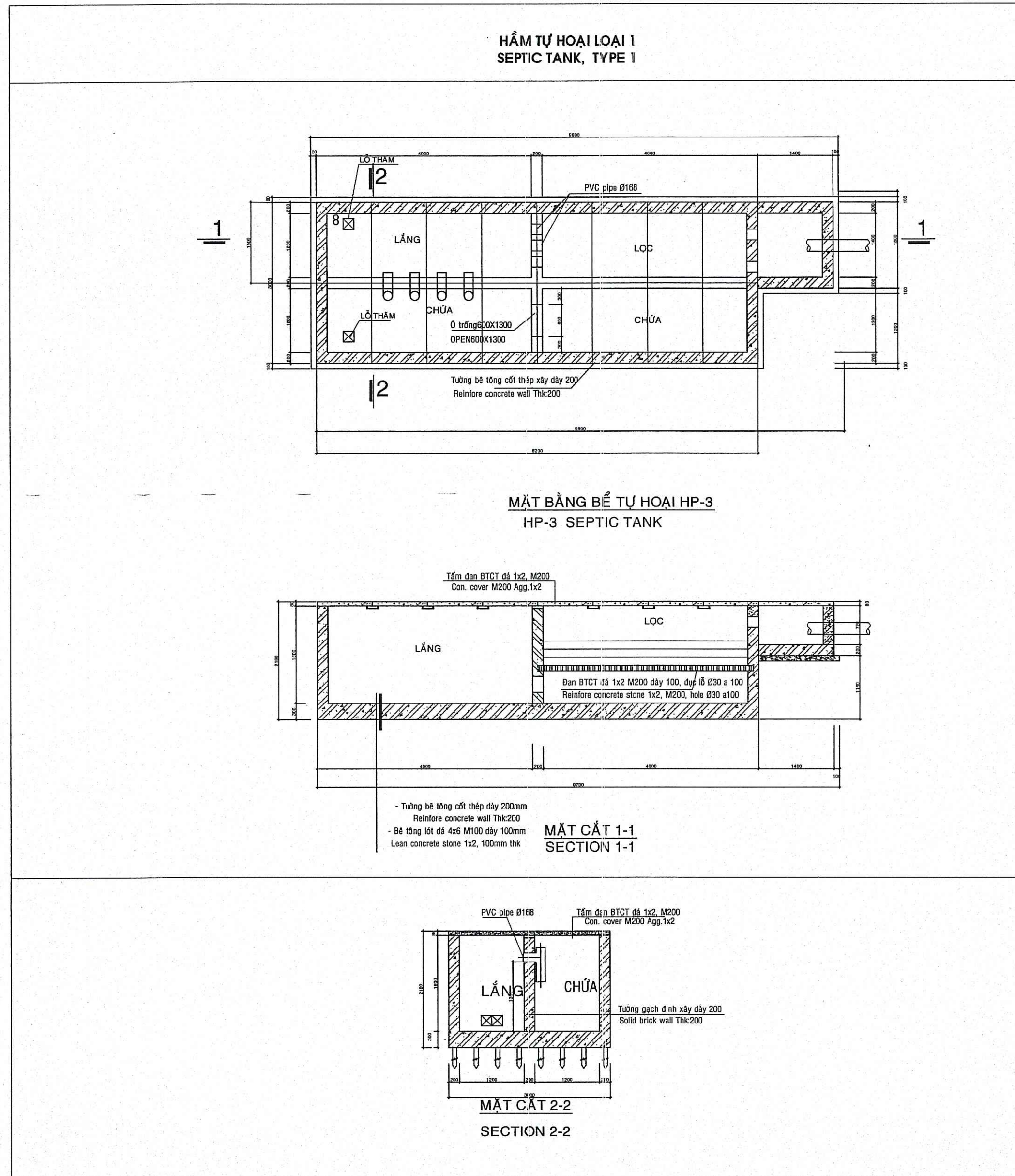
HẠNG MỤC - ITEM

PLUMBING
HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

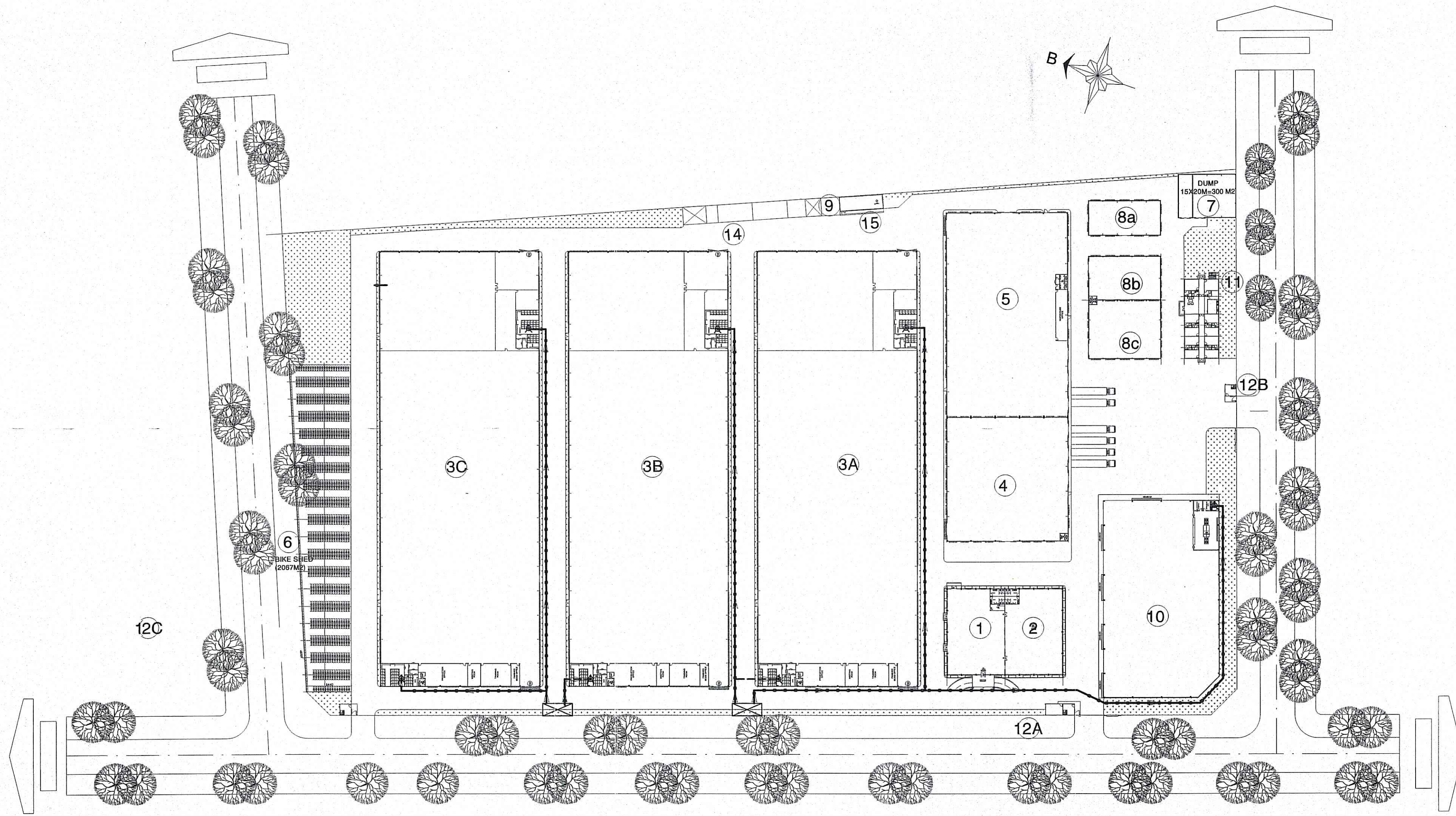
SEPTIC TANK DETAIL
CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI

TỶ LỆ SCALE	TỔNG SỐ BẢN VẼ DWG.TOTAL	00000
SỐ BẢN VẼ DRAWING No.	P-D-08	
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUE DATE:	03/2011	



**CHI TIẾT HẦM TỰ HOẠI LOẠI 1
SEPTIC TANK DETAIL, TYPE 1**

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR D. Y. PARK			
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ INSPECTING AUTHORITY			
T.T No	NỘI DUNG HIỆU CHỈNH REVISION CONTENTS	BY	NGÀY DATE
A	ISSUED FOR CONSTRUCTION	CIC	04-03-2011
B			
C			
D			
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR			
T.K CƠ SỞ		<input type="checkbox"/>	CONCEPT DESIGN
TRÌNH DUYỆT		<input type="checkbox"/>	APPROVAL
THI CÔNG		<input checked="" type="checkbox"/>	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG		<input type="checkbox"/>	AS-BUILT
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DẦU DUNG CÔNG NGHIỆP SỐ 1 CIVIL INDUSTRIAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY No.1			
PHÓ GIÁM ĐỐC - DEPUTY DIRECTOR CÔNG NGHIỆP SỐ 1 ĐỒNG NAI			
ENG. ÔN VĂN DŨNG CHỦ TRƯ - PROJECT MANAGER			
ENG. ÔN VĂN DŨNG THIẾT KẾ - DESIGNED BY			
KIỂM - CHECKED BY			
CÔNG TRÌNH - PROJECT PARK CORP. VIỆT NAM LTD., PARK TRÀ VINH FACTORY ĐỊA ĐIỂM - LOCATION LONG DUC INDUSTRIAL PARK TRÀ VINH PROVINCE			
HẠNG MỤC - ITEM PLUMBING HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC			
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE SEPTIC TANK DETAIL CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI			
TỶ LỆ SCALE		TỔNG SỐ BẢN VẼ DWG. TOTAL	00000
SỐ BẢN VẼ DRAWING No.		P-D-09	
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUE DATE		03/2011	



MẶT BẰNG TỔNG THỂ CẤP NƯỚC SINH HOẠT (Nước mưa)
WATER SUPPLY SYSTEM MASTER PLAN (Using Rain Water)

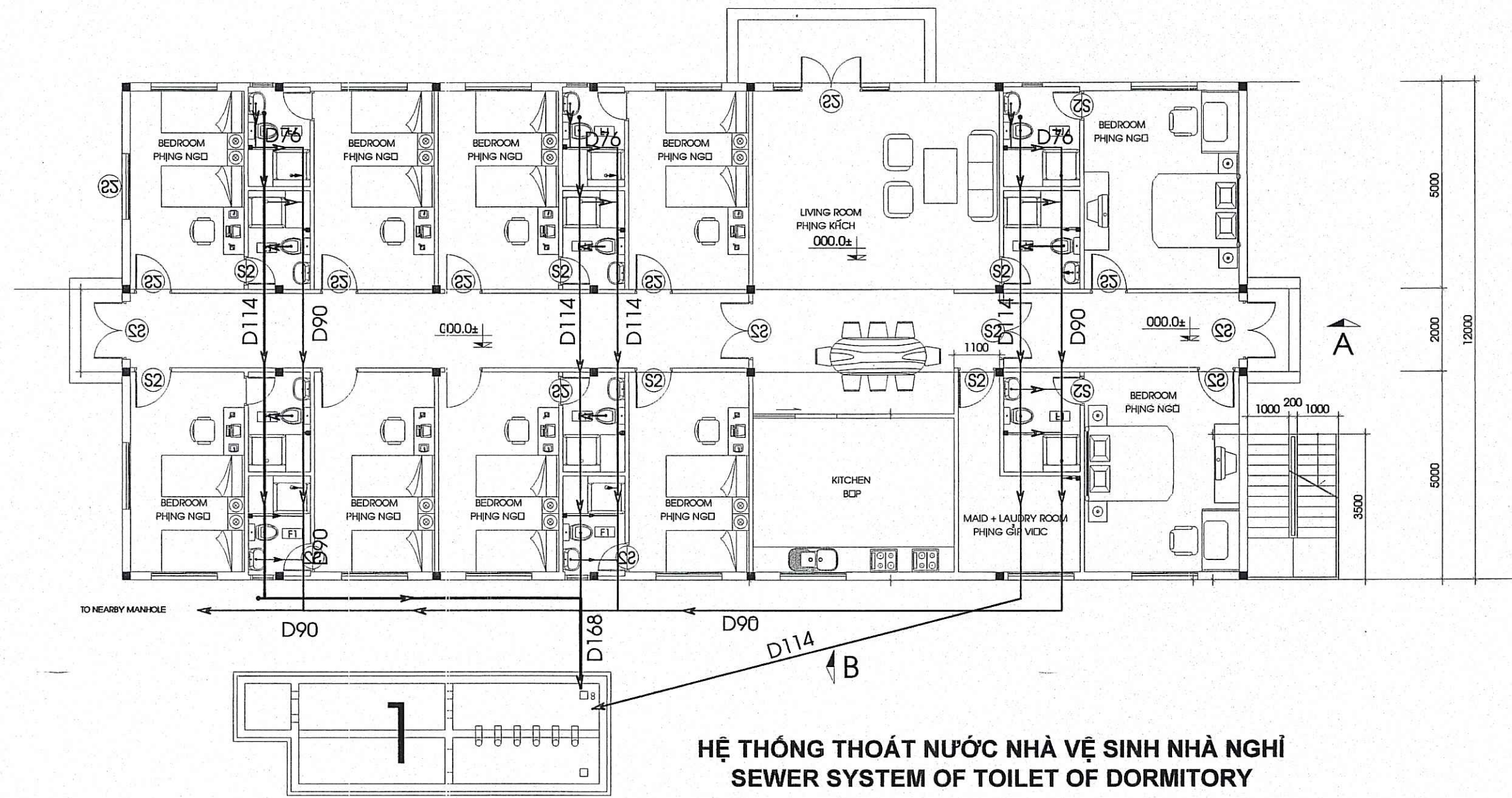
NOTES:

-----	PVC PIPE D34	-----	PVC PIPE D75
-----	PVC PIPE D48	-----	PVC PIPE D90
-----	PVC PIPE D60	⊙	5000L WATER TANK (ABOVE CEILING)

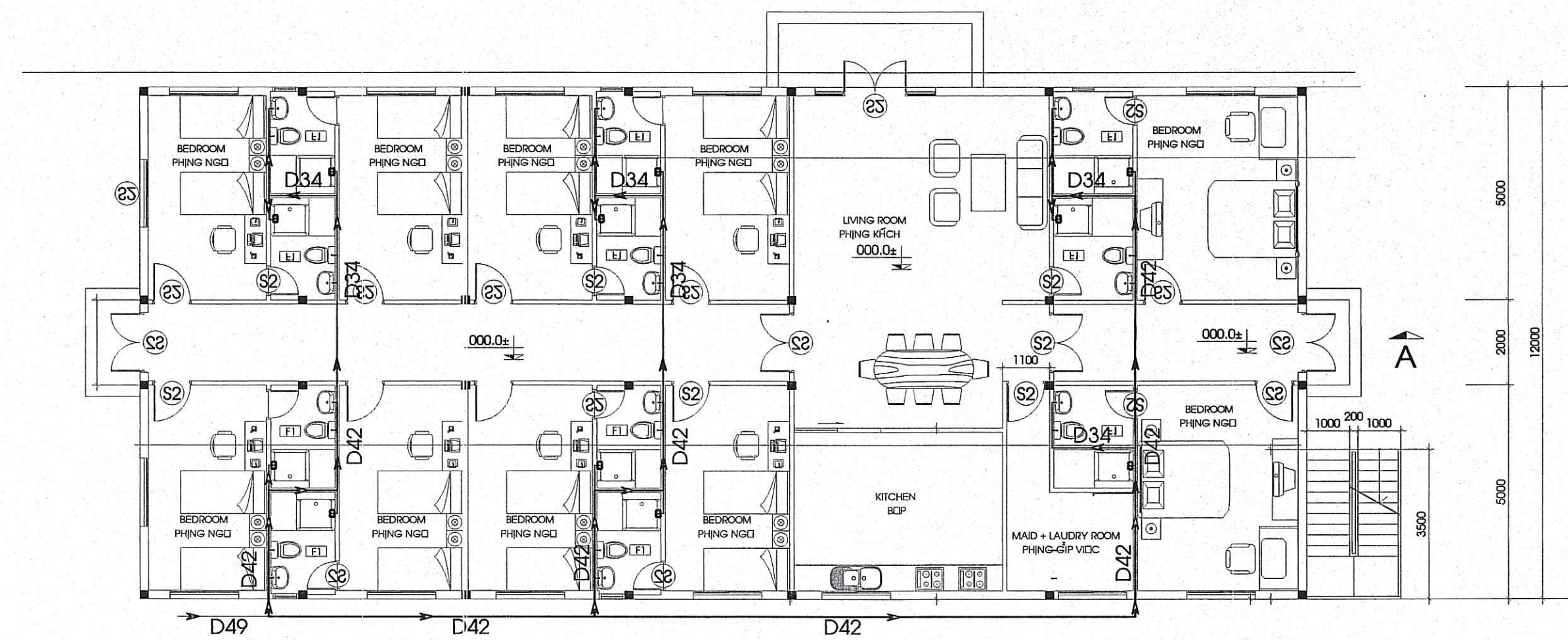
GHI CHÚ (LEGEND):

1. VĂN PHÒNG (1. MAIN OFFICE 20X30M=600 M2)	4. NHÀ KHO HOÀN THIỆN (4. FINISHED GOODS WAREHOUSE) (42X43M=1806 M2)	7. NHÀ RÁC (7. DUMP 15X20M=300 M2)	9. HỒ NƯỚC NGẦM 5x10x4= 200 M3 - THÁP NƯỚC (9.UNDERGROUND WATERTANK 5x10x4= 200 M3 - WATER TOWER)	12 A. NHÀ BẢO VỆ CHÍNH 4M x 10M (12 A. MAIN GUARD HOUSE 4M x 10M)	14. TRẠM BIẾN ĐIỆN, MÁY PHÁT (14. TRANSFORMER, ELECTRICAL ROOM, GENERATOR ROOM)
2. PHÒNG MẪU (2. SAMPLE 20X30M=600 M2)	5. WAREHOUSE (5. XƯỞNG 42X70 = 2940M2)	8a. KHO VẬT LIỆU (8a.HAZARDOUS 12X25M=300 M2)	10. NHÀ ĂN (10. CAN TEEN 2705 M2)	12 B. NHÀ BẢO VỆ 4M x 4M (12 B. GUARD HOUSE 4M x 4M)	15. NHÀ BẢO TRÌ (15. MAINTENANCE HOUSE 5 x 15 M= 75M2)
3. XƯỞNG A, B, C (3. WORKSHOP A, B, C) (150M x 55M = 8250 M2)	6. NHÀ XE (6.BIKE SHED 2067M2)	8b. PHÒNG CẮT (8a.CUTTING ROOM 15X25M=375 M2)	11. NHÀ NGHỈ CHUYÊN GIA (11. DORMITORY 12X27.2M=326.4 M2)		
		8c. KHO MÁY (8c.MC WAREHOUSE 25X20M=500 M2)			

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR D. Y. PARK			
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ INSPECTING AUTHORITY			
T.T No	NỘI DUNG HIỆU CHỈNH REVISION CONTENTS	BY	NGÀY DATE
A	ISSUED FOR CONSTRUCTION	C1C	04-03-2011
B			
C			
D			
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR			
T.K CỐ SỞ		<input type="checkbox"/> CONCEPT DESK	
TRÌNH DUYỆT		<input type="checkbox"/> APPROVAL	
THI CÔNG		<input checked="" type="checkbox"/> CONSTRUCTION	
HOÀN CÔNG		<input type="checkbox"/> AS-BUILT	
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DẪN DUNG CÔNG NGHIỆP SỐ 1 CIVIL INDUSTRIAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY No.1			
15 ĐỒNG KHÔI STREET, TÂN THIỆN WARD, BÌNH HOÀ CITY, ĐỒNG NAI PROVINCE Tel: (84) 918 988 77 Fax: (84) 918 988 66 E-Mail: ctc@ctc.vn http://www.ctc.vn			
PHÓ GIÁM ĐỐC - DEPUTY DIRECTOR D. Y. PARK			
ENG. ÔN VĂN DŨNG CHỦ TRÌ - PROJECT MANAGER			
ENG. ÔN VĂN DŨNG THIẾT KẾ - DESIGNED BY			
KIỂM - CHECKED BY			
CÔNG TRÌNH - PROJECT PARK CORP-VIETNAM LTD., PARK TRÀ VINH FACTORY TRÁCH NHIỆM CHỦ ĐẦU TƯ			
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION LONG ĐỨC INDUSTRIAL PARK TRÀ VINH PROVINCE			
HẠNG MỤC - ITEM MASTER PLAN MẶT BẰNG TỔNG THỂ			
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE MASTER PLAN MẶT BẰNG TỔNG THỂ			
TỶ LỆ SCALE		TỔNG SỐ BẢN VẼ DWS.TOTAL	00000
SỐ BẢN VẼ DRAWING No.	P-M-04		
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUE DATE:	03/2011		



**HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC NHÀ VỆ SINH NHÀ NGHỈ
SEWER SYSTEM OF TOILET OF DORMITORY**



**HỆ THỐNG CẤP NƯỚC NHÀ VỆ SINH NHÀ NGHỈ
SANITARY WATER SUPPLY SYSTEM FOR DORMITORY**

NOTES:

—	PVC PIPE D27	—	PVC PIPE D90
—	PVC PIPE D34	—	PVC PIPE D114
—	PVC PIPE D42	—	PVC PIPE D168
—	PVC PIPE D60	■	FLOOR GULLY
—	PVC PIPE D75	●	TESTING SOCKET

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
D. Y. PARK

**THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY**

T.T No	NỘI DUNG HIỆU CHỈNH REVISION CONTENTS	BY	NGÀY DATE
A	ISSUED FOR CONSTRUCTION	CIC	04-03-2011
B			
C			
D			

**MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
ISSUED FOR**

T.K CƠ SỞ CONCEPT DESIGN
 TRÌNH DUYỆT APPROVAL
 THI CÔNG CONSTRUCTION
 HOÀN CÔNG AS-BUILT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DÂN DỤNG CÔNG NGHIỆP SỐ 1
 CIVIL INDUSTRIAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY No.1

PHÓ GIÁM ĐỐC - DEPUTY DIRECTOR
 CHỦ TRƯỞNG DỰ ÁN - PROJECT MANAGER

ENG. ÔN VĂN DÙNG
 CHỦ TRƯỞNG DỰ ÁN - PROJECT MANAGER

ENG. ÔN VĂN DÙNG
 THIẾT KẾ - DESIGNED BY

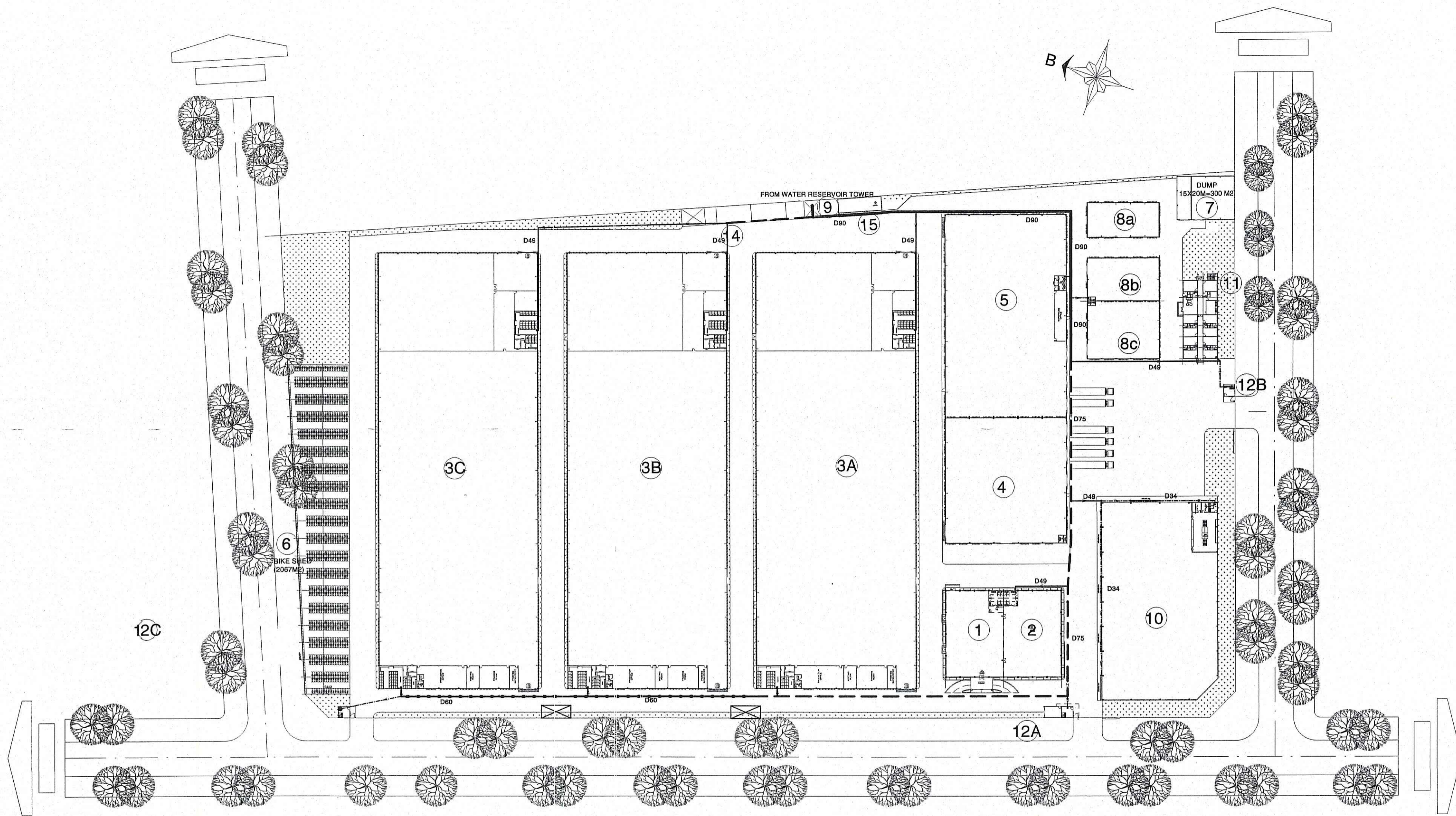
KIỂM - CHECKED BY

CÔNG TRÌNH - PROJECT
 PARK CORP. VIETNAM LTD.
 PARK TRÀ VINH FACTORY
 ĐỊA ĐIỂM - LOCATION
 LONG ĐỨC INDUSTRIAL PARK
 TRÀ VINH PROVINCE

HẠNG MỤC - ITEM
 DORMITORY
 NHÀ NGHỈ CHUYÊN GIA

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE
 SANITARY PLUMBING
 HỆ THỐNG ỐNG NƯỚC NHÀ VỆ SINH

TỶ LỆ SCALE	TỔNG SỐ BẢN VẼ DWG. TOTAL	0000
SỐ BẢN VẼ DRAWING No.	P-W-06	
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUE DATE	03/2011	



**MẶT BẰNG TỔNG THỂ CẤP NƯỚC SINH HOẠT (Thuỷ cục)
WATER SUPPLY SYSTEM MASTER PLAN (Using Factory Water)**

NOTES:

	PVC PIPE D34		PVC PIPE D75
	PVC PIPE D49		PVC PIPE D90
	PVC PIPE D60		5000L WATER TANK (ABOVE CEILING)

GHI CHÚ (LEGEND):

1. VĂN PHÒNG (1. MAIN OFFICE 20X30M=600 M2)	4. NHÀ KHO HOÀN THIỆN (4. FINISHED GOODS WAREHOUSE) (42X43M=1806 M2)	7. NHÀ RÁC (7. DUMP 15X20M=300 M2)	9. HỒ NƯỚC NGẦM 5x10x4= 200 M3 - THÁP NƯỚC (9.UNDERGROUND WATERTANK 5x10x4= 200 M3 - WATER TOWER)	12 A. NHÀ BẢO VỆ CHÍNH 4M x 10M (12 A. MAIN GUARD HOUSE 4M x 10M)	14. TRẠM BIẾN ĐIỆN, MÁY PHÁT (14. TRANSFORMER, ELECTRICAL ROOM, GENERATOR ROOM)
2. PHÒNG MẪU (2. SAMPLE 20X30M=600 M2)	5. WAREHOUSE (5. XƯỞNG 42X70 = 2940M2)	8a. KHO VẬT LIỆU (8a.HAZARDOUS 12X25M=300 M2)	10. NHÀ ĂN (10. CAN TEEN 2705 M2)	12 B. NHÀ BẢO VỆ 4M x 4M (12 B. GUARD HOUSE 4M x 4M)	15. NHÀ BẢO TRÌ (15. MAINTENANCE HOUSE 5 x 15 M= 75M2)
3. XƯỞNG A, B, C (3. WORKSHOP A, B, C) (150M x 55M = 8250 M2)	6. NHÀ XE (6.BIKE SHED 2067M2)	8b. PHÒNG CẮT (8a.CUTTING ROOM 15X25M=375 M2)	11. NHÀ NGHỈ CHUYÊN GIA (11. DORMITORY 12X27.2M=326.4 M2)	12 C. NHÀ BẢO VỆ 4M x 4M (12 C. GUARD HOUSE 4M x 4M)	

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
D. Y. PARK

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

T.T No	NỘI DUNG HIỆU CHỈNH	REVISION CONTENTS	BY	NGÀY DATE
A	ISSUED FOR CONSTRUCTION		CIC	04-03-2011
B				
C				
D				

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
ISSUED FOR

T.K CƠ SỞ CONCEPT DESK
TRÌNH DUYỆT APPROVAL
THI CÔNG CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG AS-BUILT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DẦU DUNG CÔNG NGHIỆP SỐ 1
CIVIL INDUSTRIAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY No.1

PHÓ GIÁM ĐỐC - DEPUTY DIRECTOR
CÔNG NGHỆ SỐ 1
ĐỒNG AI
TP. BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI

ENG. ÔN VĂN DŨNG
CHỦ TRÌ-PROJECT MANAGER

ENG. ÔN VĂN DŨNG
THIẾT KẾ - DESIGNED BY

KIỂM - CHECKED BY

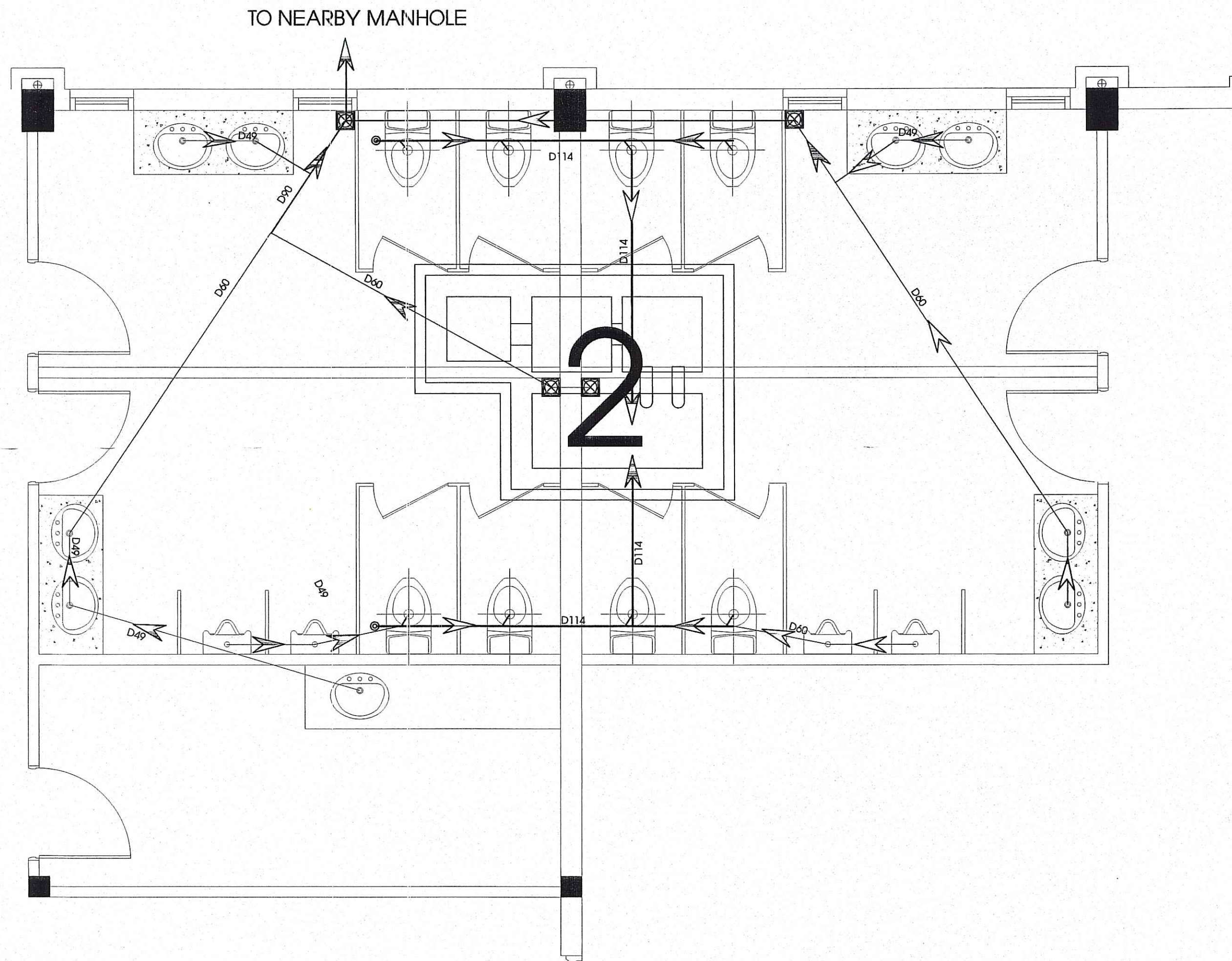
CÔNG TRÌNH - PROJECT
PARK CORP.VIET NAM LTD.
PARK TRÁI VINH FACTORY
TRÁCH MIỆN ĐỒ BÀN

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION: HUYỆN TRÁI VINH
LONG ĐỨC INDUSTRIAL PARK
TRÁI VINH PROVINCE

HẠNG MỤC - ITEM
MASTER PLAN
MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE
MASTER PLAN
MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TỶ LỆ SCALE	TỔNG SỐ BẢN VẼ DWG.TOTAL	00000
SỐ BẢN VẼ DRAWING No.	P-M-05	
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUE DATE	03/2011	



HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC NHÀ VỆ SINH VĂN PHÒNG
SEWER SYSTEM OF TOILET OF OFFICE

NOTES:

—	PVC PIPE D27	—	PVC PIPE D75
—	PVC PIPE D34	—	PVC PIPE D90
—	PVC PIPE D42	—	PVC PIPE D114
—	PVC PIPE D49	—	PVC PIPE D168
—	PVC PIPE D60	⊠	FLOOR GULLY

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
D. Y. PARK

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

T.T No	NỘI DUNG HIỆU CHỈNH REVISION CONTENTS	BY	NGÀY DATE
A	ISSUED FOR CONSTRUCTION	CIC	04-03-2011
B			
C			
D			

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
ISSUED FOR

T.K CƠ SỞ CONCEPT DESIGN

TRÌNH DUYỆT APPROVAL

THI CÔNG CONSTRUCTION

HOÀN CÔNG AS-BUILT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DẪN DỰNG CÔNG NGHIỆP SỐ 1
 CIVIL INDUSTRIAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY No.1

15 ĐƯỜNG KINH LỘ, THỊ TRƯỜNG MỚI, HỒ CHÍ MINH, ĐỒNG NAI PROVINCE
 Tel: (051) 3791071 Fax: (051) 3791070
 Email: cic@icem.vn
 http://www.cicem.vn

PHÓ GIÁM ĐỐC - DEPUTY DIRECTOR

ENG. ÔN VĂN DŨNG
 CHỦ TRÌ PROJECT MANAGER

ENG. ÔN VĂN DŨNG
 THIẾT KẾ - DESIGNED BY

KÈM - CHECKED BY

CÔNG TRÌNH - PROJECT
 PARK CORP VIET NAM LTD
 PARK TRÀ VINH FACTORY
 ĐỊA ĐIỂM - LOCATION
 MỐT TỈNH VIỆT NAM
 TRẠI VĨNH
 LONG ĐỨC INDUSTRIAL PARK
 TRÀ VINH PROVINCE

HANG MỤC - ITEM
 OFFICE
 VĂN PHÒNG

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE
 SANITARY PLUMBING
 HỆ THỐNG ỚNG NƯỚC NHÀ VỆ SINH

TỶ LỆ SCALE	TỔNG SỐ BẢN VẼ DWG. TOTAL	0000
SỐ BẢN VẼ DRAWING No.	P-W-04	
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUE DATE	03/2011	



TO NEARBY MANHOLE

**HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC NHÀ VỆ SINH XƯỞNG
SEWER SYSTEM OF TOILET OF WORKSHOP**

NOTES:

—	PVC PIPE D27	—	PVC PIPE D75
—	PVC PIPE D34	—	PVC PIPE D90
—	PVC PIPE D42	—	PVC PIPE D114
—	PVC PIPE D49	—	PVC PIPE D168
—	PVC PIPE D60	■	FLOOR GULLY

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
D. Y. PARK

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

T.T No	NỘI DUNG HIỆU CHỈNH REVISION CONTENTS	BY	NGÀY DATE
A	ISSUED FOR CONSTRUCTION	CIC	04-03-2011
B			
C			
D			

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
ISSUED FOR

T.K CƠ SỞ CONCEPT DESIGN
TRÌNH DUYỆT APPROVAL
THI CÔNG CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG AS-BUILT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DÂN DỤNG CÔNG NGHIỆP SỐ 1
CIVIL INDUSTRIAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY No.1

CIC
18 ĐƯỜNG KIỆT STREET, TÂN BÌNH WARD, BIÊN HÒA CITY, ĐỒNG NAI PROVINCE
Tel: (061) 2990107, Fax: (061) 2897540
Email: c@ic.vn
http://www.ic.vn

PHÓ GIÁM ĐỐC - DEPUTY DIRECTOR
ĐỒNG VĂN ĐÔNG
CHỦ TRƯỞNG DỰ ÁN
CHỦ TRƯỞNG DỰ ÁN

THIẾT KẾ - DESIGNED BY
hul

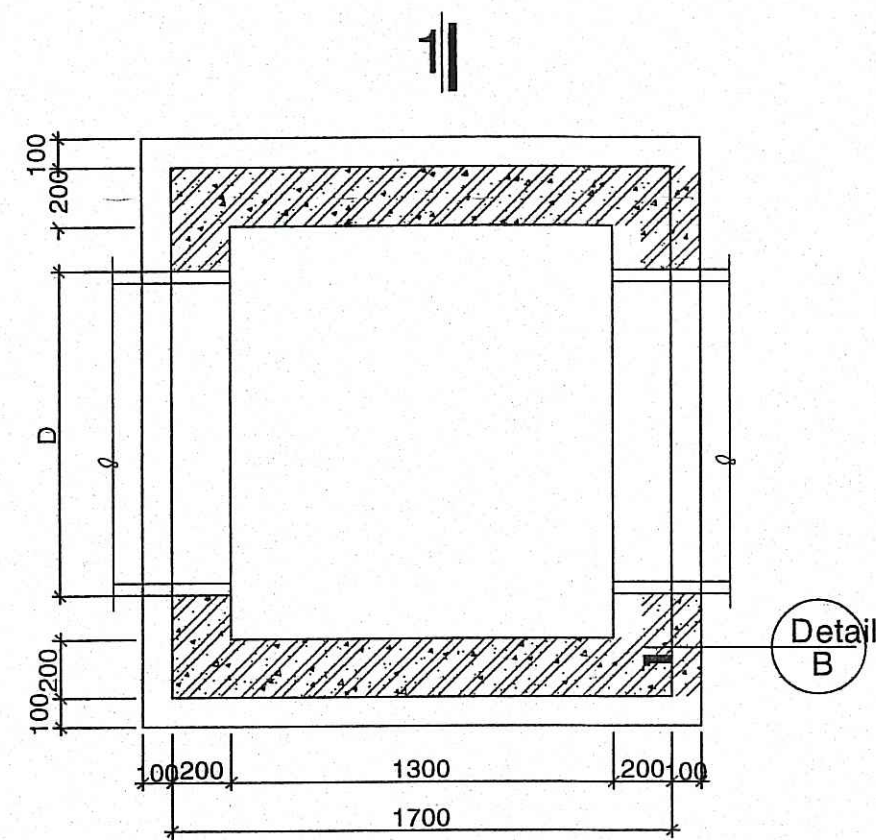
KIỂM - CHECKED BY

CÔNG TRÌNH - PROJECT
PARK CORP VIET NAM LTD.
PARK TRÁ VINH FACTORY
TRÁCH NHIỆM THIẾT KẾ
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION
LONG ĐỨC INDUSTRIAL PARK
TRÁ VINH PROVINCE

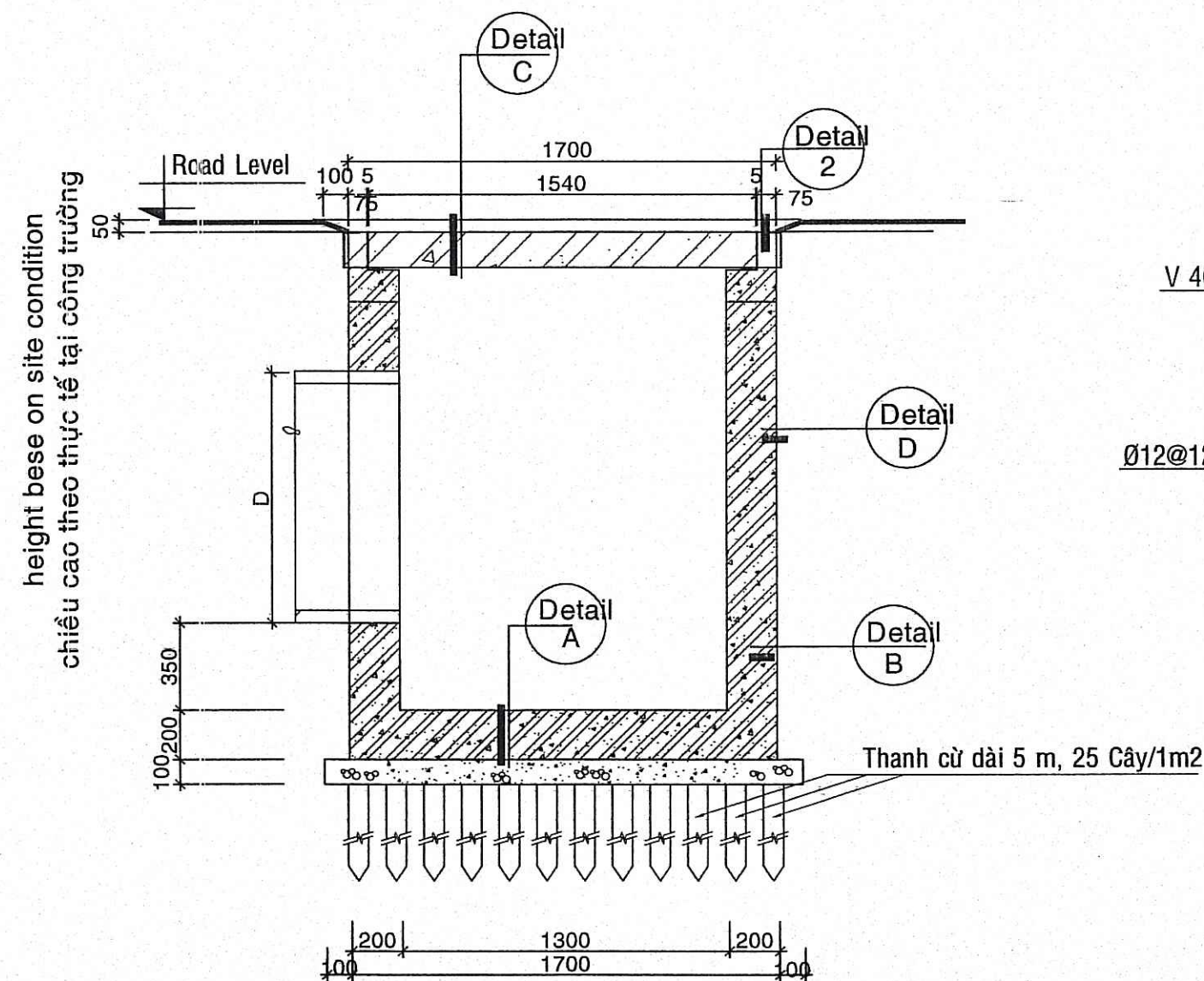
HẠNG MỤC - ITEM
WORKSHOP A, B, C
XƯỞNG A, B, C

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE
1ST FLOOR PLAN
MẶT BẰNG TẦNG 1

TỶ LỆ SCALE	TỔNG SỐ BẢN VẼ DWG. TOTAL	0000
SỐ BẢN VẼ DRAWING No.	P-W-01	
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUE DATE	03/2011	

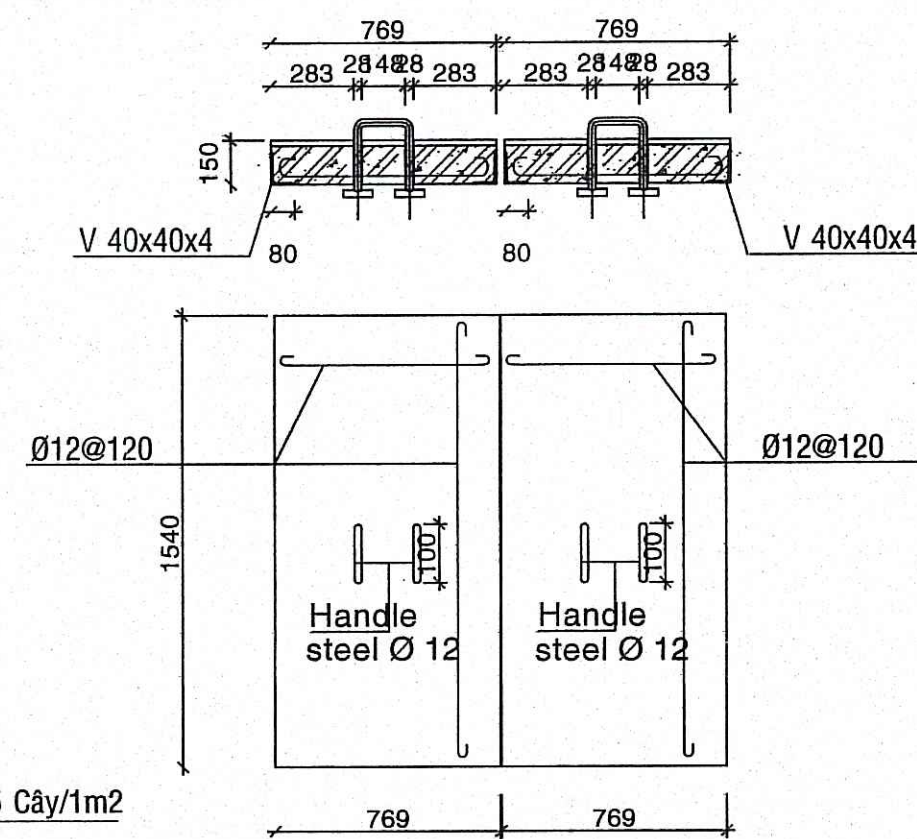


MẶT BẰNG
PLAN



MẶT CẮT 1-1
SECTION 1-1

CHI TIẾT HỐ GA LOẠI A (D1000)
D1000 MANHOLE TYPE A DETAIL



NẮP HỐ GA
COVER

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

D. Y. PARK

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

T.T No	NỘI DUNG HIỆU CHỈNH REVISION CONTENTS	BY	NGÀY DATE
A	ISSUED FOR CONSTRUCTION	CIC	04-03-2011
B			
C			
D			

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
ISSUED FOR

T.K CỐ SỞ	<input type="checkbox"/>	CONCEPT DES
TRÌNH DUYỆT	<input type="checkbox"/>	APPROVAL
THI CÔNG	<input checked="" type="checkbox"/>	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	<input type="checkbox"/>	AS-BUILT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DẪN DUNG CÔNG NGHIỆP SỐ 1
CIVIL INDUSTRIAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY No.1



15 ĐƯỜNG KHUỖI THƯỜNG TÂN THỊNH WARD, BÌNH HOÀ CITY, ĐỒNG NAI PROVINCE

Tel: (091) 3991127 Fax: (091) 3872546

Email: cfc@ctc.vn

http://www.ctc.vn

PHÓ GIÁM ĐỐC - DEPUTY DIRECTOR

CÔNG NGHIỆP SỐ 1

ĐỒNG NAI

15 BÌNH HOÀ

ENG. ÔN VĂN DŨNG

CHỦ TRƯỞNG PROJECT MANAGER

ENG. ÔN VĂN DŨNG

THIẾT KẾ - DESIGNED BY

KIỂM - CHECKED BY

CÔNG TRÌNH - PROJECT

PARK CORP VIET NAM LTD.

PARK TRÁI VINH FACTORY

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION

LONG ĐỨC INDUSTRIAL PARK

TRÁI VINH PROVINCE

HẠNG MỤC - ITEM

PLUMBING

HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

SEPTIC TANK DETAIL

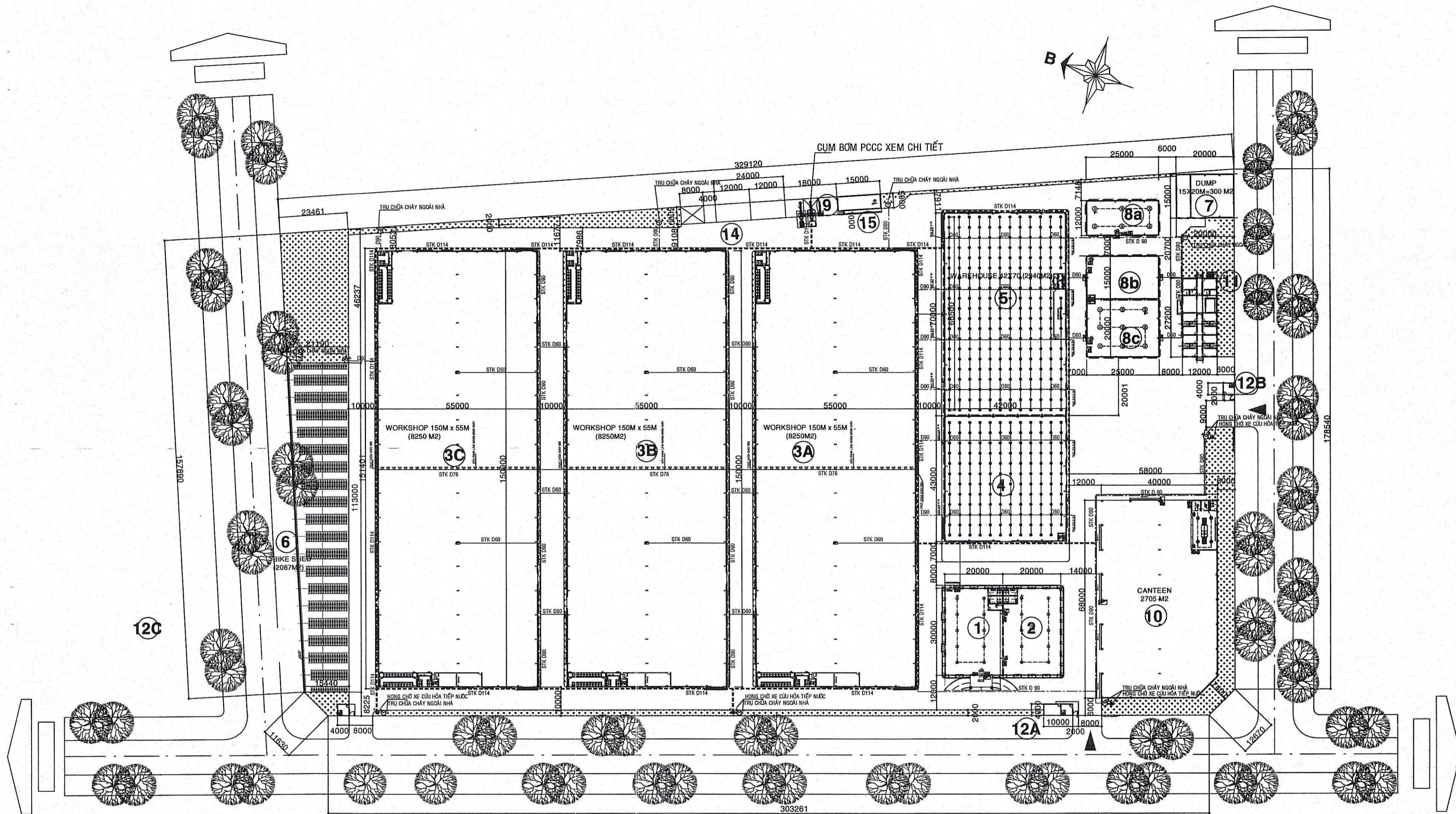
CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI

TỶ LỆ SCALE

TỔNG SỐ BẢN VẼ DWG.TOTAL 00000

SỐ BẢN VẼ DRAWING No. P-D-01

NGÀY PHÁT HÀNH ISSUE DATE 03/2011




MASTER GROUND FLOOR PLAN - MẶT BẰNG TỔNG THỂ TRỆT
 TỈ LỆ: 1/1000 (SCALE: 1/1000)

GHI CHÚ (LEGEND):

- | | | | |
|--|-------------------------------------|---|---|
| 1. VĂN PHÒNG
(1. MAIN OFFICE) | 6. NHÀ XE
(6. BIKE SHED) | 9. HỒ NƯỚC NGẦM 5x10x4= 200 M3
- THÁP NƯỚC
(9. UNDERGROUND WATERTANK
5x10x4= 200 M3 - WATER TOWER) | 12 B. NHÀ BẢO VỆ 4M x 4M
(12 B. GUARD HOUSE 4M x 4M) |
| 2. PHÒNG MẪU
(2. SAMPLE) | 7. NHÀ RÁC
(7. DUMP) | 10. NHÀ ĂN
(10. CAN TEEN) | 12 C. NHÀ BẢO VỆ 4M x 4M
(12 C. GUARD HOUSE 4M x 4M) |
| 3. XƯỞNG A, B, C
(3. WORKSHOP A, B, C) | 8a. KHO VẬT LIỆU
(8a. HAZARDOUS) | 11. NHÀ NGHỈ CHUYÊN GIA
(11. DORMITORY) | 14. TRẠM BIẾN ĐIỆN, MÁY PHÁT
(14. TRANSFORMER, ELECTRICAL ROOM,
GENERATOR ROOM) |
| 4. NHÀ KHO HOÀN THIỆN
(4. FINISHED GOODS WAREHOUSE) | 8b. PHÒNG CẮT
(8a. CUTTING ROOM) | 12 A. NHÀ BẢO VỆ CHÍNH 4M x 10M
(12 A. MAIN GUARD HOUSE 4M x 10M) | 15. NHÀ BẢO TRÌ
(15. MAINTENANCE HOUSE 5 x 15 M= 75M2) |
| 5. WAREHOUSE
(5. KHO) | 8c. KHO MÁY
(8c. MC WAREHOUSE) | | |

TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ

TCVN - 3254- 1989- AN TOÀN CHÁY - YÊU CẦU CHUNG
 TCVN - 2622 - 1995 - PHÒNG CHỐNG CHÁY CHO NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH.-YÊU CẦU THIẾT KẾ
 TCVN - 5760 - 1993 - HỆ THỐNG CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY - YÊU CẦU THIẾT KẾ.
 TCVN - 5739 - 1993 - THIẾT BỊ CHỮA CHÁY ĐẦU NỒI
 TCVN - 5738- 2001 HỆ THỐNG BÁO CHÁY TỰ ĐỘNG YÊU CẦU KỸ THUẬT .
 TCXD - 218 - 1998 HỆ THỐNG PHÁT HIỆN CHÁY VÀ BẢO ĐỘNG CHÁY - QUY ĐỊNH CHUNG .

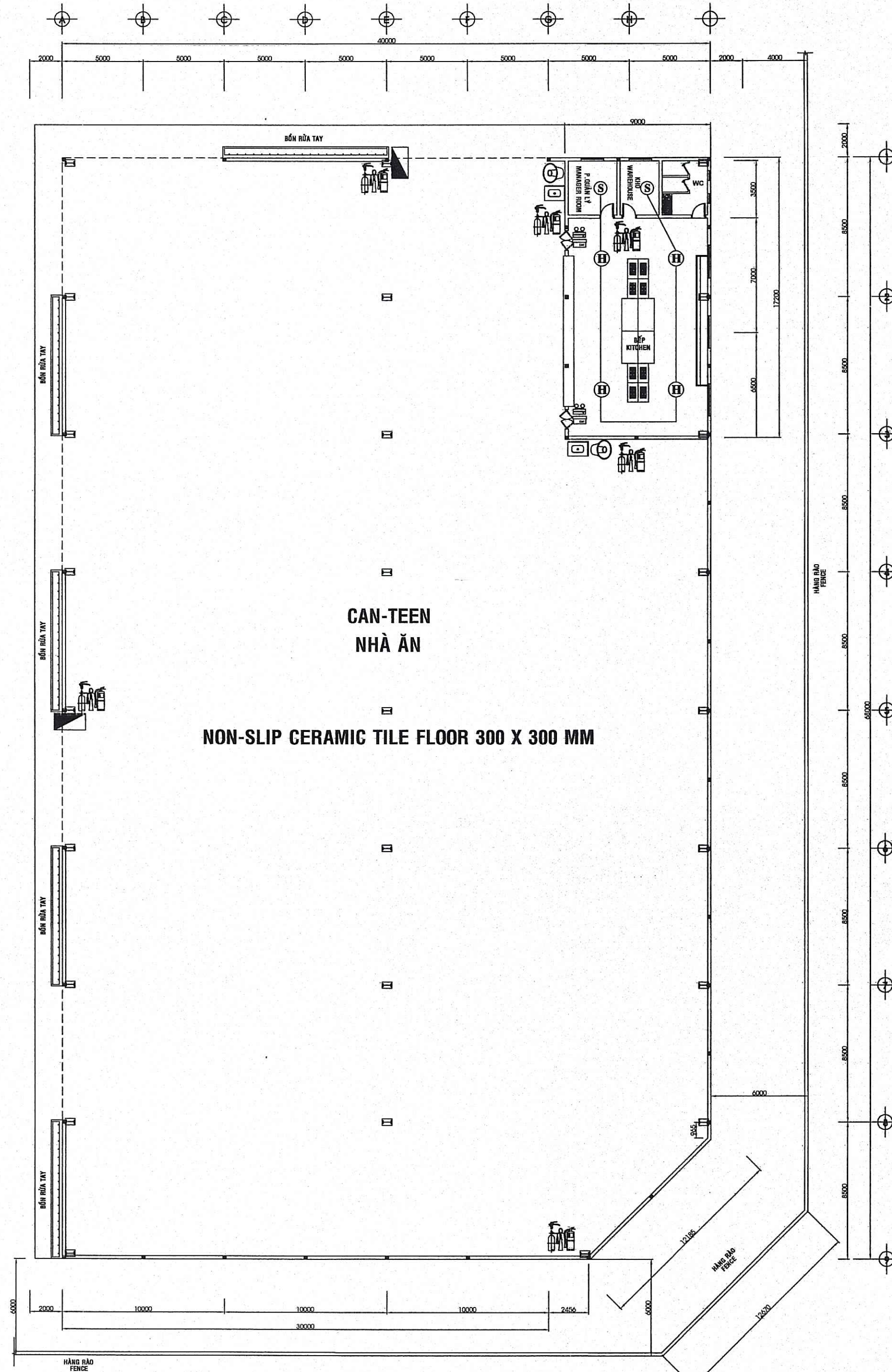
CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR D. Y. PARK			
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ INSPECTING AUTHORITY			
T.T No	NỘI DUNG HIỆU CHỈNH REVISION CONTENTS	BY	NGÀY DATE
A			
B			
C			
D			
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR			
T.K CƠ SỞ	<input type="checkbox"/> CONCEPT DESIGN		
TRÌNH DUYỆT	<input type="checkbox"/> APPROVAL		
THI CÔNG	<input checked="" type="checkbox"/> CONSTRUCTION		
HOÀN CÔNG	<input type="checkbox"/> AS-BUILT		
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DÂN DỤNG CÔNG NGHIỆP SỐ 1 CIVIL INDUSTRIA . CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY No.1			
 ĐƯỜNG KHỐI STREET - AN TIÊN WARD, BIÊN HÒA CITY, ĐỒNG NAI PROVINCE. Tel: (051) 3994107, Fax: (051) 3997646 Email: c1@cc-1.vn http://www.c1.vn			
PHÓ GIÁM ĐỐC - DEPUTY DIRECTOR DÂN DỤNG CÔNG NGHIỆP SỐ 1 ĐỒNG NAI			
ENG. ÔN VĂN DŨNG CHỦ TRÌ-PROJECT MANAGER ENG. ÔN VĂN DŨNG THIẾT KẾ - DESIGNED BY <i>AVD</i>			
KIỂM - CHECKED BY			
CÔNG TRÌNH - PROJECT PARK CORP VIET NAM LTD. PARK TRA VINH FACTORY TRÁCH NHIỆM HỒ SƠ ĐỊA ĐIỂM - LOCATION LONG ĐỨC INDUSTRIAL PARK TRÀ VINH PROVINCE VINH-T.TR			
HANG MỤC - ITEM MẶT BẰNG TỔNG THỂ (MASTER ROOF PLAN)			
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE MẶT BẰNG TỔNG THỂ TRỆT (MASTER GROUND FLOOR PLAN) HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY			
TỶ LỆ SCALE	1/100	TỔNG SỐ BẢN VẼ DWG.TOTAL	14
SỐ BẢN VẼ DRAWING No.	03-2011PC-01-14		
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUE DATE	03/2011		

DO NOT SCALE DRAWING - COPYRIGHT RESERVED - ALL MEASUREMENT MUST BE CHECKED ON SITE

TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ

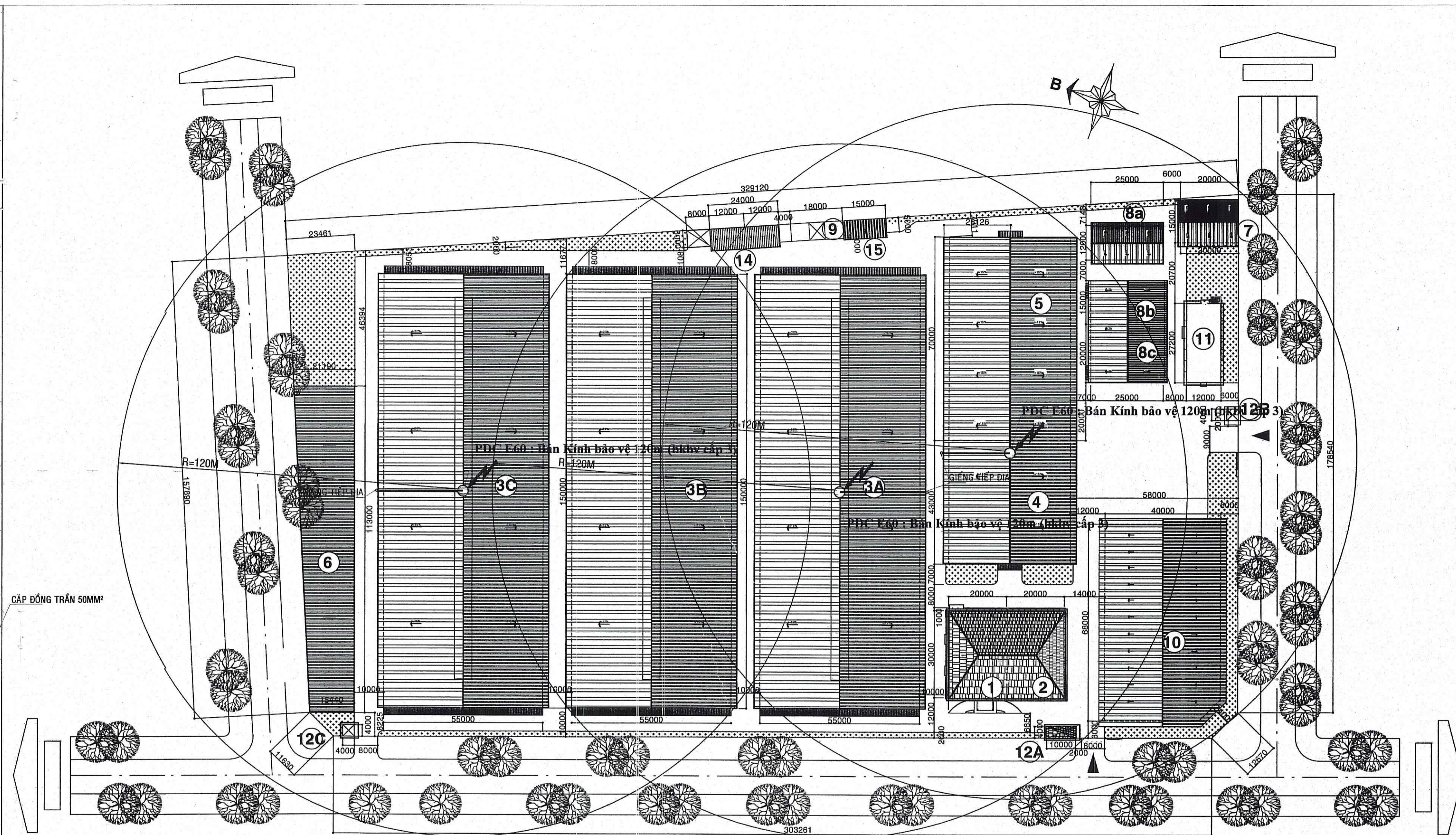
TCVN - 3254- 1989- AN TOÀN CHÁY - YẾU CẦU CHUNG
 TCVN - 2622 - 1995 - PHÒNG CHỐNG CHÁY CHO NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH.-YẾU CẦU THIẾT KẾ
 TCVN - 5760 - 1993 - HỆ THỐNG CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY - YẾU CẦU THIẾT KẾ.
 TCVN - 5739 - 1993 - THIẾT BỊ CHỮA CHÁY ĐẦU NỔI
 TCVN - 5738- 2001 HỆ THỐNG BÁO CHÁY TỰ ĐỘNG YẾU CẦU KỸ THUẬT .
 TCXD - 218 - 1998 HỆ THỐNG PHÁT HIỆN CHÁY VÀ BÁO ĐỘNG CHÁY - QUY ĐỊNH CHUNG .

SỐ TT	KÝ HIỆU	TÊN THIẾT BỊ	SL
1		TỦ CHỮA CHÁY VÁCH TƯỜNG (600X400X200)	02
2		BÌNH CHỮA CHÁY CO2 - 5KG + BÌNH BỘT F8	04
3		ĐẦU BÁO NHIỆT	04
4		ĐẦU BÁO KHÓI	02
5		DIỆN TRỞ CUỐI TUYẾN	01
6		CÒI BẢO ĐỘNG	02
7		ĐÈN XÍT CHỈ LỐI THOÁT HIỂM	02
8		ĐÈN CHIẾU SÁNG SỰ CỐ	02
9		CÔNG TẮC KHẨN CẤP	02



MẶT BẰNG TẦNG 1, TỶ LỆ : 1/150
 GROUND FLOOR PLAN, SCALE 1/150

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR			
D. Y. PARK			
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ INSPECTING AUTHORITY			
T.T No	NỘI DUNG HIỆU CHỈNH REVISION CONTENTS	BY	NGÀY DATE
A			
B			
C			
D			
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR			
T.K CƠ SỞ		<input type="checkbox"/> CONCEPT DESIGN	
TRÌNH DUYỆT		<input type="checkbox"/> APPROVAL	
THI CÔNG		<input checked="" type="checkbox"/> CONSTRUCTION	
HOÀN CÔNG		<input type="checkbox"/> AS-BUILT	
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DÀN DỰNG CÔNG NGHIỆP SỐ 1 CIVIL INDUSTRIAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY No.1			
ĐÔNG KHUỆ ST. EST., TÂN TIỀN WARD, BÌNH HOÀ CITY, ĐỒNG NAI PROVINCE Tel: (84) 11 3996107, Fax: (84) 11 3997646 Email: c1@ctc.vn http://www.ctc.vn			
PHÓ GIÁM ĐỐC - DEPUTY DIRECTOR ĐỒNG NAI PROVINCE CÔNG NGHIỆP SỐ 1 ĐỒNG NAI			
ENG. ÔN VĂN DŨNG CHỦ TRÌ-PROJECT MANAGER			
ENG. ÔN VĂN DŨNG THIẾT KẾ - DESIGNED BY			
KIỂM - CHECKED BY			
CÔNG TRÌNH - PROJECT PARK CORP VIET NAM LTD. PARK TRÀ VINH FACTORY (CÔNG TRƯỜNG HỮU HẠ) ĐỊA ĐIỂM - LOCATION OF THE PROJECT LONG ĐỨC INDUSTRIAL PARK TRÀ VINH PROVINCE			
HẠNG MỤC - ITEM CĂN TIN (CAN-TEEN)			
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE MẶT BẰNG TRỆT (GROUND FLOOR PLAN) HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY			
TỶ LỆ SCALE	1/100	TỔNG SỐ BẢN VẼ DWG TOTAL	14
SỐ BẢN VẼ DRAWING No.	03-2011\PC-07-14		
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUE DATE	03/2011		



MASTER ROOF PLAN - MẶT BẰNG TỔNG THỂ
 TỈ LỆ: 1/1000 (SCALE: 1/1000)

GHI CHÚ (LEGEND):

- 1. VĂN PHÒNG (1. MAIN OFFICE)
- 2. PHÒNG MẪU (2. SAMPLE)
- 3. XƯỞNG A, B, C (3. WORKSHOP A, B, C)
- 4. NHÀ KHO HOÀN THIỆN (4. FINISHED GOODS WAREHOUSE)
- 5. WAREHOUSE (5.KHO)

- 6. NHÀ XE (6.BIKE SHED)
- 7. NHÀ RÁC (7. DUMP)
- 8a. KHO VẬT LIỆU (8a.HAZARDOUS)
- 8b. PHÒNG CẮT (8a.CUTTING ROOM)
- 8c. KHO MÁY (8c.MC WAREHOUSE)

- 9. HỒ NƯỚC NGẦM 5x10x4= 200 M3 - THÁP NƯỚC (9.UNDERGROUND WATERTANK 5x10x4= 200 M3 - WATER TOWER)
- 10. NHÀ ĂN (10. CAN TEEN)
- 11. NHÀ NGHỈ CHUYÊN GIA (11. DORMITORY)
- 12 A. NHÀ BẢO VỆ CHÍNH 4M x 10M (12 A. MAIN GUARD HOUSE 4M x 10M)

- 12 B. NHÀ BẢO VỆ 4M x 4M (12 B. GUARD HOUSE 4M x 4M)
- 12 C. NHÀ BẢO VỆ 4M x 4M (12 C. GUARD HOUSE 4M x 4M)
- 14. TRẠM BIẾN ĐIỆN, MÁY PHÁT (14. TRANSFORMER, ELECTRICAL ROOM, GENERATOR ROOM)
- 15. NHÀ BẢO TRÌ (15. MAINTENANCE HOUSE 5 x 15 M= 75M2)

BẢNG KHỐI LƯỢNG

III. HỆ THỐNG CHỐNG SÉT ĐÁNH TRỰC TIẾP			
1	Ống PVC Ø 34	m	161
2	Chân đế đỡ trụ kim thu sét	Bộ	3
3	Hộp đo điện trở đất + lá đồng	hộp	3
4	Khớp nối trụ	cái	3
5	Bộ cáp neo trụ kim thu sét hiện đại	Bộ	3
6	Tầng đỡ giằng	Bộ	3
7	Bộ máy kim thu sét hiện đại	Bộ	3
8	Ốc xiết cáp đồng thoát sét	con	15
9	Ốc xiết cọc te phân giải điện	con	12
10	Cáp đồng trần Ø 50mm2	m	221
11	Giá đỡ trụ kim	cái	3
12	Trụ đỡ kim	cái	3
13	Cọc tiếp địa mạ đồng Ø 16 - L=2.4m	cọc	6
14	Kim thu sét INGBSCO PDC-B6	cây	3
15	Giếng tiếp địa	cái	3
16	Vật liệu phụ (ốc, vít, sơn đỏ, bát...)	lô	1

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
D. Y. PARK

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
INSPECTING AUTHORITY

T.T No	NỘI DUNG HIỆU CHỈNH REVISION CONTENTS	BY	NGÀY DATE
A			
B			
C			
D			

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
ISSUED FOR

T.K CƠ SỞ CONCEPT DESIGN
 TRÌNH DUYỆT APPROVAL
 THI CÔNG CONSTRUCTION
 HOÀN CÔNG AS-BUILT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DẪN DUNG CÔNG NGHIỆP SỐ 1
 CIVIL INDUSTRIAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY No.1

PHÓ GIÁM ĐỐC - DEPUTY DIRECTOR
 CÔNG NGHIỆP SỐ 1
 ĐỒNG HÒA - TỈNH BIÊN HÒA

ENG. ÔN VĂN DŨNG
 CHỦ TRÌ PROJECT MANAGER

ENG. ÔN VĂN DŨNG
 THIẾT KẾ - DESIGNED BY

KIỂM - CHECKED BY

CÔNG TRÌNH - PROJECT
 PARK CORP VIET NAM LTD.
 PARK TRÀ VINH FACTORY

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION
 TRÁCH NHIỆM THIẾT KẾ
 TRÁNH THÀNH VIÊN
 LONG DUC INDUSTRIAL PARK
 TRÀ VINH PROVINCE

HẠNG MỤC - ITEM
**MẶT BẰNG TỔNG THỂ MÁI
 (MASTER ROOF PLAN)**

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE
**MẶT BẰNG TỔNG THỂ MÁI
 (MASTER ROOF PLAN)
 HỆ THỐNG CHỐNG SÉT TRỰC TIẾP**

TỶ LỆ SCALE	1/100	TỔNG SỐ BẢN VẼ DWG. TOTAL	14
SỐ BẢN VẼ DRAWING NO.	03-2011\PC-12-14		
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUE DATE	03/2011		